

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

VỤ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN

GIÁO DỤC TRUNG HỌC 2

Tài liệu tập huấn giáo viên
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP THPT

Môn: TIẾNG ANH

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

Hà Nội, tháng 7/2022

Chủ trì biên soạn tài liệu

- 1. VỤ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**
- 2. CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TRUNG HỌC**

Tham gia biên soạn tài liệu

- 1. TS. Nguyễn Thị Hương Lan**
- 2. ThS. Lê Thanh Hà**
- 3. ThS. Nguyễn Thị Bảo Ngọc**

LỜI NÓI ĐẦU

Chương trình GDTX cấp THPT là Chương trình giáo dục để lấy văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân thuộc một trong những Chương trình GDTX được quy định trong Luật Giáo dục 2019. Chương trình GDTX cấp THPT có yêu cầu tương đương về nội dung với Chương trình phổ thông có cùng cấp học được áp dụng cho các HV theo học tại các cơ sở GDTX.

Nhằm giúp các cơ sở GDTX, GV hiểu rõ về chương trình học; tổ chức có hiệu quả việc triển khai thực hiện Chương trình GDTX cấp THPT; và thống nhất triển khai chung trong toàn quốc, Vụ GDTX phối hợp Chương trình phát triển Giáo dục trung học giai đoạn 2 tổ chức biên soạn Tài liệu tập huấn hướng dẫn thực hiện Chương trình GDTX cấp THPT theo Chương trình GDPT 2018.

Nội dung tài liệu nhằm hướng dẫn GV xây dựng kế hoạch dạy học, thực hiện tổ chức dạy học theo định hướng phát triển năng lực và kiểm tra đánh giá theo yêu cầu cần đạt của Chương trình GDTX cấp THPT, vận dụng phù hợp với điều kiện dạy-học của GDTX và chú trọng đến đối tượng người học.

Cấu trúc tài liệu gồm 2 phần:

Phần thứ nhất. Những vấn đề chung về Chương trình GDTX cấp THPT.

Phần thứ hai. Hướng dẫn thực hiện chương trình môn Tiếng Anh gồm:

Bài 1. Giới thiệu chương trình môn Tiếng Anh

Bài 2. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch bài học, tổ chức dạy học.

Bài 3. Kiểm tra, đánh giá môn Tiếng Anh theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học.

Mặc dù các tác giả đã có nhiều cố gắng, song đây là những vấn đề mới, vì vậy tài liệu cần tiếp tục được bổ sung để hoàn thiện.

Nhóm tác giả rất mong nhận được ý kiến phản hồi, góp ý của các đồng nghiệp để tài liệu thực sự phát huy tác dụng tích cực trong việc bồi dưỡng GV.

Trân trọng cảm ơn.

Các tác giả

KÝ HIỆU VIẾT TẮT

<i>STT</i>	<i>Các từ viết tắt</i>	<i>Viết đầy đủ</i>
1.	GDTX	Giáo dục thường xuyên
2.	ĐGDK	Đánh giá định kì
3.	ĐGTX	Đánh giá thường xuyên
4.	GV	Giáo viên
5.	HV	Học viên
6.	HĐTN	Hoạt động trải nghiệm
7.	KHBD	Kế hoạch bài dạy
8.	KHGD	Kế hoạch giáo dục
9.	KTĐG	Kiểm tra, đánh giá
10.	PPDH	Phương pháp dạy học
11.	QTDH	Quá trình dạy học
12.	TCM	TCM
13.	THCS	Trung học cơ sở
14.	THPT	Trung học phổ thông
15.	GDPT	Giáo dục phổ thông
16.	YCCĐ	Yêu cầu cần đạt

MỤC LỤC

Phần thứ nhất. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG	9
I. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH GD TX CẤP THPT	9
II. MỤC TIÊU	10
III. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC	10
1. Yêu cầu về phẩm chất	10
2. Yêu cầu về năng lực	10
3. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chủ yếu của HV	11
4. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù môn học	16
1. Nội dung giáo dục	18
2. Thời lượng giáo dục	21
V. ĐỊNH HƯỚNG VỀ NỘI DUNG GIÁO DỤC	22
VI. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC	22
1. Định hướng về phương pháp giáo dục	22
2. Hình thức tổ chức dạy học	23
3. Định hướng về đánh giá kết quả giáo dục	23
VII. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GD TX CẤP THPT	25
1. Về đội ngũ cán bộ quản lí và GV	25
2. Về CSVC, TBDH	25

Phần thứ hai. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MÔN TIẾNG ANH	27
---	----

Bài 1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MÔN TIẾNG ANH	27
I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC	27
II. MỤC TIÊU	28
1. Mục tiêu chung	28
2. Mục tiêu cụ thể	28
III. YÊU CẦU CẦN ĐẠT	29
1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung	29

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù	29
IV. NỘI DUNG GIÁO DỤC.....	29
1. Nội dung khái quát.....	29
2. Nội dung cụ thể.....	34
V. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC.....	39
1. Nguyên tắc chủ đạo của đường hướng dạy học ngôn ngữ giao tiếp.....	39
2. Một số phương pháp giáo dục đặc thù.....	40
3. Giới thiệu một số các kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn Tiếng Anh.....	41
4. Các kỹ thuật dạy học tích cực sử dụng trong dạy các kỹ năng tiếp nhận (receptive skills): nghe và đọc.....	43
5. Các kỹ thuật dạy học tích cực sử dụng trong dạy các kỹ năng sản sinh (productive skills): nói và viết.....	48
6. Dạy kiến thức ngôn ngữ.....	52
VI. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC	55
VII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	56
1. Thời lượng dạy học.....	56
2. Các điều kiện cơ bản đảm bảo thực hiện Chương trình.....	56
Bài 2. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN TIẾNG ANH THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC HỌC VIÊN	58
I. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC TCM.....	58
1. Khái niệm và ý nghĩa của việc xây dựng KHGD của TCM.....	58
2. Các yêu cầu đối với việc xây dựng KHGD của TCM.....	59
3. Vai trò của GV trong việc xây dựng và thực hiện KHGD của TCM.....	60
4. Cấu trúc KHGD của TCM.....	60
II. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN.....	69
1. Quan niệm và ý nghĩa của việc xây dựng kế hoạch giáo dục của GV....	69
2. Các yêu cầu khi xây dựng KHGD của GV.....	70
3. Cấu trúc KHGD của GV.....	71
4. Quy trình xây dựng KHGD của GV.....	73
III. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY	76
1. Quan niệm và vai trò của kế hoạch bài dạy.....	76
2. Yêu cầu đối với việc xây dựng KHBD.....	78

3. Định hướng cấu trúc kế hoạch bài dạy	80
4. Quy trình xây dựng kế hoạch bài dạy	82
V. Phân tích, đánh giá kế hoạch bài dạy	89
KẾ HOẠCH BÀI HỌC MINH HỌA	95
<i>Bài 3. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC VIÊN</i>	
<i>THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC</i>	
<i>.....</i>	<i>105</i>
I. Các xu hướng hiện đại về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, giáo dục nhằm phát triển phẩm chất, năng lực người học	105
II. Sử dụng phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập và kết quả đánh giá trong dạy học, giáo dục	111
III. Xây dựng công cụ kiểm tra đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của học viên môn Tiếng Anh THPT	131

**NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

I. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP THPT

1. Chương trình Giáo dục thường xuyên (GDTX) cấp trung học phổ thông (THPT) là văn bản thể hiện mục tiêu giáo dục cấp THPT, quy định các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của HV, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục và phương pháp đánh giá kết quả giáo dục, làm căn cứ quản lý chất lượng GDTX;

2. Chương trình GDTX cấp THPT được xây dựng trên cơ sở căn cứ vào Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Chương trình GDPT 2018), đồng thời kế thừa và phát triển những ưu điểm của Chương trình GDTX cấp THPT hiện hành theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của người học.

3. Chương trình GDTX cấp THPT bảo đảm phát triển phẩm chất và năng lực người học theo Chương trình GDPT 2018 cùng cấp học. Nội dung các môn học của Chương trình GDTX cấp THPT đảm bảo kiến thức cơ bản, cốt lõi tối thiểu về yêu cầu cần đạt và chuẩn đầu ra của Chương trình GDPT 2018 cùng cấp học, đồng thời lựa chọn số môn học văn hóa cho phù hợp với khả năng nhận thức của HV và điều kiện thực tế dạy học của các cơ sở GDTX.

4. Nội dung giáo dục của Chương trình GDTX cấp THPT lựa chọn những kiến thức, kỹ năng cơ bản, thiết thực, hiện đại; chú trọng thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề trong đời sống. Căn cứ vào yêu cầu cần đạt quy định tại Chương trình GDPT 2018 có điều chỉnh

và tinh giảm mức độ kiến thức, chủ yếu là mức độ nhận biết, thông hiểu và vận dụng; tăng cường bài học hướng dẫn tự học và bổ sung những kiến thức thực hành, vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.

II. MỤC TIÊU

Chương trình GDTX cấp THPT nhằm tạo cơ hội học tập cho người học có nhu cầu để đạt được trình độ giáo dục THPT theo hình thức GDTX, đáp ứng yêu cầu nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực của địa phương và nhu cầu học tập suốt đời, góp phần xây dựng xã hội học tập.

– Mục tiêu chung của Chương trình GDTX cấp THPT nhằm giúp HV (HV) tiếp tục phát triển những phẩm chất, năng lực cần thiết đối với người lao động, ý thức và nhân cách công dân, khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời, hoàn thiện học vấn THPT và định hướng nghề nghiệp phù hợp với năng lực, điều kiện và hoàn cảnh của bản thân, đáp ứng yêu cầu có thể tham gia vào thị trường lao động, nâng cao chất lượng việc làm và tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

– Chương trình GDTX cấp THPT nhằm cụ thể hoá mục tiêu Chương trình GDPT 2018 cấp THPT đối với GDTX, giúp HV làm chủ kiến thức phổ thông, biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống và tự học suốt đời, có định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp, biết xây dựng và phát triển hài hoà các mối quan hệ xã hội, có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại.

III. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC

1. Yêu cầu về phẩm chất

Chương trình GDTX cấp THPT hình thành và phát triển cho HV những phẩm chất chủ yếu sau: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

2. Yêu cầu về năng lực

Chương trình GDTX cấp THPT hình thành và phát triển cho HV những năng lực cốt lõi sau:

a) Những năng lực chung được hình thành, phát triển thông qua tất cả các môn học: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

b) Những năng lực đặc thù được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và hoạt động giáo dục nhất định: Năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực khoa học, năng lực công nghệ, năng lực tin học.

3. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chủ yếu của HV

Những yêu cầu cần đạt cụ thể về phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi được quy định tại phần thứ nhất. Những vấn đề chung về Chương trình GDTX cấp THPT. Các phẩm chất và năng lực đặc thù được quy định tại chương trình môn học.

a) Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu của HV

Phẩm chất	Yêu cầu cần đạt
Yêu nước	<ul style="list-style-type: none"> – Tích cực, chủ động và vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên. – Tự giác thực hiện và vận động người khác thực hiện các quy định của pháp luật, góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam. – Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị các di sản văn hoá. – Đấu tranh với các âm mưu, hành động xâm phạm lãnh thổ, biên giới quốc gia, các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia bằng thái độ và việc làm phù hợp với lứa tuổi, với quy định của pháp luật. – Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.
Nhân ái	
Yêu quý mọi người	<ul style="list-style-type: none"> – Quan tâm đến mối quan hệ hài hoà với những người khác. – Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. – Chủ động, tích cực vận động người khác tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người	<ul style="list-style-type: none"> – Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hoá cá nhân. – Cảm thông, độ lượng với những hành vi, thái độ có lỗi của người khác.
Chăm chỉ	
Ham học	<ul style="list-style-type: none"> – Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập. – Tích cực tham gia học tập; có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả trong học tập.
Chăm làm	<ul style="list-style-type: none"> – Tích cực tham gia và vận động mọi người tham gia các công việc phục vụ cộng đồng. – Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong lao động. – Tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai.
Trung thực	<ul style="list-style-type: none"> – Nhận thức và hành động theo lẽ phải. – Sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt. – Tự giác tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống, các hành vi vi phạm chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.
Trách nhiệm	
Có trách nhiệm với bản thân	<ul style="list-style-type: none"> – Tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của bản thân. – Có ý thức sử dụng tiền hợp lí khi ăn uống, mua sắm đồ dùng học tập, sinh hoạt. – Sẵn sàng chịu trách nhiệm về những lời nói và hành động của bản thân.
Có trách nhiệm đối với gia đình	<ul style="list-style-type: none"> – Có ý thức làm tròn bổn phận với người thân và gia đình. – Quan tâm bàn bạc với người thân, xây dựng và thực hiện kế hoạch chi tiêu hợp lí trong gia đình.
Có trách nhiệm với trung tâm và xã hội	<ul style="list-style-type: none"> – Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động công ích của trung tâm và xã hội. – Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền pháp luật. – Đánh giá được hành vi chấp hành kỉ luật, pháp luật của bản thân và người khác; đấu tranh phê bình các hành vi vô kỉ luật, vi phạm pháp luật.

Có trách nhiệm với môi trường sống	<ul style="list-style-type: none"> – Hiểu rõ ý nghĩa của tiết kiệm đối với sự phát triển bền vững; có ý thức tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; đấu tranh ngăn chặn các hành vi sử dụng bừa bãi, lãng phí vật dụng, tài nguyên. – Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.
------------------------------------	---

b) Yêu cầu cần đạt về năng lực chung

Năng lực	Yêu cầu cần đạt
Năng lực tự chủ và tự học	
Tự lực	Luôn chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; biết giúp đỡ người khác gặp khó khăn để vươn lên để có lối sống tự lực.
Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng	Biết khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu cá nhân phù hợp với đạo đức và pháp luật.
Tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của mình	<ul style="list-style-type: none"> – Đánh giá được những ưu điểm và hạn chế về tình cảm, cảm xúc của bản thân; tự tin, lạc quan. – Biết tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của bản thân; luôn bình tĩnh và có cách cư xử đúng mực. – Sẵn sàng đón nhận và quyết tâm vượt qua thử thách trong học tập và đời sống. – Biết tự phòng tránh các tệ nạn xã hội.
Thích ứng với cuộc sống	<ul style="list-style-type: none"> – Điều chỉnh được hiểu biết, kĩ năng, kinh nghiệm của cá nhân thích ứng với cuộc sống mới. – Thay đổi được cách tư duy, cách biểu hiện thái độ, cảm xúc của bản thân để đáp ứng với yêu cầu mới, hoàn cảnh mới.
Định hướng nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> – Nhận thức được cá tính và giá trị sống của bản thân. – Biết được những thông tin chính về thị trường lao động, về yêu cầu và triển vọng của các ngành nghề để lựa chọn cho phù hợp với khả năng của bản thân.

	<ul style="list-style-type: none"> – Xác định được hướng phát triển của bản thân phù hợp sau THPT; lựa chọn học các môn học phù hợp với năng lực và định hướng nghề nghiệp của bản thân.
Tự học, tự hoàn thiện	<ul style="list-style-type: none"> – Xác định được nhiệm vụ học tập dựa trên kết quả đã đạt được; biết đặt mục tiêu học tập chi tiết, cụ thể, khắc phục những hạn chế. – Đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập; hình thành cách học riêng của bản thân; tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp với mục đích, nhiệm vụ học tập khác nhau; ghi chép thông tin bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết. – Tự nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập; suy ngẫm cách học của mình, rút kinh nghiệm để có thể vận dụng vào các tình huống khác; biết tự điều chỉnh cách học. – Biết thường xuyên tu dưỡng theo mục tiêu phấn đấu cá nhân và các giá trị công dân.
Năng lực giao tiếp và hợp tác	
Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp	<ul style="list-style-type: none"> – Xác định được mục đích giao tiếp phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp; dự kiến được thuận lợi, khó khăn để đạt được mục đích trong giao tiếp. – Biết lựa chọn nội dung, kiểu loại văn bản, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp. – Tiếp nhận được các văn bản về những vấn đề khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp của bản thân, có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng. – Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá về các vấn đề trong khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp. – Biết chủ động trong giao tiếp; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.
Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn	<ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết và thấu cảm được suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác. – Xác định đúng nguyên nhân mâu thuẫn giữa bản thân với người khác hoặc giữa những người khác với nhau và biết cách hoá giải mâu thuẫn.

Xác định mục đích và phương thức hợp tác	Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết một vấn đề do bản thân và những người khác đề xuất; biết lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ.
Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân trong nhóm	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; sẵn sàng nhận công việc khó khăn của nhóm.
Xác định nhu cầu và khả năng của người hợp tác	Qua theo dõi, đánh giá được khả năng hoàn thành công việc của từng thành viên trong nhóm để đề xuất điều chỉnh phương án phân công công việc và tổ chức hoạt động hợp tác.
Tổ chức và thuyết phục người khác	Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của từng thành viên và cả nhóm để điều hoà hoạt động phối hợp; biết khiêm tốn tiếp thu sự góp ý và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các thành viên trong nhóm.
Đánh giá hoạt động hợp tác	Căn cứ vào mục đích hoạt động của các nhóm, đánh giá được mức độ đạt mục đích của cá nhân, của nhóm và nhóm khác; rút kinh nghiệm cho bản thân và góp ý được cho từng người trong nhóm. <ul style="list-style-type: none"> – Có hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế. – Biết chủ động, tự tin trong giao tiếp với bạn bè quốc tế; biết chủ động, tích cực tham gia một số hoạt động hội nhập quốc tế phù hợp với bản thân và đặc điểm của trung tâm, địa phương. – Biết tìm đọc tài liệu nước ngoài phục vụ công việc học tập và định hướng nghề nghiệp của mình và bạn bè.
Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	
Nhận ra ý tưởng mới	Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới từ các nguồn thông tin khác nhau; biết phân tích các nguồn thông tin độc lập để thấy được khuynh hướng và độ tin cậy của ý tưởng mới.
Phát hiện và làm rõ vấn đề	Phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.
Hình thành và triển khai ý tưởng mới	Nêu được nhiều ý tưởng mới trong học tập và cuộc sống; suy nghĩ không theo lối mòn; tạo ra yếu tố mới dựa trên những ý tưởng khác nhau; hình thành và kết nối các ý tưởng; nghiên cứu đề thay đổi giải pháp trước sự thay đổi của bối cảnh; đánh giá rủi ro và có dự phòng.
Đề xuất, lựa chọn giải pháp	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề; lựa chọn được giải pháp phù hợp nhất.

Thiết kế và tổ chức hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> – Lập được kế hoạch hoạt động có mục tiêu, nội dung, hình thức, phương tiện hoạt động phù hợp; – Tập hợp và điều phối được nguồn lực (nhân lực, vật lực) cần thiết cho hoạt động. – Biết điều chỉnh kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch, cách thức và tiến trình giải quyết vấn đề cho phù hợp với hoàn cảnh để đạt hiệu quả cao. – Đánh giá được hiệu quả của giải pháp và hoạt động.
Tư duy độc lập	<p>Biết đặt nhiều câu hỏi có giá trị, không dễ dàng chấp nhận thông tin một chiều; không thành kiến khi xem xét, đánh giá vấn đề; biết quan tâm tới các lập luận và minh chứng thuyết phục; sẵn sàng xem xét, đánh giá lại vấn đề.</p>

4. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù môn học

a) Năng lực ngôn ngữ

Năng lực ngôn ngữ của HV bao gồm năng lực sử dụng tiếng Việt và năng lực sử dụng ngoại ngữ; mỗi năng lực được thể hiện qua các hoạt động: nghe, nói, đọc, viết.

Yêu cầu cần đạt về năng lực ngôn ngữ đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Ngữ văn và được thực hiện trong toàn bộ các môn học phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học, trong đó môn Ngữ văn là chủ đạo.

b) Năng lực tính toán

Năng lực tính toán của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức kiến thức toán học;
- Tư duy toán học;
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

Năng lực tính toán được hình thành, phát triển ở nhiều môn học phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học. Biểu hiện tập trung nhất của năng lực tính toán là năng lực toán học, được hình thành và phát triển chủ yếu ở môn

Toán. Yêu cầu cần đạt về năng lực toán học đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Toán.

c) Năng lực khoa học (Khoa học tự nhiên và Khoa học xã hội)

Năng lực khoa học của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức khoa học;
- Tìm hiểu tự nhiên, tìm hiểu xã hội;
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

Năng lực khoa học được hình thành, phát triển ở nhiều môn học phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học, trong đó các môn học chủ đạo là: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật. Chương trình mỗi môn học giúp HV tiếp tục phát triển năng lực khoa học với mức độ chuyên sâu: năng lực vật lí, năng lực hóa học, năng lực sinh học, năng lực lịch sử, năng lực địa lí...

Yêu cầu cần đạt về năng lực khoa học đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình các môn: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật.

d) Năng lực công nghệ

Năng lực công nghệ của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức công nghệ;
- Giao tiếp công nghệ;
- Sử dụng công nghệ;
- Đánh giá công nghệ;
- Thiết kế kĩ thuật.

Yêu cầu cần đạt về năng lực công nghệ đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Công nghệ.

đ) Năng lực tin học

Năng lực tin học của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông;

- Ứng xử phù hợp trong môi trường số;
- Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông;
- Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học;
- Hợp tác trong môi trường số.

Yêu cầu cần đạt về năng lực tin học đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Tin học.

IV. KHGD

Chương trình GDTX cấp THPT được thực hiện trong 3 năm học, bắt đầu từ lớp 10, lớp 11 và lớp 12. HV vào học lớp 10 phải có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS) theo hình thức chính quy hoặc GDTX.

1. Nội dung giáo dục

a) Các môn học bắt buộc gồm 7 môn học: Trong đó, có 3 môn học bắt buộc: Ngữ văn, Toán, Lịch sử và 4 môn học lựa chọn trong số 7 môn học gồm: Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học và Công nghệ.

b) Hoạt động giáo dục bắt buộc: Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Nội dung giáo dục của địa phương

+ Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: là hoạt động giáo dục do nhà giáo dục định hướng, thiết kế và hướng dẫn thực hiện, tạo cơ hội cho HV tiếp cận thực tế, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng của các môn học khác nhau để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống phù hợp với lứa tuổi; thông qua đó, chuyển hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, kỹ năng mới góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai.

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là hoạt động giáo dục bắt buộc được thực hiện từ lớp 10 đến lớp 12; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phát triển các phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi của HV trong các mối quan hệ với bản thân, xã hội, môi trường tự nhiên và nghề nghiệp; được triển khai

qua bốn mạch nội dung hoạt động chính: Hoạt động hướng vào bản thân, Hoạt động hướng đến xã hội, Hoạt động hướng đến tự nhiên và Hoạt động hướng nghiệp.

Nội dung Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở cấp THPT tập trung vào hoạt động giáo dục hướng nghiệp nhằm phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp. Thông qua các hoạt động hướng nghiệp, HV được đánh giá và tự đánh giá về năng lực, sở trường, hứng thú liên quan đến nghề nghiệp, làm cơ sở để tự chọn cho mình ngành nghề phù hợp và rèn luyện phẩm chất và năng lực để thích ứng với nghề nghiệp tương lai.

Nội dung hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được thực hiện theo quy định tại Chương trình GDPT 2018 cấp THPT ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

+ Nội dung giáo dục địa phương là những vấn đề cơ bản hoặc thời sự về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp,... của địa phương bổ sung cho nội dung giáo dục bắt buộc chung thống nhất trong cả nước, nhằm trang bị cho HV những hiểu biết về nơi sinh sống, bồi dưỡng cho HV tình yêu quê hương, ý thức tìm hiểu và vận dụng những điều đã học để góp phần giải quyết những vấn đề của quê hương.

Nội dung giáo dục địa phương thực hiện theo quy định của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với Chương trình GDPT 2018 ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

c) Các chuyên đề học tập:

+ Chuyên đề học tập là nội dung giáo dục dành cho HV cấp THPT, nhằm thực hiện yêu cầu phân hoá sâu, giúp HV tăng cường kiến thức và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết một số vấn đề của thực tiễn, đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp.

+ Chuyên đề học tập của mỗi môn học do GV môn học đó phụ trách. Ngoài ra, căn cứ nội dung cụ thể của chuyên đề học tập, trung tâm có thể bổ

trí nhân viên phòng thí nghiệm hoặc mời các doanh nhân, nghệ nhân,... có hiểu biết, kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực chuyên môn của những chuyên đề học tập có tính thực hành, hướng nghiệp hướng dẫn HV học những nội dung phù hợp của các chuyên đề học tập này.

+ Mỗi môn học Ngữ văn, Toán, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Công nghệ và Tin học có một số chuyên đề học tập tạo thành cụm chuyên đề học tập của môn học. Thời lượng dành cho mỗi chuyên đề học tập là 10 tiết hoặc 15 tiết; tổng thời lượng dành cho cụm chuyên đề học tập của một môn học là 35 tiết/năm học. Ở mỗi lớp 10, 11, 12, HV phải bắt buộc chọn 3 cụm chuyên đề học tập của 3 môn học phù hợp với nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của trung tâm GDTX.

d) Các môn học tự chọn gồm: Ngoại ngữ, Tiếng dân tộc thiểu số.

+ Nội dung Chương trình môn tiếng Anh được quy định tại Thông tư này. Các chương trình ngoại ngữ khác thực hiện theo quy định tại Chương trình GDPT 2018 cấp THPT ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

+ Nội dung dạy học Tiếng dân tộc thiểu số thực hiện theo quy định tại Chương trình GDPT môn học tiếng Bahnar, tiếng Chăm, tiếng Êđê, tiếng Jrai, Tiếng Khmer, tiếng Mông, tiếng Mnông, tiếng Thái ban hành kèm theo Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

Đối với các môn học lựa chọn và môn học tự chọn: Giao quyền cho Giám đốc trung tâm GDTX, trung tâm GDNN-GDTX (gọi chung là trung tâm GDTX) xây dựng các tổ hợp môn học lựa chọn: 4 môn học trong 7 môn học lựa chọn, chuyên đề học tập nói trên và quyết định việc lựa chọn các môn học Ngoại ngữ, Tiếng dân tộc thiểu số là môn học tự chọn trên cơ sở bảo đảm yêu cầu về giáo dục, đáp ứng nguyện vọng của người học và phù hợp với điều kiện về đội ngũ GV, CSVC, TBDH thực tế của trung tâm GDTX.

Đối với các địa phương đảm bảo các điều kiện về đội ngũ GV, CSVC, TBDH và căn cứ vào nguyện vọng của người học có thể tổ chức dạy học cho

HV học thêm các môn học: Giáo dục thể chất, Mỹ thuật, Âm nhạc theo Chương trình GDPT 2018.

2. Thời lượng giáo dục

Thời gian học của mỗi năm học là 35 tuần/lớp. Mỗi ngày học 1 buổi, mỗi buổi không bố trí quá 5 tiết học; mỗi tiết học 45 phút.

Thời lượng và số tiết của các môn học thực hiện theo quy định của Chương trình GDPT 2018 cấp THPT.

Bảng tổng hợp KHGD Chương trình GDTX cấp THPT

Nội dung giáo dục		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
		(Số tiết)	(Số tiết)	(Số tiết)
Môn học bắt buộc	Ngữ văn	105	105	105
	Toán	105	105	105
	Lịch sử	52	52	52
Môn học lựa chọn	Địa lí	70	70	70
	Giáo dục kinh tế và pháp luật	70	70	70
	Vật lí	70	70	70
	Hoá học	70	70	70
	Sinh học	70	70	70
	Công nghệ	70	70	70
	Tin học	70	70	70
Chuyên đề học tập lựa chọn bắt buộc (3 cụm chuyên đề của môn học)		105	105	105
Hoạt động giáo dục bắt buộc	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	105	105	105
	Nội dung giáo dục địa phương	35	35	35
	Ngoại ngữ	105	105	105

Môn học tự chọn	Tiếng dân tộc thiểu số	105	105	105
Tổng số tiết học/năm học (Không kể môn học tự chọn)		787	787	787
Số tiết học trung bình/tuần (Không kể môn học tự chọn)		22,5	22,5	22,5
Tổng số tiết học/năm học (Kể cả môn học tự chọn)		997	997	997
Số tiết học trung bình/tuần (Kể cả môn học tự chọn)		28,5	28,5	28,5

V. ĐỊNH HƯỚNG VỀ NỘI DUNG GIÁO DỤC

Chương trình GDTX cấp THPT thực hiện mục tiêu giáo dục hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cho HV thông qua các nội dung giáo dục ngôn ngữ và văn học, giáo dục toán học, giáo dục khoa học xã hội, giáo dục khoa học tự nhiên, giáo dục công nghệ, giáo dục tin học và giáo dục công dân. Mỗi nội dung giáo dục đều được thực hiện ở tất cả các môn học và hoạt động giáo dục.

Căn cứ mục tiêu giáo dục và yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực ở từng lớp học và theo từng môn học, Chương trình GDTX cấp THPT của mỗi môn học bảo đảm trang bị cho HV những nội dung tri thức phổ thông nền tảng, đáp ứng nguyện vọng, phát triển tiềm năng, sở trường của mỗi HV, đảm bảo cho HV được tiếp cận định hướng nghề nghiệp và góp phần phát triển nguồn nhân lực của địa phương.

VI. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Định hướng về phương pháp giáo dục

– Các môn học áp dụng các PPDH tích cực hoá hoạt động của HV, trong đó, GV đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho HV, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích HV tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng

của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kỹ năng đã tích lũy được để phát triển.

– Phương pháp giáo dục cần khai thác kinh nghiệm của người học, coi trọng việc bồi dưỡng năng lực tự học, sử dụng các phương tiện hiện đại và công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học thông qua một số hình thức chủ yếu sau: thực hiện bài tập, thí nghiệm, trò chơi, đóng vai, dự án nghiên cứu; thảo luận,

– Tuỳ theo mục tiêu, tính chất nội dung dạy học, GV có thể tổ chức cho HV được làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp nhưng phải bảo đảm mỗi HV được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế.

2. Hình thức tổ chức dạy học

Chương trình GDTX cấp THPT được tổ chức linh hoạt theo các hình thức: tập trung, vừa làm vừa học để phù hợp đặc điểm, nguyện vọng của người học và điều kiện dạy học của các địa phương. Việc lựa chọn các hình thức tổ chức dạy học do giám đốc trung tâm GDTX quyết định. Khuyến khích các địa phương tổ chức các hình thức dạy học kết hợp giữa dạy học trực tiếp và dạy học trực tuyến theo quy định của Bộ GDĐT.

3. Định hướng về đánh giá kết quả giáo dục

a) Mục tiêu đánh giá

– Đánh giá kết quả học tập của HV nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt và những tiến bộ của HV trong suốt quá trình học tập môn học, để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lý và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng HV và nâng cao chất lượng giáo dục.

– Đánh giá kết quả học tập của HV đối với mỗi môn học, mỗi lớp học nhằm xác định mức độ đạt được mục tiêu chương trình GDTX cấp THPT, làm căn cứ để điều chỉnh quá trình dạy học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

b) Phương thức đánh giá

– Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Cùng với kết quả các môn học bắt buộc, các môn học tự chọn được sử dụng cho đánh giá kết quả học tập chung của HV trong từng năm học và trong cả quá trình học tập.

– Có 2 phương thức đánh giá kết quả học tập các môn học: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

+ Đánh giá thường xuyên (ĐGTX) được thực hiện liên tục trong suốt quá trình dạy học, do GV tổ chức; hình thức đánh giá gồm: GV đánh giá HV, HV đánh giá lẫn nhau, HV tự đánh giá. Để đánh giá thường xuyên, GV có thể dựa trên quan sát và ghi chép hằng ngày về HV, việc trả lời câu hỏi, làm bài kiểm tra,...

+ Đánh giá định kì (ĐGĐK) được thực hiện ở thời điểm giữa kì, cuối các kì học do cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện chương trình GDTX cấp THPT.

– Kết hợp giữa ĐGTX với ĐGĐK. Kết hợp giữa các hình thức đánh giá: đánh giá qua bài kiểm tra với các hình thức đánh giá khác như: đánh giá theo dự án, phiếu học tập, hồ sơ học tập HV...

Việc đánh giá trên diện rộng ở cấp quốc gia, cấp địa phương do tổ chức khảo thí cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức để phục vụ công tác quản lí các hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng đánh giá kết quả giáo dục ở cơ sở giáo dục, phục vụ phát triển chương trình và nâng cao chất lượng giáo dục.

c) Yêu cầu đánh giá

– Căn cứ đánh giá là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong các chương trình môn học. Phạm vi đánh giá bao gồm các môn học bắt buộc, môn học lựa chọn và môn học tự chọn. Đối tượng đánh giá là sản phẩm và quá trình học tập, rèn luyện của người học.

– Đánh giá HV thông qua đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về năng lực được quy định trong chương trình GDTX cấp THPT.

– Đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của người học; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của HV; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan, không so sánh, không tạo áp lực cho HV.

VII. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP THPT

Trung tâm GDTX được giao nhiệm vụ tổ chức dạy Chương trình GDTX cấp THPT phải đảm bảo các điều kiện về đội ngũ GV, CSVC, TBDH để đảm bảo chất lượng thực hiện Chương trình như sau:

1. Về đội ngũ cán bộ quản lí và GV

a) *Về cán bộ quản lí:* Giám đốc, Phó giám đốc các trung tâm GDTX phải đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định hiện hành; Được bồi dưỡng, tập huấn về quản lí giáo dục và Chương trình GDTX cấp THPT.

b) Về đội ngũ GV

– Căn cứ quy định của Bộ GDĐT về định mức GV/lớp trong các cơ sở GDPT công lập và số lượng người học tại các trung tâm GDTX để bố trí đủ số lượng GV thực hiện Chương trình GDTX cấp THPT cho phù hợp.

– Về số lượng và cơ cấu GV (GV cơ hữu và GV hợp đồng thỉnh giảng) bảo đảm để dạy các môn học của Chương trình GDTX cấp THPT tối thiểu mỗi môn học có ít nhất 01 GV cơ hữu đối với các môn học bắt buộc, môn học lựa chọn và các môn học tự chọn (nếu có). Riêng môn Toán và môn Ngữ văn có ít nhất từ 2 GV cơ hữu trở lên.

– 100% GV có trình độ được đào tạo đạt chuẩn theo đúng quy định tại Luật Giáo dục 2019.

– GV được bồi dưỡng, tập huấn về dạy học theo Chương trình GDPT 2018 cấp THPT và Chương trình GDTX cấp THPT.

2. Về CSVC, TBDH

– Các địa phương đảm bảo đầy đủ CSVC và TBDH để thực hiện Chương trình GDTX cấp THPT theo các quy định của Bộ GDĐT; bố trí đủ các phòng học, phòng học bộ môn và các phòng chức năng, hạ tầng kĩ thuật khác;

– TBDH được thực hiện theo Chương trình GDPT 2018 cùng cấp học

ban hành theo quy định tại Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GDĐT ban hành Danh mục TBDH tối thiểu cấp THPT.

– Chương trình GDTX cấp THPT sử dụng sách giáo khoa các môn học của Chương trình GDPT 2018 do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lựa chọn để giảng dạy và học tập.

Phần thứ hai

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MÔN TIẾNG ANH

Bài 1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MÔN TIẾNG ANH

I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC

Tiếng Anh là môn học tự chọn trong chương trình giáo dục thường xuyên cấp THCS và cấp THPT từ lớp 6 đến lớp 12. Môn Tiếng Anh không chỉ giúp HV hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh mà còn góp phần hình thành và phát triển các năng lực chung, để sống và làm việc hiệu quả hơn, để học tập tốt các môn học khác cũng như để học suốt đời.

Môn Tiếng Anh cung cấp cho HV một công cụ giao tiếp quốc tế quan trọng, giúp các em trao đổi thông tin, tri thức khoa học và kỹ thuật tiên tiến, tìm hiểu các nền văn hoá, qua đó góp phần tạo dựng sự hiểu biết giữa các dân tộc, hình thành ý thức công dân toàn cầu, góp phần vào việc phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân. Thông qua việc học Tiếng Anh và tìm hiểu các nền văn hóa khác nhau, HV có thể hiểu rõ hơn, thêm yêu ngôn ngữ và nền văn hóa của dân tộc mình.

Mục tiêu cơ bản của *Chương trình GDTX môn Tiếng Anh* là giúp HV hình thành và phát triển năng lực giao tiếp thông qua rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và các kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp). Các kỹ năng giao tiếp và kiến thức ngôn ngữ được xây dựng trên cơ sở các đơn vị năng lực giao tiếp cụ thể, trong các chủ điểm và chủ đề phù hợp với

nhu cầu và khả năng của HV nhằm giúp các em đạt được các yêu cầu quy định trong *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam* (ban hành theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Chương trình môn Tiếng Anh giúp HV có một công cụ giao tiếp mới, hình thành và phát triển cho HV năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh thông qua các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Kết thúc chương trình, HV có khả năng giao tiếp đạt trình độ Bậc 3 của *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam*, tạo nền tảng cho HV sử dụng tiếng Anh trong học tập, hình thành thói quen học tập suốt đời để trở thành những công dân toàn cầu trong thời kì hội nhập.

- Chương trình môn Tiếng Anh giúp HV có hiểu biết khái quát về đất nước, con người và nền văn hoá của một số quốc gia nói tiếng Anh và của các quốc gia khác trên thế giới; có thái độ và tình cảm tốt đẹp đối với đất nước, con người, nền văn hoá và ngôn ngữ của các quốc gia đó. Ngoài ra, Chương trình môn Tiếng Anh còn góp phần hình thành và phát triển cho HV những phẩm chất và năng lực cần thiết đối với người lao động: ý thức và trách nhiệm lao động, định hướng và lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích, khả năng thích ứng trong bối cảnh cách mạng công nghiệp mới.

2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành chương trình, HV có thể:

- Sử dụng tiếng Anh như một công cụ giao tiếp thông qua bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết nhằm đáp ứng các nhu cầu giao tiếp cơ bản và thiết thực về những chủ đề quen thuộc liên quan đến nhà trường, hoạt động vui chơi, giải trí, nghề nghiệp, ...

- Tiếp tục hình thành và phát triển kiến thức cơ bản về tiếng Anh, bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; thông qua tiếng Anh có những hiểu biết sâu

rộng hơn về đất nước, con người, nền văn hoá của các nước nói tiếng Anh và của các quốc gia khác trên thế giới, hiểu và tôn trọng sự đa dạng của các nền văn hoá, đồng thời bước đầu phản ánh được giá trị nền văn hoá Việt Nam bằng tiếng Anh.

III. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung

Chương trình môn Tiếng Anh góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và các năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo).

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Sau khi học xong môn Tiếng Anh cấp THPT, HV có thể đạt được trình độ tiếng Anh Bậc 3 của *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*. Cụ thể là: “Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí,... Có thể xử lí hầu hết các tình huống xảy ra ở những nơi ngôn ngữ đó được sử dụng. Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, ước mơ, hi vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lí do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình”.

IV. NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Nội dung khái quát

Nội dung dạy học trong Chương trình môn Tiếng Anh được thiết kế theo kết cấu đa thành phần, bao gồm: hệ thống các chủ điểm (khái quát), các chủ đề (cụ thể); các năng lực giao tiếp liên quan đến các chủ điểm, chủ đề; danh mục kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp). Nội dung văn hoá được dạy học lồng ghép, tích hợp trong hệ thống các chủ điểm, chủ đề.

a) *Hệ thống chủ điểm, chủ đề*

- Hệ thống chủ điểm

Nội dung *Chương trình giáo dục thường xuyên môn Tiếng Anh* được xây dựng trên cơ sở các chủ điểm phù hợp với cấp học. Các chủ điểm liên quan chặt chẽ với nhau và được thiết kế lặp lại có mở rộng qua các năm học, theo hướng đồng tâm xoắn ốc nhằm củng cố và phát triển năng lực giao tiếp của HV. Các chủ điểm hướng tới đáp ứng nhu cầu, mối quan tâm, hứng thú của HV cũng như yêu cầu hình thành và phát triển các phẩm chất, năng lực cần thiết cho người học.

Các chủ điểm gợi ý:

Cuộc sống của chúng ta, Xã hội của chúng ta, Môi trường của chúng ta, Tương lai của chúng ta.

- Hệ thống chủ đề

Hệ thống chủ đề được xây dựng trên cơ sở các chủ điểm. Mỗi chủ điểm bao gồm nhiều chủ đề để có thể bao phủ 315 tiết học. Các chủ điểm và chủ đề có mối liên quan chặt chẽ với nhau, phù hợp với đặc điểm lứa tuổi và môi trường sinh hoạt, học tập của HV. Các chủ đề được lựa chọn theo hướng mở, phù hợp với các giá trị văn hoá, xã hội của Việt Nam, đảm bảo tính hội nhập quốc tế và phù hợp với yêu cầu phát triển năng lực giao tiếp quy định cho cấp học. Người biên soạn tài liệu dạy học và GV có thể điều chỉnh, bổ sung các chủ đề sao cho phù hợp với chủ điểm, đáp ứng nhu cầu, sở thích và khả năng học tập của HV để đạt được các mục tiêu đề ra trong Chương trình. Dưới đây là ví dụ minh hoạ mang tính gợi ý cho các chủ đề theo chủ điểm.

Chủ điểm	Chủ đề
<i>Cuộc sống của chúng ta</i>	<ul style="list-style-type: none">- Cuộc sống gia đình- Khoảng cách thế hệ- Giải trí- Lối sống lành mạnh- Cuộc sống tự lập

Chủ điểm	Chủ đề
	<ul style="list-style-type: none"> – Câu chuyện cuộc sống – Tốt nghiệp và chọn nghề ...
<i>Xã hội của chúng ta</i>	<ul style="list-style-type: none"> – Các vấn đề xã hội – Giáo dục – Phục vụ cộng đồng – Phương tiện truyền thông đại chúng – Bản sắc văn hoá – Việt Nam và các tổ chức quốc tế ...
<i>Môi trường của chúng ta</i>	<ul style="list-style-type: none"> – Bảo tồn di sản – Biến đổi khí hậu – Bảo tồn môi trường tự nhiên – Con người và môi trường – Môi trường xanh – Du lịch sinh thái ...
<i>Tương lai của chúng ta</i>	<ul style="list-style-type: none"> – Giáo dục trong tương lai – Học tập suốt đời – Trí tuệ nhân tạo – Tương lai của các thành phố – Sức khoẻ và tuổi thọ – Thế giới công việc ...

b) Năng lực giao tiếp

Năng lực giao tiếp là khả năng sử dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) để tham gia vào các hoạt động giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) trong những tình huống hay ngữ cảnh có nghĩa với các đối tượng giao tiếp khác nhau nhằm đáp ứng các nhu cầu giao tiếp của bản thân hay yêu cầu giao tiếp của xã hội. Trong Chương trình môn Tiếng Anh, năng lực giao tiếp

được thể hiện thông qua các chức năng và nhiệm vụ giao tiếp dưới dạng nghe, nói, đọc, viết. Các năng lực giao tiếp được lựa chọn theo hướng mở, có liên hệ chặt chẽ với các chủ điểm, chủ đề. Dưới đây là danh mục gợi ý các năng lực giao tiếp:

Chủ điểm	Năng lực giao tiếp
Cuộc sống của chúng ta	<ul style="list-style-type: none"> – Nói về cuộc sống gia đình – Trao đổi ý kiến về công việc nhà và vai trò của các thành viên trong gia đình – Viết về việc làm/việc nhà trong gia đình – Thảo luận về chế độ ăn uống lành mạnh – Thảo luận về các loại hình giải trí ưa thích – Hỏi và đưa ra lời khuyên về nghề nghiệp – Viết/điền các biểu mẫu đơn giản (biểu mẫu đăng kí khoá học, mẫu đơn xin việc làm,...) ...
Xã hội của chúng ta	<ul style="list-style-type: none"> – Hiểu và diễn đạt ý kiến về các hoạt động cộng đồng – Diễn đạt được quan điểm về các vấn đề xã hội, giáo dục đơn giản – Nói về sự lựa chọn phong cách sống và ảnh hưởng của nó tới sức khoẻ – Đọc hiểu một bài viết về bình đẳng giới – Chia sẻ ý kiến về những nghề nghiệp khác nhau – Nói về các hoạt động tình nguyện – Hỏi và trả lời các thông tin cơ bản về đất nước, con người, văn hoá của một đất nước ...
Môi trường của chúng ta	<ul style="list-style-type: none"> – Nói về các cách thức đơn giản để bảo tồn di sản – Viết giới thiệu để quảng bá du lịch sinh thái – Nói về sự ảnh hưởng đến môi trường từ các hoạt động của con người – Đọc hiểu được một văn bản về các mối đe dọa đối với môi trường tự nhiên – Viết về các vấn đề môi trường và đưa ra giải pháp để bảo vệ môi trường tự nhiên – Đề xuất các địa điểm du lịch sinh thái yêu thích

Chủ điểm	Năng lực giao tiếp
	<ul style="list-style-type: none"> – Viết một đoạn văn đơn giản về một địa danh nổi tiếng – Nói về cách sống thân thiện với môi trường ...
Tương lai của chúng ta	<ul style="list-style-type: none"> – Nói về công nghệ và cuộc sống – Viết về cách thức sử dụng mạng Internet – Diễn đạt các dự đoán về những thành phố trong tương lai – Nói về các lời khuyên chăm sóc sức khỏe – Đọc hiểu một bài báo về các yếu tố làm tăng tuổi thọ – Đọc hiểu một bài viết về các cơ hội học đại học – Nói về công việc trong tương lai ...

c) Kiến thức ngôn ngữ

Kiến thức ngôn ngữ trong Chương trình môn Tiếng Anh bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Kiến thức ngôn ngữ có vai trò như một phương tiện giúp HV hình thành và phát triển năng lực giao tiếp thông qua bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Hệ thống kiến thức ngôn ngữ dạy học trong Chương trình bao gồm:

Ngữ âm	Nội dung dạy học ngữ âm bao gồm: các nguyên âm đôi, phụ âm, tổ hợp phụ âm, trọng âm từ, dạng phát âm mạnh và dạng phát âm yếu, tinh lược âm, đồng hoá âm, nối âm, trọng âm câu, ngữ điệu.
Từ vựng	Nội dung dạy học từ vựng bao gồm những từ thông dụng được thể hiện trong hai lĩnh vực ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết liên quan đến các chủ điểm và chủ đề trong Chương trình. Số lượng từ vựng được quy định ở cấp THPT khoảng 500 – 700 từ ở Bậc 3 (không bao gồm các từ đã học ở các cấp tiểu học và THCS). Sau khi hoàn thành chương trình phổ thông, số lượng từ vựng HV cần nắm được khoảng 2300 từ.
Ngữ pháp	Nội dung dạy học ngữ pháp tiếp tục củng cố và mở rộng các nội dung đã học ở cấp tiểu học và cấp THCS, bao gồm các cấu trúc phục vụ phát triển năng lực giao tiếp ở Bậc 3 như mệnh đề quan hệ, câu điều kiện (loại 2 và loại 3), câu chủ động, câu bị động, câu trực tiếp, câu gián tiếp, câu ghép, câu phức, thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, thì hiện tại hoàn thành, thì quá khứ đơn, thì quá khứ tiếp diễn, thì quá khứ hoàn thành, thì tương lai đơn, thì tương lai tiếp diễn, thì tương lai gần, liên từ, động từ tình thái, ngữ động từ, thể bị động.

2. Nội dung cụ thể

LỚP 10

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
<ul style="list-style-type: none"> – Cuộc sống của chúng ta – Xã hội của chúng ta – Môi trường của chúng ta – Tương lai của chúng ta ... 	<ul style="list-style-type: none"> – Cuộc sống gia đình – Giải trí – Phục vụ cộng đồng – Các phát minh làm thay đổi thế giới – Bình đẳng giới – Bảo tồn môi trường tự nhiên – Du lịch sinh thái – Con người và môi trường – Các phương thức học tập mới – Việt Nam và các tổ chức quốc tế ... 	<p>NGHE</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nghe hiểu nội dung các cuộc hội thoại hằng ngày được nói rõ ràng. – Nghe hiểu ý chính các đoạn hội thoại, độc thoại khoảng 150-180 từ về những chủ đề quen thuộc. – Nghe hiểu những thông tin, chỉ dẫn thông thường. <p>NÓI</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác các tổ hợp phụ âm, ngữ điệu, nhịp điệu trong câu. – Bắt đầu, duy trì và kết thúc các cuộc hội thoại trực tiếp, đơn giản. – Đồng ý, phản đối một cách lịch sự; đưa ra lời khuyên. <p>ĐỌC</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đọc hiểu những ý chính của văn bản khoảng 190 - 220 từ về các chủ đề mang tính thời sự và quen thuộc. – Đọc hiểu những thông tin quan trọng trong các tờ thông tin, quảng cáo thường nhật. – Đọc hiểu những thông điệp đơn giản và các thông tin truyền thông về các chủ đề phổ biến. 	<p>Ngữ âm</p> <p>Phụ âm, tổ hợp phụ âm, trọng âm từ, trọng âm câu và ngữ điệu</p> <p>Từ vựng</p> <p>Các từ liên quan đến chủ điểm, chủ đề của lớp 10</p> <p>Ngữ pháp</p> <p>Thì hiện tại hoàn thành</p> <p>Thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn (củng cố)</p> <p>Thì tương lai đơn và thì tương lai với <i>be going to</i> (củng cố)</p> <p>Thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn với <i>when</i> và <i>while</i></p> <p>Động từ nguyên thể có <i>to</i> và không có <i>to</i></p> <p>Danh động từ và động từ nguyên thể (dùng để mô tả)</p> <p>Câu bị động, câu bị động với động từ tình thái</p> <p>Câu ghép</p> <p>Mệnh đề quan hệ: xác định và không xác định</p> <p>Câu điều kiện loại 1 (củng cố)</p> <p>Câu điều kiện loại 2</p>

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
		VIẾT – Viết đoạn văn liền mạch, đơn giản khoảng 90-120 từ về các chủ điểm mà cá nhân quan tâm và bày tỏ quan điểm, ý kiến cá nhân. – Viết các thông điệp cá nhân cho bạn bè hoặc người thân, đề nghị cung cấp thông tin và tường thuật các sự kiện liên quan.	Câu tường thuật Tính từ so sánh hơn và so sánh hơn nhất Tính từ chỉ thái độ Mạo từ ...

LỚP 11

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
– Cuộc sống của chúng ta – Xã hội của chúng ta	– Lối sống lành mạnh – Khoảng cách thế hệ – Cuộc sống tự lập – Các vấn đề xã hội	NGHE – Nghe hiểu những ý chính của các đoạn hội thoại, độc thoại khoảng 170-200 từ về những chủ đề mà cá nhân quan tâm trong phạm vi Chương trình.	Ngữ âm Dạng phát âm mạnh và yếu của từ, các dạng viết/phát âm tắt, nối âm giữa phụ âm và nguyên âm, trọng âm câu.
– Môi trường của chúng ta – Tương lai của chúng ta ...	Việt Nam và ASEAN – Sự nóng lên toàn cầu – Bảo tồn di sản thế giới – Hệ sinh thái	– Nghe hiểu để lấy thông tin trong các cuộc thảo luận, với điều kiện nội dung thảo luận được trình bày rõ ràng. – Nghe hiểu bản tường thuật ngắn về chủ đề trong chương trình.	Ngữ điệu lên và xuống, câu hỏi nghi vấn (<i>Yes/No question</i>) và câu hỏi có từ để hỏi, câu hỏi thay thế, câu hỏi đuôi, câu hỏi thể hiện câu mời, câu gợi ý,...
	– Giáo dục trong tương lai – Sức khoẻ và	NÓI – Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác trọng âm, nối âm,	Từ vựng Các từ liên quan đến chủ điểm, chủ đề của lớp 11 Ngữ pháp

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
	tuổi thọ – Tương lai của các thành phố ...	<p>ngữ điệu, nhịp điệu các câu khác nhau.</p> <p>– Bắt đầu, duy trì và kết thúc một cuộc hội thoại; thảo luận về các chủ đề trong Chương trình.</p> <p>– Đưa ra những chỉ dẫn chi tiết.</p> <p>ĐỌC</p> <p>– Đọc hiểu các ý chính, nội dung chi tiết của văn bản khoảng 220-250 từ về các chủ đề mang tính thời sự và quen thuộc.</p> <p>– Đọc hiểu các ý chính, nội dung chi tiết các bản tin, bài báo,... về các chủ đề hoặc sự kiện mang tính thời sự và hiểu toàn bộ ý nghĩa của văn bản.</p> <p>– Đọc lướt các văn bản ngắn để tìm kiếm các sự kiện và thông tin cần thiết.</p> <p>VIẾT</p> <p>– Viết văn bản (có mở đầu, thân bài, kết luận) khoảng 120-150 từ về các chủ đề quen thuộc.</p> <p>– Viết thư cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin hoàn chỉnh và chi tiết về sản phẩm hoặc dịch vụ.</p> <p>– Viết để truyền tải những thông tin, sự kiện ngắn gọn, đơn giản tới bạn bè và người thân.</p>	<p>Thì quá khứ đơn và hiện tại hoàn thành</p> <p>Động từ tình thái: <i>must</i> vs. <i>have to</i>...</p> <p>Động từ nói (<i>be, seem,...</i>)</p> <p>Động từ trạng thái dùng ở thì tiếp diễn</p> <p>Danh động từ (dùng như chủ ngữ, như tân ngữ,...)</p> <p>Phân từ và mệnh đề với động từ nguyên thể có <i>to</i></p> <p>Từ nối</p> <p>Cấu tạo từ (danh từ ghép)</p> <p>Câu chẻ: <i>It is/was ... that</i> + mệnh đề</p> <p>...</p>

LỚP 12

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
<ul style="list-style-type: none"> – Cuộc sống của chúng ta – Xã hội của chúng ta 	<ul style="list-style-type: none"> – Tốt nghiệp và chọn nghề – Câu chuyện cuộc sống – Đô thị hoá 	<p>NGHE</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nghe hiểu và xác định nội dung chính, nội dung chi tiết trong các đoạn hội thoại, độc thoại khoảng 200-230 từ về những chủ đề thường gặp trong cuộc sống, công việc, học tập,... trong phạm vi Chương trình. 	<p>Ngữ âm</p> <ul style="list-style-type: none"> Nguyên âm đôi Các từ có trọng âm – Các từ không mang trọng âm
<ul style="list-style-type: none"> – Môi trường của chúng ta – Tương lai của chúng ta ... 	<ul style="list-style-type: none"> – Phương tiện truyền thông đại chúng – Đa dạng văn hoá – Môi trường xanh – Thế giới công việc – Trí tuệ nhân tạo – Học tập suốt đời ... 	<ul style="list-style-type: none"> – Nghe hiểu các hướng dẫn đơn giản như công thức nấu ăn, cách sử dụng các đồ dùng thông dụng. – Nghe hiểu và đoán nghĩa (thông qua biểu hiện thái độ, tình cảm của của người nói) trong các độc thoại, hội thoại quen thuộc của cuộc sống hằng ngày. – Nghe hiểu những ý chính trong các chương trình điểm tin, phát thanh, phỏng vấn,... về các đề tài quen thuộc được diễn đạt rõ ràng, bằng ngôn ngữ đơn giản, kèm hình ảnh minh hoạ. 	<ul style="list-style-type: none"> Trọng âm câu, sự đồng hoá, nối nguyên âm với nguyên âm Ngữ điệu câu hỏi (củng cố) Từ đồng âm Từ vựng Các từ liên quan đến chủ điểm, chủ đề của lớp 12 Ngữ pháp Thì hiện tại hoàn thành (củng cố) Thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn Các loại câu: câu đơn, câu ghép, câu phức (củng cố) Mạo từ (củng cố) Câu tường thuật: tường thuật câu mệnh lệnh, đề nghị, mời, câu khuyên nhủ và câu hướng dẫn
		<p>NÓI</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác các từ có hoặc không có trọng âm, trọng âm câu, đồng hoá âm, nối âm. – Nói và tương tác với người đồng thoại về các chủ đề quen 	

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
		<p>thuộc, thể hiện phần nào quan điểm cá nhân và trao đổi thông tin về các chủ đề quy định trong Chương trình.</p> <p>– Mô tả bằng các diễn ngôn đơn giản về các chủ đề quen thuộc, kể lại một câu chuyện ngắn có nội dung gần gũi với các chủ đề đã học.</p> <hr/> <p>ĐỌC</p> <p>– Đọc hiểu các ý chính, nội dung chi tiết của văn bản khoảng 250-280 từ về các chủ đề mang tính thời sự và quen thuộc.</p> <p>– Đọc hiểu mạch lập luận của văn bản, xác định được các kết luận chính trong các văn bản có sử dụng ngôn ngữ rõ ràng.</p> <p>– Đọc hiểu để tìm và tóm tắt các văn bản ngắn sử dụng hằng ngày như thư từ, tờ thông tin đơn giản, sử dụng các từ và cấu trúc từ văn bản gốc.</p> <hr/> <p>VIẾT</p> <p>– Viết bài có tính liên kết, mạch lạc khoảng 150 - 180 từ; viết được các báo cáo ngắn, theo gợi ý, cung cấp những thông tin thực tế và nêu lí do cho những kiến nghị đưa ra trong báo cáo; tập hợp thông tin ngắn từ một vài nguồn và tóm tắt lại thông tin.</p>	<p>Giới từ sau một số động từ</p> <p>Ngữ động từ (gồm động từ, trạng từ và giới từ)</p> <p>Mẫu câu so sánh kép dùng để diễn tả những điều đang thay đổi</p> <p>Câu chỉ nguyên nhân: chủ động và bị động</p> <p>Mệnh đề trạng ngữ chỉ điều kiện, so sánh</p> <p>Mệnh đề trạng ngữ chỉ cách thức, kết quả</p> <p>...</p>

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
		<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành (viết/điền) các biểu mẫu hành chính phổ biến như sơ yếu lí lịch, đơn xin việc. - Viết bài mô tả biểu đồ, biểu bảng đơn giản. 	

V. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

Chương trình tuân thủ theo hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp, trong đó sử dụng nhiều phương pháp giáo dục khác nhau nhằm phát huy vai trò chủ động của người học, lấy việc học làm trung tâm, giúp người học hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ giao tiếp, năng lực tự chủ, và các phẩm chất được xác định trong Chương trình thông qua những tình huống giao tiếp có ý nghĩa với những nguyên tắc chung theo hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp, một số nhóm phương pháp chủ đạo, vai trò của người học và người dạy cho phép việc áp dụng phương pháp giáo dục phù hợp với đối tượng và mục đích của người học như sau:

1. Nguyên tắc chủ đạo của đường hướng dạy học ngôn ngữ giao tiếp

Đường hướng dạy học ngôn ngữ giao tiếp phát triển năng lực giao tiếp cho người học thông qua sử dụng ngôn ngữ phục vụ mục đích giao tiếp có ý nghĩa với người học. Do đó, đường hướng dạy học này đảm bảo các nguyên tắc chung sau:

- Tập trung vào hoạt động giao tiếp thực trong quá trình học ngôn ngữ.
- Cung cấp cho người học cơ hội thử nghiệm và sử dụng những kiến thức đã biết.
- Tích hợp các kĩ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết giống như trong giao tiếp trên thực tế.
- Người học được tiếp xúc với nhiều tình huống giao tiếp để khám phá kiến thức thực ngữ pháp.
- Kết hợp nhiều phương pháp kĩ thuật dạy học.
- Phát huy tính chủ động sáng tạo, năng lực tự học ở người học.

2. Một số phương pháp giáo dục đặc thù

a) Dạy học cá nhân hoá

Cá nhân hóa hoạt động học tập cho phép người học tham gia lựa chọn nội dung, phương pháp học tập, tạo điều kiện cho người học được học tập theo nhịp độ riêng của mình và theo cách thức học phù hợp với mình nhất, phù hợp với sở thích, năng lực bản thân và mục đích học tập.

Dạy học cá nhân hoá đòi hỏi người dạy sử dụng phương pháp dạy học phân hóa, đa dạng hóa các hoạt động học tập, sử dụng linh hoạt các hoạt động nhóm, cặp phù hợp với trải nghiệm thực tế của người học, với đặc điểm tâm sinh lý và nhận thức ở các lứa tuổi khác nhau.

Dạy học cá nhân hóa còn chú trọng đến các đối tượng người học đặc biệt, có khó khăn trong việc học tập, đòi hỏi người dạy phải thiết kế các giáo án riêng theo lộ trình học tập đặc biệt, phù hợp với sự phát triển nhận thức và thể chất của người học.

b) Dạy học tích hợp

Dạy học tích hợp là nhóm phương pháp giáo dục giúp người học huy động nhiều nhóm năng lực, kỹ năng, kiến thức thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau để giải quyết có hiệu quả các vấn đề trong học tập và trong đời sống, qua đó phát triển được năng lực ngôn ngữ giao tiếp cần thiết.

Dạy học tích hợp đòi hỏi phát triển đồng thời và kết hợp nhiều nội dung liên môn và nội môn. Ở cấp độ liên môn, việc dạy học tiếng Anh được lồng ghép với các nội dung chuyên môn như khoa học, xã hội, văn hóa,... Ở cấp độ nội môn, đó là sự tích hợp các năng lực cấu thành năng lực ngôn ngữ giao tiếp (bao gồm năng lực ngôn ngữ, năng lực xã hội, năng lực ngữ dụng, và năng lực sử dụng chiến lược giao tiếp), tích hợp các kỹ năng giao tiếp nghe, nói, đọc, viết, và tích hợp kiến thức ngôn ngữ, văn hóa xã hội và giao tiếp liên văn hóa.

c) Phát triển năng lực tự học

Phát huy năng lực tự học, tính tự chủ học tập là một đặc điểm nổi bật trong các phương pháp dạy học cho các đối tượng người học người lớn và người học các chương trình giáo dục thường xuyên. Bồi dưỡng và phát triển phương pháp học, năng lực tự học, quyền tự chủ của người học sẽ giúp người học quản lý học tập tích cực độc lập, giúp người học đặt ra mục tiêu học tập, tự đưa ra các quyết định phù hợp với bản thân, kiểm soát việc học tập, quá trình nhận thức và nội dung học tập.

3. Giới thiệu một số các kĩ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn Tiếng Anh

Để phát huy vai trò sáng tạo và tính tích cực của HV trong việc học môn Tiếng Anh, GV có thể sử dụng rất nhiều kĩ thuật dạy học. Phần dưới đây giới thiệu một số mô hình và kĩ thuật dạy học tích cực.

a) Học tập “dựa trên hứng thú”

● Khi thực hiện mô hình học tập “dựa trên hứng thú” (động cơ học tập), GV giúp HV nhận thức được rằng những gì học được là lí thú và hấp dẫn, có lợi cho bản thân các em, học giỏi sẽ tăng thêm tính tự tin. Từ đó HV sẽ nỗ lực hơn. Kết quả của sự nỗ lực là kĩ năng và khả năng học tập của HV tăng và dẫn đến thành công trong học tập.

● Dạy học làm tăng hứng thú học tập của HV thể hiện sự quan tâm của GV đối với HV.

- Thể hiện tính thực tế, tính hữu dụng của nội dung học tập.
- Tận dụng được tính sáng tạo và tự biểu đạt của HV.
- Đảm bảo cho HV được chủ động.
- Thường xuyên thay đổi hoạt động của HV.

Một số kĩ thuật sử dụng để gây hứng thú/ tạo động cơ học tập, sự tự tin cho HV:

- Icebreaker (phá băng)

- Fist-to-five (nắm tay nhiều ngón)
- Jigsaw (dịch dắc)
- Ghế nóng (Hot Seating)

b) Học tập đa giác quan

Kết quả học tập của HV tỉ lệ với số giác quan các em sử dụng trong học tập. Tỉ lệ các giác quan được sử dụng trong học tập như sau:

- Thị giác: 75%
- Thính giác: 12%
- Xúc giác: 6%
- Khứu giác: 4%
- Vị giác: 3%

(Nguồn: Organizational Behaviorness, 7735858462 OBEUSA@aol.com)

c) Học qua ‘làm’

● Học qua làm giúp HV nhớ nhanh và nhớ lâu. Học qua làm có thể được tiến hành với các kỹ thuật sau:

- Giải thích (Explanation): HV cần biết tại sao phải làm như vậy.
- Làm chi tiết (Doing-detail): HV được hướng dẫn ‘làm chi tiết’ qua việc được ‘xem giới thiệu’ (presentation) hoặc nghiên cứu tình huống (study-case). Cách này cung cấp mô hình thực hành tốt để HV bắt trước hoặc tiếp thu dễ dàng.
- Sử dụng (Use): HV cần được thực hành sử dụng các kỹ năng vừa học.
- Kiểm tra và sửa chữa (Check and Correct): Việc thực hành của HV cần được tự họ kiểm tra thường xuyên và được GV kiểm tra, sửa chữa kịp thời.
- Hỗ trợ ghi nhớ (Aid Memory): HV có thêm hỗ trợ ghi nhớ. Ví dụ: phiếu học tập, tờ rơi, băng ghi âm, ...
- Ôn lại và sử dụng (Review and Reuse): GV có thể sử dụng kỹ thuật ‘Memory game’ (trò chơi trí nhớ): Đây là hoạt động cần thiết để HV không quên các kiến thức, kỹ năng vừa học.

- Đánh giá (Evaluation): (Nghiên cứu điển hình- Case study): GV cần kiểm tra, đánh giá thường xuyên kết quả học tập của HV thông qua kỹ thuật ‘Nghiên cứu điển hình- Case study’.

- Thắc mắc (Questioning): HV luôn được tạo cơ hội để nêu câu hỏi để hiểu rõ bài thông qua kỹ thuật ‘Hot Seating’.

d) Học hợp tác trong nhóm nhỏ

Bước 1: Làm việc chung cả lớp

- Trước tiên GV làm việc chung với cả lớp. GV nêu vấn đề, xác định nhiệm vụ nhận thức cho cả lớp.

- GV tổ chức các nhóm, giao nhiệm vụ cho từng nhóm.

- GV hướng dẫn cách làm việc của nhóm.

Bước 2: Làm việc theo nhóm

- HV trao đổi, thảo luận trong nhóm.

- Phân công trong nhóm, cá nhân làm việc độc lập rồi trao đổi ý kiến trong nhóm, thư ký của nhóm ghi chép (takes notes) các ý kiến của các thành viên trong nhóm.

- Từng nhóm cử đại diện trình bày kết quả làm việc của nhóm mình; các nhóm khác lắng nghe.

Bước 3: Thảo luận tổng kết trước lớp

- Các nhóm lần lượt báo cáo kết quả.

- Thảo luận chung: các nhóm nhận xét, phản hồi. (comment/ feedback)

- GV tổng kết, đặt vấn đề cho bài tiếp theo hoặc vấn đề tiếp theo.

e) Kỹ thuật dạy học tích cực sử dụng trong giảng dạy các kỹ năng và thành tố ngoại ngữ

4. Các kỹ thuật dạy học tích cực sử dụng trong dạy các kỹ năng tiếp nhận (receptive skills): nghe và đọc

Ba giai đoạn trong một bài dạy kỹ năng tiếp nhận thông tin là: trước khi nghe /đọc; trong khi nghe (đọc); sau khi nghe (đọc). Ở mỗi giai đoạn, GV có

thể sử dụng những kỹ thuật khác nhau. Có một số thủ thuật có thể sử dụng ở các giai đoạn

Các kỹ thuật sử dụng trong giai đoạn 1: trước khi nghe/đọc - the pre-stage

Thông thường, các hoạt động trước nghe/đọc được thiết kế nhằm tạo tâm thế nghe /đọc bằng cách cuốn hút HV vào nội dung hoặc chủ đề của bài nghe /đọc; gây hứng thú cho HV đối với bài sắp nghe/ đọc; động viên kiến thức có sẵn của HV về chủ đề bài nghe /đọc, giúp họ có thể sử dụng kiến thức đó để nghe /đọc hiểu dễ dàng hơn; tạo điều kiện cho HV giúp đỡ nhau trong bài học.

Đối với HV trung bình, GV cần đặt trọng tâm chính cho giai đoạn này là giải quyết trước một số khó khăn mà HV có thể gặp phải trong bài nghe /đọc như khó khăn về kiến thức văn hoá nền, hoặc về ngôn ngữ như từ, cấu trúc, âm khó, v.v.

GV gợi mở cho HV chia sẻ với nhau hoặc GV cung cấp cho HV một số kiến thức văn hóa nền, dạy trước một số từ, cấu trúc hoặc cách phát âm khó, v.v.

Các kỹ thuật dạy học tích cực sử dụng trong giai đoạn này bao gồm:

- ***Hoạt động tiên đoán tự do*** (open prediction): GV chỉ nêu lên chủ đề của bài nghe (đọc) và cho HV cả lớp tự do đoán xem nội dung của bài đọc sẽ như thế nào. Thí dụ GV nói "*Today you are going to read a text about ways of socializing. Now make some guesses about the text.*" và để HV đoán xem họ sẽ được đọc về những cách thức giao tiếp nào, v.v. Để gây hứng thú cho HV, GV có thể giới thiệu chủ đề của bài bằng tranh ảnh, hoặc những vật dụng thực, v.v.

- ***Đoán xem các nhận định về bài đọc đúng hay sai*** (true/false statements prediction): GV đưa ra một số nhận định về nội dung chính của bài, trong đó có một số câu đúng, một số câu sai. HV đoán xem câu nào đúng, câu nào sai (có thể thảo luận nhóm/cặp, so sánh câu trả lời).

● **Sắp đặt trật tự câu, ý hoặc tranh vẽ** (ordering): GV cho HV xem một số bức tranh hoặc đọc một số câu và yêu cầu họ sắp xếp chúng theo trật tự đúng. Hoạt động này thường dùng khi bài nghe /đọc là một câu chuyện, hoặc về kết quả và nguyên nhân, hay về một quy trình nào đó, v.v.

● **Trả lời câu hỏi** (pre-questions): GV đặt một số câu hỏi về chủ đề bài nghe /đọc, HV vận dụng những kiến thức đã có sẵn của mình để trả lời các câu hỏi đó.

● **Bài tập từ vựng**: gợi ý cho HV nhớ lại những từ đã học có liên quan đến chủ đề sắp nghe /đọc. Gợi mở để giúp HV xây dựng ‘mạng lưới’ từ vựng liên quan đến chủ đề bài nghe/ đọc, trong đó có những từ mới và khó mà họ sẽ gặp trong bài nghe /đọc. Để gây hứng thú cho HV, GV nên sử dụng một số thủ thuật ôn luyện từ vựng như **ô vuông từ vựng (word square), hay noughts and crosses, wordstorm, cross word, puzzle words, word chain**: v.v... giúp HV hiểu các khái niệm khó hoặc kiến thức văn hoá (nếu có trong bài). Chú ý: GV nên có những câu hỏi gợi mở, dẫn dắt giúp HV suy nghĩ và tự tìm ra câu trả lời.

Một số điều GV cần lưu ý:

● Để tạo không khí sôi nổi khi bắt đầu bài học, nên cho HV làm việc theo nhóm/cặp, sau đó so sánh câu trả lời, hoặc dùng hoạt động ‘động não’ (brainstorming) với cả lớp.

● Trong tất cả các hoạt động trước đọc, GV nên tăng cường khuyến khích, gợi mở cho HV suy đoán và thực hiện yêu cầu bài tập chứ không đưa ra câu trả lời đúng. HV sẽ phải tìm câu trả lời đúng khi nghe /đọc bài.

● Có thể sử dụng một hoặc hai thủ thuật trong một bài học, nên thay đổi các thủ thuật trong các bài khác nhau để cho bài học hấp dẫn hơn, tránh lồi mòn, nhàm chán.

Các kĩ thuật sử dụng trong giai đoạn 2: trong khi nghe /đọc - the while/through- stage

Trong giai đoạn này HV nghe hoặc đọc và thực hiện một số yêu cầu bài tập nhằm luyện tập những tiêu kĩ năng nghe /đọc nhất định như nghe /đọc lấy

nội dung chính, lấy thông tin chi tiết, hiểu được ý định, thái độ, quan điểm của tác giả, đọc và sử dụng ngữ cảnh đoán nghĩa từ mới, hiểu được cấu trúc bài nghe /đọc, v.v. các bài tập thông thường gồm trả lời câu hỏi, sắp xếp trật tự câu hoặc ý, xác định câu đúng / sai, lựa chọn câu trả lời đúng, v.v.

GV nên hướng dẫn HV cách thức làm các bài tập từ đó phát triển các kỹ năng nghe/đọc chứ không chỉ chú trọng đến kết quả cuối cùng của bài tập nghe/đọc. Cụ thể là GV hướng dẫn HV các bước làm để đạt đến kết quả cuối cùng của bài tập như phân tích yêu cầu bài tập, tìm các từ chính (*key words*) trong câu hỏi, vận dụng các kiến thức sẵn có để xử lý yêu cầu bài tập, v.v.

Các dạng bài tập và kỹ thuật dạy học tích cực sử dụng trong giai đoạn 2 bao gồm:

- Đúng/sai(True/ False): GV chuẩn bị các phiếu học tập (hand-outs) bao gồm một số câu có thông tin đúng hoặc sai với thông tin trong bài đọc/ nghe. HV thảo luận theo cặp và xác định câu nào đúng, câu nào sai và sai ở thông tin nào rồi sửa lại cho chính xác.

- Đa lựa chọn(Multiple Choice): GV chuẩn bị câu hỏi với ba hoặc bốn lựa chọn để HV chọn đáp án đúng.

- Điền vào chỗ trống (Gaps-Fill)

- Biểu bảng (Grids)

- Hoàn thành câu (Sentence Completion)

- Tìm ý chính (Main Idea)

- Đặt câu hỏi cho câu trả lời có sẵn (Answers Given)

- Khớp câu hoặc ý (Matching)

- v.v...

Nên để một khoảng thời gian thích hợp để HV hoàn thành bài tập, sau đó có thể cho HV so sánh đáp án. GV đi quanh, nếu thấy đa số HV trả lời đúng thì gọi một vài HV lên kiểm tra và xác định câu trả lời đúng; nếu thấy đa số HV chưa trả lời được thì hướng dẫn họ nghe /đọc lại, tập trung vào những đoạn hoặc câu có chứa câu trả lời, gợi ý cho HV tìm câu trả lời đúng.

- Một kĩ thuật đọc quan trọng mà GV cần phải rèn luyện cho HV là kỹ năng **đoán nghĩa của từ mới thông qua ngữ cảnh**. Muốn làm được như vậy GV cần khuyến khích HV tiếp tục đọc, không dừng lại khi gặp một từ mới mà đọc lui lại một vài câu và đọc tiếp một vài câu để đoán nghĩa, sử dụng một số kiến thức ngữ pháp như tiền tố, hậu tố để xác định loại từ và sau đó bằng lòng với việc chỉ đoán ra nghĩa khái quát của từ đó. Khi soạn bài GV nên chọn ra những từ nhất định để cho HV tập đoán nghĩa, những từ nào quá khó thì nên dạy trước ở giai đoạn 1, nếu bài có nhiều từ mới không nên để HV phải đoán nghĩa tất cả các từ đó, để gây hoang mang, lúng túng cho HV.

Nghe khác với đọc ở chỗ từng cá nhân HV có thể điều chỉnh tốc độ đọc của mình: có đoạn nào không hiểu họ có thể đọc chậm lại hoặc quay lại đọc lại đoạn đó. Nhưng với nghe, HV phụ thuộc hoàn toàn vào tốc độ của băng cassette hoặc GV. Vì vậy, kĩ năng nghe thường được coi là khó hơn. Lần thứ nhất, thứ hai nên cho HV nghe cả bài để họ nắm được ý chung cũng như bố cục cả bài và làm bài tập, sau đó nếu HV thấy khó thì mới cho nghe lại từng đoạn, dừng lại sau những chỗ khó. Nên hạn chế cho HV nghe từng câu một, vì làm như vậy sẽ khiến HV có thói quen không tốt là phải hiểu nghĩa từng từ, từng câu khi nghe.

Các kĩ thuật sử dụng trong giai đoạn 3: sau khi nghe /đọc - the post-stage

Trong giai đoạn này HV sử dụng những thông tin đã đọc được hoặc nghe được để làm một việc gì đó có nghĩa với thông tin đó. Thông thường giai đoạn này yêu cầu HV phải sử dụng các kĩ năng sản sinh (receptive skills) như nói hoặc viết để đưa ra tóm tắt, tổng kết các thông tin hoặc vấn đề vừa nghe hay đọc được, nêu quan điểm của mình về các vấn đề đó, hoặc kể về những kinh nghiệm bản thân tương tự với những điều vừa nghe hoặc đọc được.

- ***Tóm tắt bài nghe /đọc (summarizing)***: Đây là hoạt động phổ biến sau đọc, vừa củng cố việc hiểu nghĩa của bài vừa giúp HV luyện tập sử dụng những kiến thức và ngôn ngữ vừa học được trong bài. GV không nên chỉ đưa

ra yêu cầu ‘*Now summarize the text*’ chung chung mà cần hướng dẫn tỉ mỉ. Có thể đưa ra một số từ gợi ý để HV dùng những từ đó mà viết tóm tắt; hoặc viết các từ đầu câu để HV chỉ việc hoàn thành các câu đó; hoặc cho một số câu hỏi về những ý chính trong bài, HV viết tóm tắt bằng cách trả lời các câu hỏi đó, v.v. Hoạt động tóm tắt cũng có thể thực hiện qua nói.

- **Thảo luận (discussing)**: HV khá hơn thì có thể dùng hình thức thảo luận nhóm, trao đổi về cảm tưởng, ý kiến, nhận định của bản thân về vấn đề vừa nghe /đọc, hoặc yêu cầu HV viết hoặc nói về một vấn đề tương tự nhưng về bản thân hoặc những hoàn cảnh tương tự như trong bài nghe /đọc.

- **Đối với HV các lớp yếu, GV nên thiết kế lại các nhiệm vụ bài học cho vừa sức, tăng cường trợ giúp** như cung cấp các từ gợi ý, cho trước khung mẫu, đặt câu hỏi gợi mở dạng trả lời có/không (yes/no question), v.v.

5. Các kĩ thuật dạy học tích cực sử dụng trong dạy các kĩ năng sản sinh (productive skills): nói và viết

Vì đây là hai kĩ năng sản sinh – HV luyện tập để có thể dùng ngoại ngữ để diễn đạt ý của mình nên các bước trong bài dạy kĩ năng nói và viết không giống với bài dạy nghe và đọc. Ở một số khía cạnh, dạy hai kĩ năng này gần giống dạy các kiến thức ngôn ngữ như từ vựng hoặc ngữ pháp: HV phải được cung cấp ngữ liệu, sau đó luyện tập các ngữ liệu đó và cuối cùng là sử dụng các ngữ liệu đó để diễn đạt ý tưởng của mình một cách tự do hơn. Mặt khác vì đây là bài luyện tập kĩ năng nên bài dạy nói / viết cũng có những hoạt động đặc thù.

Có thể chia bài dạy nói / viết thành ba giai đoạn: giai đoạn chuẩn bị nói / viết; giai đoạn luyện nói / viết có kiểm soát và cuối cùng là giai đoạn nói / viết tự do.

Để bài luyện nói / viết đạt hiệu quả cao các hoạt động luyện tập cần phải thú vị, hấp dẫn và có ý nghĩa, sát thực với đời sống và hoàn cảnh của HV. Bên cạnh đó cũng nên thiết kế các hoạt động có tính thách thức cao hoặc tạo khí thế thi đua giữa các cá nhân, các cặp hay nhóm HV bằng cách tính điểm, có giải thưởng hay phần thưởng cho những bài nói khá nhất, v.v.

Các kĩ thuật sử dụng trong giai đoạn chuẩn bị nói:

Giai đoạn này có thể sử dụng một số kĩ thuật sau:

- Wordstorm
- Cross word/ puzzle words
- Word chain
- Guessing games
- Memory game
- Situation response
- Mind map
- Information gaps (Grid)
- Describe and draw/guess (Miêu tả và vẽ / đoán)
- Yes/ no contest
-

- Khai thác bài nói mẫu: tùy theo mục tiêu bài nói mà bài mẫu có thể là những phát ngôn đơn lẻ, một đoạn hội thoại hay một đoạn lời nói ngắn. GV sử dụng một số thủ thuật khi khai thác bài mẫu như:

+ Đọc to bài mẫu một lần, chú ý cách phát âm, trọng âm, ngắt giọng phù hợp, HV lắng nghe.

+ Đọc mẫu lần thứ hai, cho HV đọc theo.

- Dùng câu hỏi gợi mở (open questions) để HV tự rút ra cách sử dụng từ, cấu trúc cũng như ý nghĩa trong bài mẫu.

- Làm việc theo cặp/ nhóm (Pair-work / group-work): Cho HV luyện đọc bài mẫu cho thành thạo theo cặp/nhóm. Trong phần này GV cần chú trọng nhiều đến độ chính xác trong lời nói của HV và nên kịp thời sửa các lỗi sai về phát âm, ngữ pháp, từ vựng.

- Dạy trước một số từ vựng hoặc ngữ pháp cần thiết cho việc thực hiện bài tập nói (sử dụng các thủ thuật dạy từ vựng/ngữ pháp)

- Gọi mở để HV đóng góp những ý tưởng chung cho bài nói (có thể sử dụng hoạt động ‘động não’ (brainstorming) cho cả lớp hoặc cho HV làm việc theo nhóm, thảo luận và liệt kê các ý tưởng, sau đó đóng góp với cả lớp.

Đưa ra yêu cầu và hướng dẫn cách thực hiện yêu cầu bài nói. Lưu ý một số kỹ thuật như:

- Nếu bài nói có nhiều yêu cầu, nên dùng cách đưa yêu cầu theo từng bước (‘step by step instruction’).

- Không chỉ đưa ra yêu cầu mà còn phải làm mẫu cho HV thấy cách làm của từng bài như thế nào. Tuy nhiên, GV không nên trực tiếp làm mẫu mà giúp các HV khá giỏi trong lớp làm mẫu.

- Hỏi một vài câu hỏi để kiểm tra xem HV đã thực sự hiểu cách làm và yêu cầu của bài tập hay không.

GV sử dụng một số kỹ thuật sau đây để giúp HV luyện nói theo yêu cầu và sử dụng những ý hoặc từ vựng, cấu trúc cho trước.

- *Kỹ thuật tổ chức luyện tập*: nên tổ chức cho HV làm việc theo cặp / nhóm để tiết kiệm thời gian và luyện tập nói được nhiều nhất. Lưu ý: GV nên cho HV thay đổi thường xuyên các cặp, nhóm để HV có thể luyện được với nhiều đối tượng khác nhau và học được nhiều hơn. Có thể sử dụng các kỹ thuật chia nhóm thật nhanh:

+ Chia theo vần tên A, B, C

+ Chia theo màu áo

+ Chia theo độ dài của tóc, chiều cao...

- *Vai trò của GV*: một số GV quan niệm rằng sau khi đã làm mẫu và hướng dẫn đầy đủ cho HV là GV có thể ngồi nghỉ ngơi hoặc làm việc khác. Điều đó hoàn toàn không đúng, ở giai đoạn này GV đóng vai trò là người giám sát, giúp đỡ, điều phối. Trong khi HV làm việc theo cặp/nhóm, GV đi quanh các nhóm giám sát, nhắc nhở sao cho họ không sử dụng quá nhiều tiếng mẹ đẻ trong khi luyện tập ngoại ngữ, không có ai trong nhóm nói quá

hiều hoặc quá ít, nếu HV có vướng mắc gì về ngôn ngữ thì GV giúp HV giải quyết ngay.

- *Kỹ thuật sửa lỗi*: ở giai đoạn này GV không nên trực tiếp sửa lỗi cho HV mà nên bỏ qua các lỗi không quan trọng. Đối với các lỗi lặp đi lặp lại và phổ biến thì nên ghi chép lại, sau đó sửa chung ở trước cả lớp. GV nên chỉ nêu câu có lỗi ra ở trước lớp, sau đó khuyến khích HV tự tìm ra lỗi và tự sửa các lỗi đó.

Các hoạt động dạy kỹ năng viết

Trong dạy kỹ năng viết người ta thường phân biệt ba loại hoạt động luyện viết khác nhau: viết có kiểm soát (controlled writing), viết có hướng dẫn (guided writing) và viết tự do (free writing).

Hoạt động viết có hướng dẫn đỡ máy móc hơn hoạt động viết có kiểm soát nhưng vẫn chưa hoàn toàn là bài luyện kỹ năng viết giao tiếp. HV vẫn thực hiện các nhiệm vụ viết dưới sự hướng dẫn của GV mà chưa thể tự do dùng ngôn ngữ để giao tiếp với độc giả.

- Trả lời câu hỏi (sử dụng kỹ thuật ‘Five questions’)

GV đặt các câu hỏi, HV trả lời các câu hỏi đó và sau đó ghép vào thành bài viết. Nếu kết hợp luyện cả cấu trúc đoạn thì không để các câu hỏi theo trật tự. HV sẽ trả lời các câu hỏi riêng rẽ, sau đó sắp xếp các câu trả lời theo đúng trật tự một đoạn văn.

- Dùng từ cho sẵn để viết thành câu hoặc bài liên ý (sử dụng kỹ thuật ‘Ordering’):

Cho trước một số từ cơ bản trong câu, HV phải sử dụng các từ đó để viết thành câu hoàn chỉnh có nghĩa. Bài tập loại này có thể có mức độ khó dễ khác nhau. Để tăng độ khó thì yêu cầu HV phải biến đổi nhiều từ loại trong câu, thêm nhiều từ như phụ như mạo từ, giới từ, v.v. và đảo lộn trật tự từ trong câu.

6. Dạy kiến thức ngôn ngữ

a) Dạy ngữ âm

Chương trình tiếng Anh THPT đưa phân ngữ âm vào dạy chính thức một cách có hệ thống nhưng thông qua các bài luyện tập thiết thực với HV chứ không đi vào các vấn đề lý thuyết ngữ âm. Sách giáo khoa tiếng Anh 12 tập trung vào các vấn đề chính của ngữ âm như trọng âm từ, nhịp điệu trong câu tiếng Anh, và cách phát âm một số âm/từ ở vị trí đặc biệt. Trong phần luyện âm, vai trò hướng dẫn của GV là rất quan trọng. GV cần tìm hiểu và chuẩn bị kỹ để làm mẫu cho HV.

Một số kỹ thuật sử dụng dạy ngữ âm

- Same or different (đúng hay sai)
- Domino (trò chơi Domino)
- Tongue twist (Trò chơi uốn lưỡi)
- Find the difference

b) Dạy từ vựng

Để làm tốt việc giới thiệu từ mới theo yêu cầu đặt ra, cần phân biệt hai khái niệm cơ bản: ngữ nghĩa và cách sử dụng. Nghĩa của một từ và cách chúng được dùng như thế nào là hai vấn đề rất khác biệt. Ví dụ, có rất nhiều trường hợp, nếu tra từ điển có thể hiểu được nghĩa của từ dễ dàng, song không phải như vậy là HV học sẽ biết được cách sử dụng từ đó. Cách sử dụng của một từ phụ thuộc rất nhiều vào ngữ cảnh, thói quen của người bản ngữ và các mối quan hệ cùng với môi trường văn hoá và xã hội của họ. Cách sử dụng những ngữ liệu này chỉ có thể được hiểu rõ khi chúng được giới thiệu trong ngữ cảnh hay tình huống mà người bản ngữ đã sử dụng.

Chọn từ để dạy

Thông thường, trong một bài học luôn xuất hiện từ mới. Song không phải từ mới nào cũng được dạy như nhau. Để lựa chọn từ cần dạy, cần xem xét những vấn đề từ chủ động - từ bị động (*active and passive vocabulary*)

- Từ chủ động là những từ HV hiểu, nhận biết và sử dụng được trong giao tiếp nói và viết.

- Từ bị động là những từ HV chỉ hiểu và nhận biết được khi nghe và đọc.

Cách dạy và giới thiệu hai loại từ này khác nhau. Từ chủ động có liên quan đến cả 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết, cần đầu tư thời gian để giới thiệu và luyện tập nhiều hơn, đặc biệt là cách sử dụng. Với từ bị động, có thể chỉ cần dừng lại ở mức nhận biết, không cần thực hiện các hoạt động ứng dụng. GV cần biết lựa chọn và quyết định xem từ nào là từ chủ động và từ nào là từ bị động.

Kĩ thuật dạy nghĩa từ

A. Dùng giáo cụ trực quan (real objects)

GV có thể sử dụng các đồ vật trong lớp hoặc mang tới lớp, sử dụng tranh, ảnh, biểu bảng, sơ đồ hoặc có thể vẽ trực tiếp lên bảng. GV có thể sử dụng các hành động, cử chỉ, điệu bộ. Bản thân GV và HV luôn là nguồn trực quan sinh động mà nếu khéo vận dụng sẽ đem lại hiệu quả tích cực.

B. Dùng tình huống (situations)

GV có thể sử dụng các tình huống thực trong lớp hoặc ngoài lớp để chỉ ra nghĩa của từ. Ví dụ: GV có thể chỉ vào 1 nam HV ngồi giữa 2 nữ HV để giới thiệu ý nghĩa của từ *between* bằng cách nói *Tuan is between Lan and Huong*.

C. Dùng ngôn ngữ lời nói:

GV có thể sử dụng tiếng Anh hoặc tiếng Việt để chỉ ra ý nghĩa của từ mới. Có thể thực hiện bằng hình thức định nghĩa, sử dụng ngữ cảnh, sử dụng các từ đồng nghĩa, trái nghĩa hoặc dịch. Sau khi chỉ ra ý nghĩa của từ mới, GV có thể thực hiện một số các kĩ thuật sau để trình bày hình thức của từ đó.

- Vẽ tranh lên bảng để chỉ ra ý nghĩa của từ.
- Nói 1 hoặc 2 câu có chứa từ đó.
- Yêu cầu cả lớp lặp lại từ và cả câu đồng thanh 2 hoặc 3 lần.

- Viết từ hoặc câu đó lên bảng nếu cần thiết.
- Yêu cầu HV dịch câu đó sang tiếng việt.
- Đặt thêm ví dụ để củng cố từ.
- Đặt câu hỏi để HV trả lời trong đó có chứa từ vừa học.
- Yêu cầu HV chép từ vào vở.

Các kĩ thuật sử dụng khi dạy từ

Một số dạng bài tập và kĩ thuật được dùng khi luyện tập từ mới:

- Matching
- Odd-man-out
- Cross word/ puzzle words
- Domino
- Quizz
- Grouping
- Arranging/ Ordering
- Blank-filling
- Substitution
- Replacement
- Sentence-building.
- ...

c) Dạy ngữ pháp

Nhìn chung, việc dạy các cấu trúc ngữ pháp có thể được thực hiện theo 2 cách chính: diễn dịch và quy nạp. Theo cách diễn dịch, đầu tiên HV được cung cấp một quy tắc cấu trúc ngữ pháp kèm theo lời giải thích và ví dụ minh hoạ. Sau đó HV luyện tập cách sử dụng. Theo cách quy nạp, đầu tiên HV được tiếp cận một loạt các ví dụ, từ các ví dụ này HV phải khái quát hoá thành các quy tắc với sự gợi ý của GV. Việc lựa chọn một trong hai cách này tùy thuộc vào độ khó của cấu trúc, năng lực của HV cũng như ý thích của GV.

Một số loại hình bài tập và kỹ thuật sử dụng khi dạy cấu trúc ngữ pháp

Việc luyện tập một cấu trúc ngữ pháp mới có thể thực hiện qua các loại hình bài tập sau đây:

- Repetition
- Substitution
- Conversion or transformation
- Matching
- Ordering/ rearranging
- Five questions
- Grid (completion)

VI. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

- Kiểm tra, đánh giá là yếu tố quan trọng trong quá trình dạy học nhằm cung cấp thông tin phản hồi về năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh mà HV đạt được trong quá trình cũng như tại thời điểm kết thúc một giai đoạn học tập. Điều này góp phần khuyến khích và định hướng HV trong quá trình học tập, giúp GV và cơ sở giáo dục đánh giá kết quả học tập của HV, qua đó điều chỉnh việc dạy học môn học một cách hiệu quả ở các cấp học.

- Việc đánh giá hoạt động học tập của HV phải bám sát mục tiêu và nội dung dạy học của Chương trình, dựa trên yêu cầu cần đạt đối với các kỹ năng giao tiếp ở từng lớp, hướng tới việc giúp HV đạt được các bậc quy định về năng lực giao tiếp khi kết thúc cấp học.

- Hoạt động kiểm tra, đánh giá cần được thực hiện theo hai hình thức: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục thông qua các hoạt động dạy học trên lớp. Trong quá trình dạy học, cần chú ý ưu tiên đánh giá thường xuyên nhằm giúp HV và GV theo dõi tiến độ thực hiện những mục tiêu đã đề ra trong Chương trình. Việc đánh giá định kì được thực hiện vào các thời điểm ấn định trong năm học để đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu cần đạt đã được quy định cho mỗi cấp lớp.

- Việc đánh giá được tiến hành thông qua các hình thức khác nhau như định lượng, định tính và kết hợp giữa định lượng và định tính trong cả quá trình học tập, kết hợp đánh giá của GV, đánh giá lẫn nhau của HV và tự đánh giá của HV. Các loại hình kiểm tra, đánh giá cần phù hợp với phương pháp dạy học được áp dụng trong lớp học, bao gồm kiểm tra nói (hội thoại, độc thoại) và kiểm tra viết dưới dạng tích hợp các kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ, kết hợp giữa hình thức trắc nghiệm khách quan, tự luận và các hình thức đánh giá khác.

VII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Thời lượng dạy học

Chương trình môn Tiếng Anh được dạy từ lớp 10 đến lớp 12 và tuân thủ các quy định trong phân chung của Bộ GDĐT về thời lượng dạy học môn học, cụ thể như sau:

Thời lượng môn học (3 tiết/tuần)		
Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
105 tiết	105 tiết	105 tiết
Tổng số: 315 tiết		

2. Các điều kiện cơ bản đảm bảo thực hiện Chương trình

Để việc thực hiện *Chương trình môn Tiếng Anh* hiệu quả, cần bảo đảm các điều kiện cơ bản sau:

2.1. Giáo viên

– Đảm bảo đủ số lượng GV để thực hiện đủ số tiết học theo kế hoạch dạy học. GV phải đạt chuẩn năng lực tiếng Anh và năng lực sư phạm phù hợp với cấp học theo quy định của Bộ GDĐT.

- GV phải đạt trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

- GV phải được hướng dẫn đầy đủ về nội dung và cách thức triển khai Chương trình này. Công tác bồi dưỡng năng lực cho GV phải được tổ chức

thường xuyên để thực hiện đúng mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá quy định trong Chương trình.

2.2. Cơ sở vật chất

- Về học liệu: Cần đảm bảo đầy đủ học liệu tối thiểu cho GV và người học theo quy định của Bộ GDĐT. Học liệu có thể bao gồm sách giáo khoa, tài liệu dạy học dưới dạng bản giấy hoặc học liệu điện tử.

- Về phòng học: Phòng học cần đảm bảo thoáng mát, đủ ánh sáng, phù hợp với từng nhóm đối tượng người học cụ thể, đáp ứng các quy định về an toàn và kỹ thuật.

- Về trang thiết bị dạy học: Đảm bảo các trang thiết bị tối thiểu trong một lớp học ngoại ngữ theo quy định của Bộ GDĐT; tăng cường sử dụng thiết bị ứng dụng công nghệ hỗ trợ việc dạy học của GV, việc học và tự học của người học.

- Những cơ sở giáo dục có điều kiện cần nối mạng Internet, trang bị máy tính, màn hình và đầu chiếu, phần mềm dạy học tiếng Anh; khuyến khích sử dụng thiết bị công nghệ thông tin hỗ trợ việc dạy học tiếng Anh.

Bài 2. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN TIẾNG ANH THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC HỌC VIÊN

I. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC TCM

1. Khái niệm và ý nghĩa của việc xây dựng KHGD của TCM

Kế hoạch giáo dục (KHGD) của TCM (TCM) là bản dự kiến kế hoạch triển khai tất cả các hoạt động của TCM trong một năm học, nhằm thực hiện những mục tiêu phát triển của TCM và của cơ sở giáo dục, bảo đảm yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT. KHGD của TCM bao gồm kế hoạch dạy học môn học và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục.

Xây dựng KHGD của TCM là một phần của nhiệm vụ xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của cơ sở GDTX trong năm học. Vì thế, mục tiêu của KHGD của TCM xét ở khía cạnh thực hiện Chương trình GDTX cũng phản ánh mục tiêu chung khi xây dựng KHGD của cơ sở GDTX. Bên cạnh đó, việc xây dựng KHGD của TCM còn thể hiện những ý nghĩa sau đây:

- Đối với công tác quản lí, xây dựng KHGD của TCM giúp bảo đảm tính thống nhất giữa các TCM trong thực hiện KHGD của cơ sở GDTX trong năm học. Đây cũng là cơ sở để Tổ trưởng chuyên môn và lãnh đạo cơ sở giáo dục theo dõi, đôn đốc thực hiện cũng như đánh giá việc thực hiện công tác trong năm học nhằm đảm bảo thực hiện hiệu quả các công việc đã đề ra.

- Đối với việc triển khai thực hiện chương trình, KHGD của TCM là một căn cứ quan trọng để phân công nhiệm vụ cho GV tổ bộ môn, đặc biệt là nhiệm vụ giảng dạy và tổ chức các hoạt động giáo dục. Từ đó, GV có cơ sở triển khai việc xây dựng KHGD của cá nhân và kế hoạch bài dạy để thực hiện nhiệm vụ của mình. KHGD của TCM vì thế giống như một nhịp cầu nối giữa mục tiêu chung của chương trình với các bài học cụ thể của GV. Với một kế hoạch được xây dựng, GV có cơ sở để triển khai công việc giảng dạy hiệu quả, sử dụng nó như một danh sách theo dõi và thực hiện các công việc mà bản thân được phân công trong năm học một cách hiệu quả.

2. Các yêu cầu đối với việc xây dựng KHGD của TCM

- *Đảm bảo tính pháp lý:* KHGD của TCM cần được xây dựng dựa trên các căn cứ pháp lý cụ thể và các kế hoạch cấp cao hơn, chẳng hạn như hướng dẫn nhiệm vụ năm học của sở GD&ĐT; Khung kế hoạch thực hiện chương trình các môn học, chuyên đề lựa chọn, hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục và nội dung giáo dục của địa phương; Công văn hướng dẫn nhiệm vụ năm học... Thực hiện nguyên tắc này nhằm đảm bảo sự thống nhất trong việc thực hiện các loại kế hoạch theo hướng ngày càng cụ thể hóa các kế hoạch tổng thể để thực hiện một cách linh hoạt và có hiệu quả CTGDTX.

- *Đảm bảo tính khả thi:* Khi xây dựng KHGD của TCM cần dựa trên việc phân tích đặc điểm tình hình của TCM và của cơ sở GDTX (đặc điểm HV, tình hình đội ngũ, thiết bị dạy học, phòng học bộ môn...), chú trọng và tính đến sự phân hóa của các yếu tố liên quan để xây dựng KHDH, kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục, kế hoạch các bài kiểm tra, đánh giá định kỳ và các nội dung khác phù hợp.

- *Đảm bảo tính logic:* Cần đảm bảo tính logic của mạch kiến thức và tính thống nhất trong và giữa các môn học và hoạt động giáo dục. KHGD của TCM theo từng khối lớp cần sắp xếp các bài học theo thời gian thực hiện một cách phù hợp, chú trọng đến sự thống nhất với các môn học và hoạt động giáo dục khác về khung thời gian, bố trí thời gian đánh giá phù hợp với kế hoạch chung của cơ sở giáo dục.

- *Đảm bảo tính linh hoạt:* KHGD của TCM là bản kế hoạch các nhiệm vụ được đề ra để thực hiện trong năm học. Tuy vậy, đây không phải là một kế hoạch cứng nhắc để thực thi, trong các trường hợp cần thiết do sự thay đổi từ tình hình thực tiễn, kế hoạch này có thể được điều chỉnh, kể cả về mặt nội dung và thời gian thực hiện. Sự linh hoạt này còn thể hiện ở chỗ, khi GV phát triển kế hoạch giáo dục của TCM thành kế hoạch giáo dục của cá nhân và kế hoạch bài dạy, có thể linh động trong những trường hợp cần thiết để thực hiện kế hoạch một cách hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế.

3. Vai trò của GV trong việc xây dựng và thực hiện KHGD của TCM

- Đối với việc xây dựng KHGD của TCM: Mỗi GV của TCM đều phải góp phần vào xây dựng KHGD tổ. Trong đó, tổ trưởng chuyên môn là người chịu trách nhiệm chính, có vai trò tổ chức xây dựng KHGD của TCM. Các thành viên khác của tổ dưới sự tổ chức và phân công nhiệm vụ của tổ trưởng sẽ tham gia vào quá trình này. GV tổ bộ môn cần tích cực, chủ động đề xuất các ý tưởng, tham gia xây dựng, đóng góp ý kiến, phản hồi để hoàn thiện kế hoạch. Sự tham gia của các thành viên TCM sẽ đảm bảo việc xây dựng một kế hoạch có tính thống nhất, sự đồng thuận cao trong việc thiết lập các kế hoạch và mục tiêu chung của TCM trong năm học.

- Đối với việc thực hiện KHGD của TCM: Kế hoạch của TCM khi được phê duyệt bởi Giám đốc trung tâm GDTX sẽ là căn cứ để GV triển khai thực hiện. GV cần nắm rõ các công việc và nhiệm vụ đặt ra trong kế hoạch để thực hiện theo đúng lịch trình. Mỗi GV có thể cụ thể hóa kế hoạch của TCM thành kế hoạch cá nhân chi tiết để thực hiện các nhiệm vụ một cách hiệu quả. Quá trình thực hiện kế hoạch của TCM vì thế vừa là quá trình thực hiện các kế hoạch đặt ra, vừa là quá trình cá nhân hóa các nhiệm vụ phù hợp với mỗi GV trong năm học. Trong quá trình này, nếu GV là tổ trưởng chuyên môn còn phải theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các kế hoạch để đảm bảo các nhiệm vụ được thực hiện, phối hợp với GV của tổ và giám đốc trung tâm GDTX để giải quyết các vấn đề phát sinh nếu có.

4. Cấu trúc KHGD của TCM

KHGD của tổ chuyên bao gồm KHDH và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục. TCM trong quá trình xây dựng các kế hoạch này có thể tham khảo cấu trúc gợi ý dưới đây để thực hiện:

Trung tâm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Tổ:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC ..., KHỐI LỚP...**

(Năm học 20..... - 20.....)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: ...; Số học viên: ...; Số học viên học chuyên đề lựa chọn (nếu có):.....

2. Tình hình đội ngũ: Số GV:...; Trình độ đào tạo: Cao đẳng:

Đại học:.....; Trên đại học:.....

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp: Tốt:.....; Khá:.....; Đạt:..... Chưa đạt:.....

3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1				
2				
...				

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1				
2				
...				

II. Kế hoạch dạy học¹

1. Phân phối chương trình

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1			
2			
...			

¹ Đối với tổ ghép môn học: Khung phân phối chương trình cho các môn.

2. Chuyên đề lựa chọn

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1			
2			
...			

(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.

(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.

(3) Yêu cầu cần đạt theo chương trình môn học: GV chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu cần đạt.

3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1				
Cuối Học kỳ 1				
Giữa Học kỳ 2				
Cuối Học kỳ 2				

(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.

(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.

(3) Yêu cầu cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).

(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.

III. Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục

1. Khối lớp:; Số học viên:.....

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1								
2								
...								

2. Khối lớp:; Số học viên:.....

(1) Tên chủ đề tham quan, cắm trại, sinh hoạt tập thể, câu lạc bộ, hoạt động phục vụ cộng đồng.

(2) Yêu cầu cần đạt của hoạt động giáo dục đối với các đối tượng tham gia.

(3) Số tiết được sử dụng để thực hiện hoạt động.

(4) Thời điểm thực hiện hoạt động (tuần/tháng/năm).

(5) Địa điểm tổ chức hoạt động (phòng thí nghiệm, thực hành, phòng đa năng, sân chơi, bãi tập, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tại di sản, tại thực địa...).

(6) Đơn vị, cá nhân chủ trì tổ chức hoạt động.

(7) Đơn vị, cá nhân phối hợp tổ chức hoạt động.

(8) Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, học liệu...

IV. Các nội dung khác (nếu có):

.....
.....
.....

...., ngày tháng năm 20...

TỔ TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC

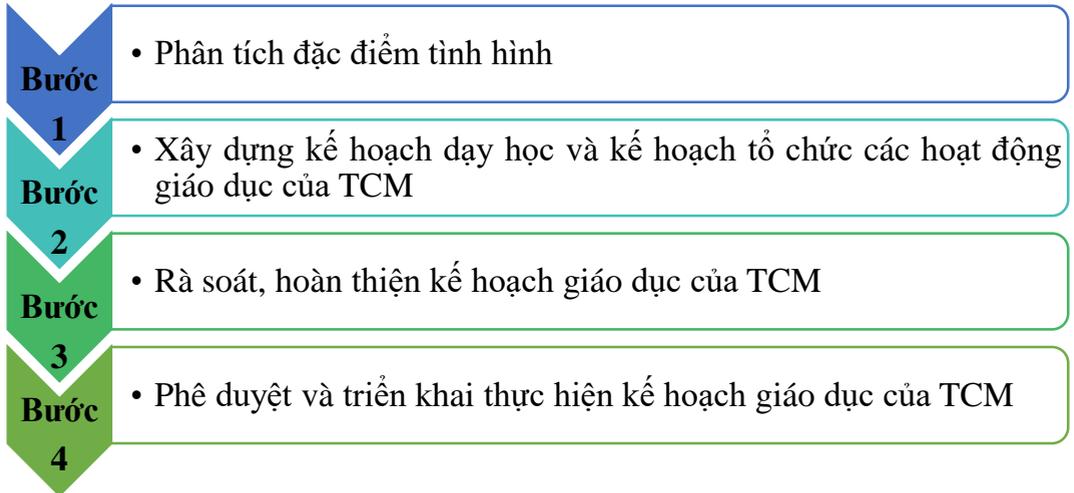
(Ký và ghi rõ họ tên)

2.5. Quy trình xây dựng KHGD của TCM

Vào đầu năm học, Giám đốc trung tâm GDTX tổ chức họp các thành phần liên quan để xây dựng khung kế hoạch thời gian thực hiện chương trình của từng môn học, chuyên đề học tập lựa chọn, hoạt động giáo dục, nội dung giáo dục địa phương. Trên cơ sở này, các TCM, trong đó có TCM tiến hành xây dựng KHGD của tổ. Đây là một phần của nhiệm vụ quan trọng trong xây dựng và thực hiện KHGD của cơ sở GDTX để thực hiện CTGDTX mới. Xây dựng KHGD của TCM bao gồm xây dựng KHDH và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục được phân công.

Việc xây dựng KHGD của TCM gắn liền với nhiều nhiệm vụ, liên quan đến cả kế hoạch chung của trung tâm GDTX, các TCM khác và tất cả các GV bộ môn nên đòi hỏi quá trình xây dựng phải xem xét cân nhắc nhiều yếu

tổ, có sự liên hệ ngược, bàn luận xen kẽ chứ không thể theo một quy trình tuyến tính. Chính vì thế, các bước dưới đây được cung cấp như một hướng dẫn để tổ trưởng chuyên môn và GV TCM tham khảo trong quá trình xây dựng kế hoạch của tổ. Các bước này cũng hướng tới việc các kế hoạch theo cấu trúc đã gợi ý ở mục 4 của tài liệu này.



Quy trình xây dựng kế hoạch giáo dục của TCM

Bước 1. Phân tích đặc điểm tình hình: Để xây dựng KHDH và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của TCM, cần phải đánh giá đầy đủ:

(1) Tình hình HV: TCM cần thống kê số lớp học và tổng số HV của mỗi khối lớp và số HV học chuyên đề lựa chọn (nếu có) trong năm học của mỗi khối lớp.

(2) Tình hình GV: số GV, trình độ đào tạo của các gv trong tổ theo các cấp từ cao đẳng, đại học, trên đại học và mức đạt chuẩn nghề nghiệp GV theo các mức: tốt, khá, đạt, chưa đạt theo thông tư số 20//TT-BGDĐT ngày 22/8 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở GDPT).

(3) Tình hình thiết bị dạy học của môn học do TCM phụ trách, trong đó đánh giá cụ thể thiết bị dạy học nào còn sử dụng được; sử dụng được để dạy học các bài, chủ đề nào trong chương trình môn học. Điều này quan trọng để quyết định bài học có sử dụng các thiết bị dạy học đó được thực hiện thế nào

(cụ thể hóa được YCCĐ đối với nội dung đó trong kế hoạch của tổ để tổ chức thực hiện). Lưu ý, các thiết bị này có thể nằm trong danh mục thiết bị dạy học tối thiểu được cung cấp, hoặc các thiết bị dạy học từ các nguồn khác nhau có thể sử dụng để tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục của TCM trong năm học đó.

(4) Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập. Đối với các phòng hoặc địa điểm có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học, TCM cần thống kê cụ thể dưới dạng bảng theo thứ tự tên phòng, số lượng, phạm vi và nội dung sử dụng cùng những ghi chú về đặc điểm, tình trạng để có định hướng sử dụng phù hợp.

Bước 2. Xây dựng kế hoạch dạy học và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của TCM

Trên cơ sở tình hình năm học đã phân tích, TCM tiến hành xây dựng kế hoạch dạy học cho các khối lớp; Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của TCM; Kế hoạch thực hiện các nội dung khác (nếu có). Phần dưới đây hướng dẫn TCM cách thực hiện các nhiệm vụ này:

*** Thứ nhất, xây dựng kế hoạch dạy học**

(1) *Xây dựng phân phối chương trình các khối lớp*: Chương trình GDTX quy định thời lượng thực học trong một năm học, cụ thể thời lượng của mỗi năm học là 35 tuần, có thể tổ chức dạy học 1 buổi/ ngày, mỗi buổi không bố trí quá 5 tiết học, mỗi tiết học 45 phút. Đồng thời, xác định số tiết trong năm học đối với từng môn học, chẳng hạn như môn Tiếng Anh có thời lượng là 105 tiết. Dựa trên cơ sở đó, Chương trình GDTX môn Tiếng Anh quy định những nội dung và YCCĐ phải thực hiện, xác định một cách khái quát tỉ lệ thời lượng của các nội dung. Chính vì vậy, việc dạy học đảm bảo các YCCĐ trong bối cảnh thời gian nhất định (có hạn) đòi hỏi phải có sự cân đối, sắp xếp thời lượng cho các nội dung một cách phù hợp để sử dụng hiệu quả thời gian cho phép. Đây chính là nhiệm vụ của xây dựng phân phối chương trình. TCM có thể được thực hiện theo cách thức gợi ý sau:

- *Xác định thời lượng dạy học các mạch nội dung chính trong chương trình:* Để thực hiện, TCM cần bắt đầu từ nghiên cứu Chương trình GDTX môn Tiếng Anh để biết được tổng thời lượng được quy định cho môn học, tỉ lệ thời lượng dành cho các mạch nội dung chính và thời lượng dành cho đánh giá định kì. Từ đó, có thể tính số tiết cụ thể để thực hiện các đơn vị bài học.

- *Xác định, liệt kê các bài học và YCCĐ tương ứng theo trình tự thời gian thực hiện:* Các đơn vị bài học có thể được xác định bằng nhiều cách khác nhau, có thể lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của trung tâm GDTX trên cơ sở tham khảo chương trình, SGK mà địa phương lựa chọn. Trong trường hợp thiết kế lại các đơn vị bài học, cần căn cứ vào tính logic, đặc điểm của kiến thức, tính trọn vẹn của vấn đề để xây dựng thành các đơn vị bài học hoặc chuyên đề phù hợp với điều kiện thực tiễn dạy học cơ sở giáo dục. Sau đó, đối với mỗi đơn vị bài học, TCM cần xác định các YCCĐ tương ứng. Cần lưu ý, TCM có thể phát triển và ghi thêm các YCCĐ khác theo hướng nâng cao đối với bài học đã xác định dựa trên phân tích đặc điểm HV và các điều kiện tổ chức dạy học nhưng phải đảm bảo việc thực hiện các YCCĐ được quy định trong chương trình.

- *Xác định thời lượng (số tiết) sử dụng để giảng dạy các đơn vị bài học cụ thể:* Trên cơ sở số tiết dành cho các mạch nội dung chính đã xác định, TCM nghiên cứu các YCCĐ của từng bài học, tham khảo SGK mà địa phương lựa chọn để xác định và phân bổ số tiết phù hợp cho các bài học cụ thể trong các mạch nội dung. Số tiết của mỗi đơn vị bài học phụ thuộc vào nhiều yếu tố, quan trọng nhất là số lượng YCCĐ và mức độ cần đạt trong mỗi yêu cầu (thể hiện qua động từ diễn đạt mức độ nhận thức). Những YCCĐ được mô tả ở mức độ nhận thức cao, phức hợp thường phải dự kiến dành nhiều thời gian hơn các yêu cầu cần đạt ở mức độ thấp. Bên cạnh đó, đặc điểm của loại kiến thức (kiến thức lý thuyết, kiến thức thực tiễn) hoặc tính chất bài học (lý thuyết, thực hành) cũng là những yếu tố cần lưu ý. Ngoài ra, do chương trình được xây dựng có tính kế thừa nên việc xác định thời lượng các bài học có thể căn cứ thêm vào kinh nghiệm thực tiễn dạy học của GV từ

chương trình 2006. Sau đó, tiến hành cân đối lại số tiết các bài để đảm bảo số tiết phù hợp và ghi vào cột số tiết trong cấu trúc phân phối chương trình theo gợi ý.

(2) *Xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá định kì:* TCM căn cứ trên cơ sở số tiết dành cho đánh giá định kì được quy định trong chương trình bộ môn và quy định về kiểm tra, đánh giá hiện hành. Trên cơ sở các bài kiểm tra, đánh giá được xác định, TCM cần xác định: (1) Thời gian làm bài cụ thể cho từng bài, (2) Thời điểm (tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá), (3) YCCĐ (mức độ cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá theo phân phối chương trình) và (4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá.

Thứ hai, xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục: Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục được thiết kế riêng cho từng khối lớp và số HV tham gia được xác định một cách cụ thể. Căn cứ vào đặc điểm tình hình năm học đã phân tích, nghiên cứu chương trình môn học và trên cơ sở đề xuất của các tổ bộ môn để xác định các chủ đề giáo dục và liệt kê theo thứ tự thời gian thực hiện. Tên chủ đề giáo dục là tên chủ đề tham quan, cắm trại, sinh hoạt tập thể, câu lạc bộ hoặc các hoạt động phục vụ cộng đồng.... Đối với mỗi chủ đề, cần xác định rõ:

(1) YCCĐ của chủ đề, tức là mức độ cần đạt của hoạt động giáo dục đối với các đối tượng tham gia;

(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện hoạt động;

(3) Thời điểm thực hiện hoạt động (tuần/tháng/năm);

(4) Địa điểm tổ chức hoạt động (phòng thí nghiệm, thực hành, phòng đa năng, sân chơi, bãi tập, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tại di sản, tại thực địa...);

(5) Đơn vị, cá nhân chủ trì tổ chức hoạt động;

(6) Đơn vị, cá nhân phối hợp tổ chức hoạt động;

(7) Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, học liệu...

Thứ ba, xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung khác (nếu có):

Trong trường hợp có các nhiệm vụ dạy học khác được tiến hành trong năm học, chẳng hạn như kế hoạch bồi dưỡng HV, kế hoạch sinh hoạt chuyên môn... TCM cũng cần xây dựng kế hoạch cho các nội dung này. Không có khuôn mẫu cho việc trình bày các loại kế hoạch này, tuy nhiên kế hoạch nên thể hiện được nội dung, số tiết, YCCĐ, thiết bị hỗ trợ và địa điểm để tổ chức cụ thể.

Bước 3. Rà soát, hoàn thiện kế hoạch giáo dục của TCM: Sau khi xây dựng xong các kế hoạch, TCM cần tiến hành rà soát để có bản dự thảo hoàn thiện. Cần chú trọng đến sự phù hợp của phân phối chương trình, các chuyên đề lựa chọn, các bài kiểm tra, đánh giá định kì cũng như tính khả thi của các hoạt động đề xuất. Các kế hoạch này sau đó cần được hoàn thiện và thông qua lấy ý kiến để đạt được sự thống nhất trong TCM.

Bước 4. Phê duyệt và tổ chức thực hiện KHGD của TCM

Bản dự thảo hoàn thiện KHGD của TCM sau khi thông qua TCM được trình Giám đốc trung tâm GDTX xem xét phê duyệt và công bố như một phần của KHGD trong năm học. Đây là căn cứ để TCM triển khai thực hiện kế hoạch này trong năm học. Nhiệm vụ quan trọng sau khi kế hoạch của tổ được phê duyệt là tổ trưởng chuyên môn tiến hành phân công nhiệm vụ cho các GV của TCM. Việc phân công GV cần căn cứ vào tổng thời lượng (số tiết) dạy học môn học của các khối lớp và các nhiệm vụ khác được phân công như dạy học các chuyên đề lựa chọn, các chủ đề nội dung giáo dục địa phương, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Trên cơ sở đó, dựa trên số lượng GV của TCM và cần nhắc đến các yếu tố liên quan của mỗi cá nhân GV trong tổ (ví dụ chủ nhiệm hay không chủ nhiệm) để phân công các nhiệm vụ cho mỗi GV, bảo đảm số tiết/tuần của tất cả GV phù hợp định mức giờ dạy theo quy định hiện hành.

Trên cơ sở nhiệm vụ được tổ trưởng phân công, mỗi GV bộ môn sau đó sẽ tiến hành xây dựng kế hoạch giáo dục của cá nhân để thực hiện các nhiệm

vụ đó trong năm học. Ý nghĩa, cách thức xây dựng kế hoạch giáo dục của cá nhân được đề cập và hướng dẫn trong phần tiếp theo của tài liệu này.

II. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN

1. Quan niệm và ý nghĩa của việc xây dựng kế hoạch giáo dục của GV

Kế hoạch giáo dục của GV trong năm học (thường gọi tắt là kế hoạch cá nhân) là sự cụ thể hóa nội dung và cách thức triển khai tất cả các công việc sẽ làm trong năm học của mỗi GV nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển của TCM và của trung tâm.

Như vậy, xây dựng KHGD của GV là quá trình GV xây dựng kế hoạch thực hiện các công việc của cá nhân trong năm học dựa trên sự phân công của trung tâm GDTX, của tổ bộ môn nhằm triển khai, thực hiện kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục một cách thống nhất và hiệu quả.

Trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện hệ thống giáo dục hiện nay, việc GV xây dựng KHGD của cá nhân có vai trò hết sức quan trọng, cụ thể:

- KHGD của GV là một trong những công cụ có vai trò quan trọng trong việc phối hợp nỗ lực của GV với cán bộ quản lý cơ sở giáo dục trong việc thực hiện mục tiêu năm học, thực hiện có hiệu quả Chương trình GDTX.

- KHGD của GV có tác dụng làm tăng tính ổn định của GV trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giáo dục, giúp GV chủ động thực hiện các biện pháp ứng phó với những thay đổi của hoạt động giáo dục.

- Giúp giải quyết được sự chòng chéo và lãng phí nguồn lực của cá nhân GV và của cơ sở giáo dục.

- Kế hoạch giáo dục của GV cũng là cơ sở để cơ sở giáo dục, mà trực tiếp là TCM theo dõi, đôn đốc và đánh giá việc thực hiện các công việc của mỗi thành viên trong TCM. Điều này nhằm đảm bảo các công việc được triển khai đúng kế hoạch, hiệu quả, hướng tới việc đạt được các mục tiêu đã đề ra trong kế hoạch giáo dục của TCM, từ đó đảm bảo thực hiện hiệu quả kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục.

Như vậy, KHGD của GV có vai trò quan trọng đối với hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục và GV. Nếu không có kế hoạch, bản thân GV và trung tâm GDTX không thể xác định được các nguồn lực cần huy động để hoạt động giáo dục đạt hiệu quả tốt nhất. Mặt khác, thông qua việc xây dựng KHGD cá nhân, bản thân GV sẽ xác định rõ nhiệm vụ, mục tiêu, kế hoạch thực hiện. Từ đó, không ngừng sự nỗ lực và cố gắng thực hiện KHGD cá nhân nhằm đạt được mục tiêu đã xác định.

2. Các yêu cầu khi xây dựng KHGD của GV

Việc xây dựng KHGD của GV trong năm học cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- *Đảm bảo tính pháp lí:* Trong quá trình xây dựng KHGD cá nhân, GV cần nghiên cứu và cụ thể hóa các văn bản hướng dẫn của ngành phù hợp với tình hình thực tiễn, góp phần hiện thực hóa KHGD của cơ sở giáo dục, của TCM.

- *Đảm bảo tính thực tiễn:* Mỗi trung tâm GDTX được đặt trong một bối cảnh khác nhau về tình hình kinh tế xã hội, về tài chính, về nguồn lực và nhiều yếu tố khác. Vì vậy, khi xây dựng KHGD cá nhân trong năm học, GV cần phải phân tích điều kiện thực tế để xác định mục tiêu phù hợp, xác định được phương thức thực hiện khả thi và tìm kiếm nguồn hỗ trợ để thực hiện công việc hiệu quả, đáp ứng mục tiêu đề ra.

- *Đảm bảo sự cụ thể, rõ ràng của nhiệm vụ, mục tiêu và kế hoạch hành động:* KHGD của GV phải được xác định với tính hướng đích cao, tức là kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn hoặc thậm chí kế hoạch của từng nhiệm vụ, từng tháng, từng tuần... phải được tạo lập thật rõ ràng, nhất quán cho từng thời điểm từng giai đoạn cụ thể sao cho phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của mình.

- *Đảm bảo tính vừa sức:* Việc xây dựng kế hoạch giáo dục của GV trong năm học cần đảm bảo tính vừa sức. Tính vừa sức thể hiện ở việc phân tích điểm mạnh, hạn chế và những yếu tố khác của cá nhân GV có ảnh hưởng đến mức độ và tiến độ thực hiện công việc. Vì vậy, thông qua việc lập KHGD cá

nhân trong năm học, bao gồm những nội dung chính như: xác định cụ thể những nhiệm vụ cần làm, biện pháp thực hiện công việc và thời hạn hoàn thành công việc sẽ giúp GV nhìn lại tổng thể các nhiệm vụ, khả năng hoàn thành nhiệm vụ, mức độ hoàn thành các nhiệm vụ; từ đó ưu tiên việc nào trước, việc nào sau, đệ trình xin giảm bớt nhiệm vụ nào nhằm đảm bảo mục tiêu chung của TCM, của cơ sở giáo dục.

- *Đảm bảo tính khoa học*: Xây dựng KHGD của GV là một hoạt động cá nhân của GV trong hoạt động giáo dục, những kế hoạch được đề ra cần phải dựa trên những nguyên lí, nguyên tắc của khoa học giáo dục, tùy theo từng độ tuổi, từng cấp học khác nhau mà có cách vận dụng những lí thuyết khác nhau về hoạt động giáo dục phù hợp.

- *Đảm bảo tính đồng bộ và lịch sử cụ thể*: KHGD của GV phải thống nhất với KHGD của cơ sở giáo dục. Việc xây dựng KHGD của GV là khâu đầu tiên của hoạt động giáo dục, dựa trên kết quả của năm học trước và đặc điểm, tình hình cụ thể của năm học để xây dựng kế hoạch phù hợp. Từ đó, huy động các nguồn lực, đề xuất các biện pháp nhằm thực hiện các mục tiêu đã xác định.

3. Cấu trúc KHGD của GV

Dưới đây là cấu trúc bản KHGD cá nhân minh họa để GV có thể tham khảo (*Phụ lục 3, ban hành kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*).

Trung tâm:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Tổ:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Họ và tên GV:

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GV

MÔN TIẾNG ANH, LỚP.....

(Năm học 20..... - 20.....)

I. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Thời điểm (3)	Thiết bị dạy học (4)	Địa điểm dạy học (5)
1					
2					
...					

2. Chuyên đề lựa chọn

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Thời điểm (3)	Thiết bị dạy học (4)	Địa điểm dạy học (5)
1					
2					
...					

(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề (lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục) theo chương trình, sách giáo khoa môn học.

(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài dạy/chuyên đề.

(3) Tuần thực hiện bài học/chuyên đề.

(4) Thiết bị dạy học được sử dụng để tổ chức dạy học.

(5) Địa điểm tổ chức hoạt động dạy học (lớp học, phòng học bộ môn, phòng đa năng, bãi tập, tại di sản, thực địa...).

II. Nhiệm vụ khác (nếu có): (Bồi dưỡng học viên; Tổ chức hoạt động giáo dục)

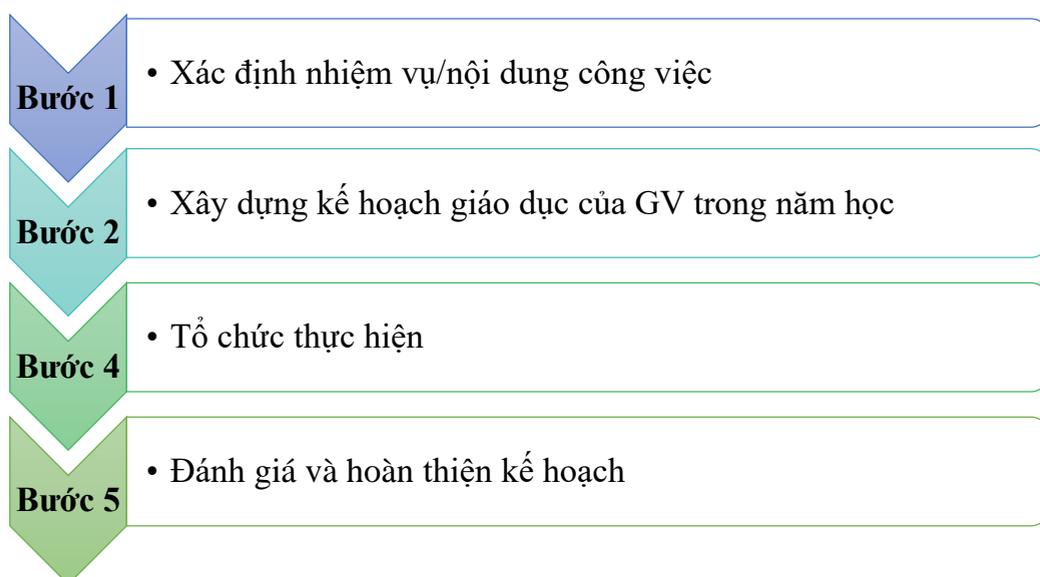
.....
.....

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

... ngày tháng năm
GIÁO VIÊN
(Ký và ghi rõ họ tên)

4. Quy trình xây dựng KHGD của GV

Từ những căn cứ về pháp lý (bao gồm các văn bản liên quan như chương trình tổng thể, chương trình môn học; KHGD của cơ sở giáo dục; Bảng phân công nhiệm vụ năm học mới của GV;...) và phân tích tình hình thực tiễn trung tâm GDTX (bao gồm tình hình số lớp, số HV trong từng lớp được phân công dạy học; các nội dung kiến thức cốt lõi; số chuyên đề lựa chọn tương ứng từng khối lớp; số HV tham gia học chuyên đề; cơ sở vật chất phục vụ việc dạy học và giáo dục; tình hình HV lớp chủ nhiệm...), GV tiến hành xây dựng Kế hoạch giáo dục của cá nhân theo qui trình sau:



Quy trình xây dựng kế hoạch giáo dục của GV trong năm học

Bước 1. Xác định nhiệm vụ/nội dung công việc

Nội dung công việc của GV trong trung tâm được phân làm 3 nhóm chính: (1) Giảng dạy/giáo dục; (2) Chủ nhiệm; (3) Công việc/nhiệm vụ khác như bồi dưỡng, phụ đạo học viên...; (4) Tự học, tự bồi dưỡng; (5) Công tác Đảng, Đoàn, Đội, Công đoàn kiêm nhiệm khác....

Khi xác định nhiệm vụ/công việc cần làm, GV cần xác định đối tượng, thời gian, địa điểm thực hiện, nguồn hỗ trợ... Đồng thời, GV cần xác định rõ

cái nào nên làm trước, cái nào làm sau. Việc sắp xếp các công việc một cách hợp lý theo thứ tự cấp bách, mức độ quan trọng hoặc theo trình tự thời gian... là một yếu tố quan trọng khi lập kế hoạch hiệu quả. Việc này giúp GV loại bỏ những công việc không cần thiết, tiết kiệm thời gian và nguồn lực.

Bước 2. Xây dựng KHGD của GV

- *Xây dựng kế hoạch dạy học các bài học và các chuyên đề lựa chọn (nếu có):* Ở giai đoạn này, GV căn cứ vào Chương trình giáo dục bộ môn, căn cứ vào nội dung dạy học của khối lớp được phân công đảm nhận, căn cứ vào phân phối chương trình chung đã được TCM thống nhất để xác định bài học, số tiết của bài, thời điểm dạy học, thiết bị dạy học, địa điểm dạy học.

(1) GV căn cứ vào KHDH của TCM để xác định tên, số tiết, trình tự sắp xếp các bài học/các chuyên đề lựa chọn.

(2) Để xác định thời điểm dạy học các bài học/chuyên đề lựa chọn, GV cần căn cứ vào: Khung thời gian thực hiện chương trình môn(số tiết/tuần) và quy định về thời lượng dành cho môn học theo quy định; Thời lượng (số tiết) để dạy bài học/chuyên đề lựa chọn đã được xác định trong KHDH của TCM. Khi xác định thời điểm dạy học các bài học/các chuyên đề lựa chọn cần chú ý tránh thời gian tiến hành các bài kiểm tra - đánh giá định kì đã được xác định trong KHDH của TCM. Bên cạnh đó, thời điểm dạy học đối với các chuyên đề lựa chọn cần được sắp xếp phù hợp với logic nội dung các bài học để thuận lợi cho việc tiếp nhận tri thức của HV.

(3) Để xác định thiết bị dạy học, GV căn cứ vào tình hình thiết bị dạy học được mô tả ở phần đặc điểm tình hình trong KHDH của TCM, căn cứ đặc điểm nội dung bài học, chuyên đề lựa chọn và khả năng của bản thân trong việc thu thập, xây dựng phương tiện dạy học để xác định và liệt kê các phương tiện dạy học phù hợp.

(4) Đối với địa điểm dạy học, GV căn cứ trên đặc điểm nội dung bài học và các ý tưởng dạy học của cá nhân, căn cứ trên đặc điểm phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập được mô tả trong kế hoạch của TCM để xác định và liệt kê địa điểm dạy học.

- *Xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ khác (nếu có):* Đối với GV, ngoài nhiệm vụ chính là giảng dạy theo sự phân công của cơ sở giáo dục, GV còn tham gia bồi dưỡng, phụ đạo học viên yếu và tổ chức các hoạt động giáo dục cùng một số hoạt động liên quan đến chuyên môn khác. Do đó, trong quá trình xây dựng kế hoạch cá nhân, GV cũng cần thể hiện các kế hoạch này vào trong kế hoạch của mình.

(1) *Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng HV.* Căn cứ vào sự phân công của TCM, và số lượng HV được phân công, GV xác định và điền đầy đủ các thông tin vào bảng kế hoạch phụ đạo HV yếu, kém bao gồm: nội dung, số tiết, thời điểm, yêu cầu cần đạt...

(2) *Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục.* GV căn cứ vào kế hoạch giáo dục của Tổ bộ môn, căn cứ vào nhiệm vụ được phân công để dự kiến kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục vào kế hoạch cá nhân của mình. GV cần xác định và điền các thông tin cụ thể như: chủ đề giáo dục, yêu cầu cần đạt, số tiết, thời điểm, địa điểm... vào bảng kế hoạch dự kiến.

(3) *Xác định các nhiệm vụ khác liên quan đến công tác dạy học.* Bên cạnh việc xây dựng các bảng kế hoạch dự kiến cho các hoạt động nêu trên, trong quá trình xây dựng kế hoạch cá nhân, GV cũng cần dự kiến và thể hiện rõ bằng các số liệu cụ thể về một số nhiệm vụ liên quan khác như: số tiết dự giờ, số tiết thao giảng, báo cáo chuyên đề...

Bước 3. Tổ chức thực hiện

Để đáp ứng mục tiêu đề ra, sự tập trung là yếu tố cần thiết nhằm giúp GV làm việc hiệu quả và tiết kiệm thời gian. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là trong một khoảng thời gian, GV chỉ làm 1 công việc/ thực hiện 1 nhiệm vụ nhất định, nếu có thể hãy kết hợp các công việc một cách hợp lí. Ví dụ, vừa giảng dạy trên lớp theo thời khóa biểu, vừa thực hiện công tác chủ nhiệm lớp và hỗ trợ bồi dưỡng HV còn yếu kém, ...

Bên cạnh việc tập trung làm việc, GV cần dành khoảng thời gian hợp lí cho những sự cố phát sinh. Bởi thực tế luôn khác hẳn lí thuyết và kế hoạch

cũng vậy, sẽ luôn có những điểm không trùng với quá trình thực hiện và cũng không thể biết trước những việc phát sinh. Vì vậy, khi lên kế hoạch cá nhân, GV cố gắng dự trù, dự đoán và liệt kê một số tình huống phát sinh, những khó khăn, thách thức có thể gặp phải, từ đó đưa ra các phương án dự phòng.

Bước 4. Đánh giá và hoàn thiện kế hoạch

Để biết bản thân đã làm được đến đâu và liệu có hoàn thành được mục tiêu đúng hạn hay không, GV cần phải liên tục theo dõi, kiểm tra và đối chiếu các mục tiêu và kết quả đạt được. Một kế hoạch được chuẩn bị kỹ lưỡng, cập nhật và chỉnh sửa thường xuyên sẽ giúp GV đánh giá chính xác được chất lượng của công việc theo từng giai đoạn. Đồng thời, việc kiểm tra, đánh giá mức độ đạt được của công việc sẽ giúp GV định hướng những việc làm tiếp theo, biện pháp khắc phục khó khăn, tìm kiếm nguồn hỗ trợ khác và thực hiện các phương án dự phòng nhằm đảm bảo hiệu quả công việc và đáp ứng mục tiêu đề ra.

III. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

1. Quan niệm và vai trò của kế hoạch bài dạy

Kế hoạch bài dạy (KHBD) (giáo án) là kịch bản lên lớp của GV với đối tượng HV và nội dung cụ thể trong một không gian và thời gian nhất định; là một bản mô tả chi tiết mục tiêu, thiết bị và học liệu, tiến trình tổ chức hoạt động dạy học của một bài học nhằm giúp người học đáp ứng YCCĐ về năng lực, phẩm chất tương ứng trong chương trình môn học. KHBD được GV xây dựng trong giai đoạn chuẩn bị lên lớp và quyết định rất lớn đến sự thành công của bài học.

Việc xây dựng kế hoạch bài dạy có vai trò² cụ thể như sau:

- Thiết lập môi trường dạy học phù hợp: Trong KHBD, mục tiêu, chiến lược, PPDH và các phương tiện hỗ trợ... được quyết định trước. Khi một môi trường giảng dạy với các yếu tố liên quan được thiết lập một cách thích hợp,

² Centre For Distance Education (2016), *Teaching Of Social Science*, Bharathidasan University.

nhệm vụ giảng dạy sau đó sẽ diễn ra theo cách đã được lên kế hoạch trước. Điều này là một sự đảm bảo cho các mục tiêu dạy học và giáo dục đã đề ra được thực hiện hiệu quả.

- Định hướng tâm lý giảng dạy: Cùng với việc sử dụng các chiến lược, phương pháp và phương tiện giảng dạy phù hợp, các yếu tố liên quan đến HV như sở thích, năng khiếu, nhu cầu, năng lực... cũng được lưu ý và cân nhắc. Việc dạy học trên thực tế vì thế sẽ trở nên tâm lý hơn. Với một kế hoạch được chuẩn bị trước, GV cũng sẽ hình dung rõ ràng về sự liên hệ giữa nội dung bài học và đối tượng HV của mình. Điều này làm tăng sự tự tin của GV và nhờ đó GV sẽ tổ chức các hoạt động học tập cho HV với sự nhiệt tình và niềm vui thực sự.

- Giới hạn các yếu tố liên quan trực tiếp đến bài dạy: Trong một KHBD, có một số vấn đề liên quan đến bài dạy có thể không cần thiết do bối cảnh lớp học hoặc sự chi phối của thời gian. Do đó, GV có thể loại bỏ chúng để xác định rõ ràng, có giới hạn các yếu tố liên quan trực tiếp đến bài dạy một cách hệ thống và có tổ chức cho HV.

- Sử dụng hiệu quả kiến thức đã có: Trong việc chuẩn bị KHBD, GV phát triển các kiến thức mới trên cơ sở kiến thức đã có của HV. Điều này cho phép HV thuận lợi trong việc đạt được kiến thức mới, phát triển năng lực, GV thành công trong việc giúp HV đạt được mục tiêu. KHBD cũng giúp GV tạo lập sự kết nối hợp lý giữa KHBD này với các KHBD khác về mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá nhằm tạo sự kết nối để đạt mục tiêu chung của từng lớp học, cấp học.

- Phát triển năng lực dạy học: KHBD đóng vai trò là phương tiện quan trọng để phát triển năng lực dạy học của GV. Trong kế hoạch của mình, GV định hướng các vấn đề liên quan đến hoạt động dạy học sẽ thực hiện trên lớp, điều đó cần các kỹ năng cơ bản như xác định mục tiêu, thiết kế các hoạt động học tập... từ đó xác định cách thức hoạt động, tương tác trên lớp học một cách hiệu quả. Và thông qua việc chuẩn bị cho cách thức tương tác và hoạt động một cách kỹ lưỡng, qua nhiều bài học khác nhau, GV sẽ ngày càng phát triển và thành thạo các kỹ năng của mình.

- Sử dụng hiệu quả thời gian: KHBD được chuẩn bị tốt sẽ giúp GV cân đối thời gian cho các hoạt động, hướng đến nâng cao hiệu quả giảng dạy. Bằng cách chuẩn bị KHBD, GV sẽ nhận thức được điều gì, khi nào và mức độ sẽ được thực hiện trong lớp học. Nhờ đó, các hoạt động dạy học tiến triển một cách liên tục, hạn chế thời gian lãng phí, đưa tất cả các HV vào các nhiệm vụ một cách phù hợp. Những điều này cũng dẫn đến tính kỉ luật trong lớp học.

2. Yêu cầu đối với việc xây dựng KHBD

Mặc dù KHBD mang tính cá nhân và không có mẫu chung cho mọi GV, mọi môn học nhưng để có sự đồng bộ và thống nhất nhất định trong triển khai dạy học hướng đến thực hiện mục tiêu của chương trình, việc thống nhất một số yêu cầu cốt lõi cần có khi xây dựng kế hoạch bài dạy là cần thiết. Chẳng hạn như những yêu cầu về diễn đạt mục tiêu bài dạy; các nội dung cơ bản cần thể hiện trong mỗi hoạt động học; trình tự thao tác trong tổ chức hoạt động dạy học; sự vận dụng các PPDH; xây dựng công cụ đánh giá...

Căn cứ vào các tiêu chí của công văn 5555/ BGDDT-GDTrH ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng BGDDT về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn của TTGD TX và đặc điểm của Chương trình GD TX mới, khi xây dựng KHBD cần đảm bảo các yêu cầu sau:

(1) Đảm bảo tính linh hoạt: KHBD cần được xây dựng cẩn thận nhưng linh hoạt. Một KHBD được xây dựng cẩn thận sẽ là tiền đề tốt giúp GV thực hiện dạy học hiệu quả. Mặc dù vậy, GV nên đảm bảo rằng kế hoạch đó có thể linh hoạt thay đổi như một sự phát triển bài học và những yêu cầu xuất phát từ phía người học. KHBD theo đó là bản thiết kế để sử dụng như một hướng dẫn chứ không phải là công thức cố định để tuân thủ một cách mù quáng. Điều này yêu cầu GV trong quá trình xây dựng KHBD phải nghiên cứu kĩ đặc điểm của đối tượng HV, xem xét các điều kiện về CSVC của cơ sở giáo dục, sự sẵn có hay không của phương tiện dạy học, đồng thời chú ý xem xét sự đa dạng của các hoạt động, dự phòng các tình huống phát sinh.

(2) *Đảm bảo mục tiêu của Chương trình GDTX mới:* KHBD cần đảm bảo đáp ứng các yêu cầu cần đạt của Chương trình GDTX đòi hỏi.

(3) *Đảm bảo tiến trình tổ chức hoạt động dạy học:*

- KHBD cần đảm bảo sự phù hợp của chuỗi hoạt động học và sự phù hợp của các yếu tố trong mỗi hoạt động học tập tổ chức cho HV. Kế hoạch bài dạy cần được tổ chức theo chuỗi các hoạt động, bao gồm: Mở đầu/đặt vấn đề, hình thành kiến thức, luyện tập, vận dụng. Chuỗi hoạt động này cần phù hợp với các mục tiêu và nội dung của bài dạy.

- Trong KHBD, mỗi hoạt động cần thể hiện được: Tên hoạt động, thời gian thực hiện, mục tiêu, nội dung, sản phẩm dự kiến và cách thức tổ chức tổ chức hoạt động dạy học. Mục tiêu cần được phát biểu rõ ràng, bao phủ YCCĐ của bài học.

- KHBD cần đảm bảo trong tiến trình tổ chức từng hoạt động dạy học thể hiện được trình tự các hành động: Chuyển giao nhiệm vụ; thực hiện nhiệm vụ học tập; báo cáo kết quả và thảo luận; kết luận về quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ.

(4) *Đảm bảo sự đa dạng về hình thức, PPDH và kiểm tra đánh giá:*

- KHBD cần đảm bảo sự vận dụng các PPDH tích hóa hoạt động học tập của HV, phù hợp với đặc thù môn học. Vì vậy, việc thiết kế KHBD đòi hỏi GV phải sử dụng đa dạng các PPDH. Không cần thiết phải sử dụng quá nhiều PPDH trong một bài học, nhưng cũng không nên chỉ một phương pháp cho nhiều hoạt động trong bài học, hoặc từ bài học này sang bài học khác, đặc biệt là các phương pháp thụ động. GV cũng nên kết hợp nhiều phương pháp trong một hoạt động. Cùng với đó, họ nên đa dạng các phương tiện dạy học, cách thức tương tác, đa dạng về các nhiệm vụ giao cho HV và các sản phẩm HV tạo ra...

- Trong KHBD cần xác định được hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá, xây dựng được công cụ đánh giá phù hợp mục tiêu đánh giá phẩm chất, năng lực đã đề ra.

(5) *Đảm bảo vai trò chủ đạo của GV và tính tích cực học tập của HV:*
KHBD cần đảm bảo sự tham gia tích cực của HV, thể hiện qua việc GV chú trọng vào hoạt động của HV. Để thực hiện yêu cầu này, GV cần thiết kế các hoạt động học tập theo hướng sử dụng các PPDH tích cực, nhấn mạnh đến việc tổ chức các hoạt động dạy học tạo điều kiện cho HV được trải nghiệm, thực hành, tìm tòi, khám phá kiến thức; chú trọng kết hợp hoạt động cá nhân với hoạt động của nhóm, tập thể lớp; đảm bảo sự tương tác đa chiều. Đồng thời, chú trọng việc đưa ra các nhiệm vụ cho HV thực hiện, thay vì tập trung vào các hoạt động của GV trên lớp thì phải chú trọng đến hoạt động của HV.

(6) *Đảm bảo sự phù hợp của thiết bị, học liệu và với điều kiện của cơ sở giáo dục:*

- KHBD cần đảm bảo sự phù hợp của phương tiện, thiết bị dạy học, học liệu với tiến trình tổ chức các hoạt động học của HV.

- KHBD cần đảm bảo phù hợp với điều kiện của cơ sở giáo dục, đối tượng HV và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của GV.

3. Định hướng cấu trúc kế hoạch bài dạy

Cấu trúc của KHBD có thể khác nhau, phù hợp với từng nội dung và đối tượng dạy học. KHBD theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực HV nhấn mạnh đến mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực (thành phần năng lực), đến các hoạt động học tập của HV, đến phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và KTĐG các mục tiêu đã đặt ra. Do đó, KHBD có thể trình bày theo cấu trúc sau:

TÊN BÀI DẠY (số tiết)
I. MỤC TIÊU
1. Yêu cầu cần đạt
2. Về năng lực
3. Về phẩm chất
II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU
III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu

- a) Mục tiêu
- b) Nội dung
- c) Sản phẩm
- d) Tổ chức thực hiện

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1

- a) Mục tiêu
- b) Nội dung
- c) Sản phẩm
- d) Tổ chức thực hiện

3. Hoạt động 3: Luyện tập

- a) Mục tiêu
- b) Nội dung
- c) Sản phẩm
- d) Tổ chức thực hiện

4. Hoạt động 4: Vận dụng

- a) Mục tiêu
- b) Nội dung
- c) Sản phẩm
- d) Tổ chức thực hiện

*** Ghi chú:**

1. Mỗi bài dạy có thể được thực hiện trong nhiều tiết học, bảo đảm đủ thời gian dành cho mỗi hoạt động để HV thực hiện hiệu quả. Hệ thống câu hỏi, bài tập luyện tập cần bảo đảm yêu cầu tối thiểu về số lượng và đủ về thể loại theo yêu cầu phát triển các kỹ năng. Hoạt động vận dụng được thực hiện đối với những bài hoặc nhóm bài có nội dung phù hợp và chủ yếu được giao cho học viên thực hiện ở ngoài lớp học.

2. Trong Kế hoạch bài dạy không cần nêu cụ thể lời nói của GV, HV mà tập trung mô tả rõ hoạt động cụ thể của GV: GV giao nhiệm vụ/yêu cầu/quan sát/theo dõi/hướng dẫn/nhận xét/gợi ý/kiểm tra/đánh giá; HV đọc/nghe/nhìn/viết/trình bày/báo cáo/thí nghiệm/thực hành/làm.

3. Các bước tổ chức thực hiện một hoạt động học

- Chuyển giao nhiệm vụ (GV giao, HV nhận): Trình bày cụ thể GV giao nhiệm vụ cho HV (đọc/nghe/nhìn/làm) với thiết bị dạy học/học liệu cụ thể để tất cả HV đều hiểu rõ nhiệm vụ phải thực hiện.

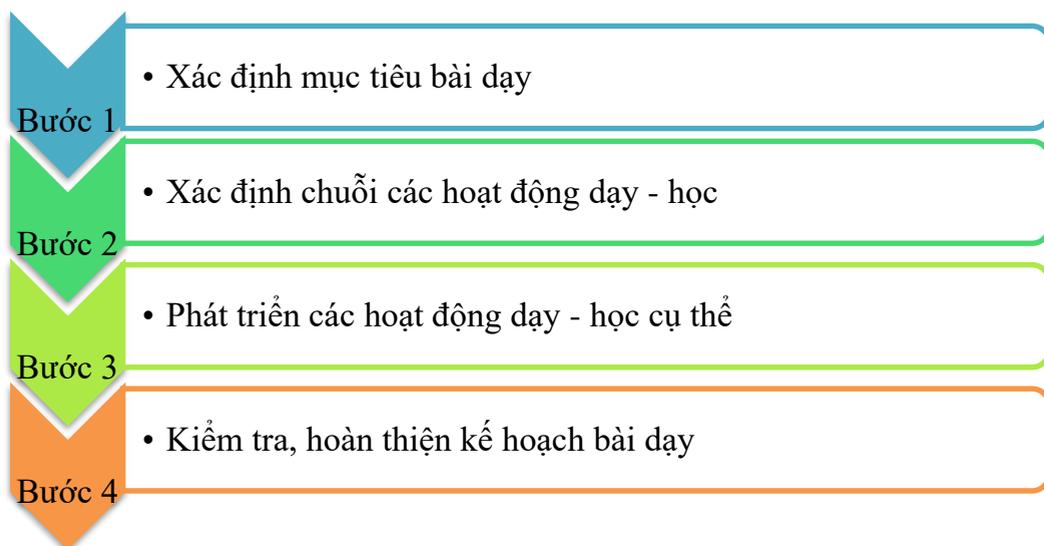
- Thực hiện nhiệm vụ (HV thực hiện, GV theo dõi, hỗ trợ): Trình bày cụ thể HV thực hiện nhiệm vụ (đọc/nghe/nhìn/làm) gì theo yêu cầu của GV; dự kiến những khó khăn mà HV có thể gặp phải kèm theo biện pháp cần hỗ trợ; dự kiến các mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu.

- Báo cáo, thảo luận (GV tổ chức, điều hành; HV báo cáo, thảo luận): Trình bày cụ thể "ý đồ" lựa chọn các nhóm HV báo cáo và cách thức cho HV báo cáo (có thể chỉ 1-2 nhóm; viết lên bảng hay dùng giấy A0 hay máy chiếu, thuyết trình). Nêu rõ cần làm rõ những nội dung/yêu cầu nào để HV ghi nhận, thực hiện.

- Kết luận, nhận định (GV "chốt"): Phân tích cụ thể sản phẩm học tập mà HV phải hoàn thành theo yêu cầu (làm căn cứ để nhận xét, đánh giá các mức độ hoàn thành của HV trên thực tế tổ chức dạy học): Làm rõ vấn đề cần giải quyết/giải thích; nhiệm vụ học tập phải thực hiện tiếp theo./.

4. Quy trình xây dựng kế hoạch bài dạy

Kế hoạch bài dạy là sự chuẩn bị đầu tiên của GV khi bắt đầu một tiến trình dạy học, giúp GV cân đối, chủ động trong việc tổ chức các hoạt động dạy học, chuẩn bị tốt về mặt phương tiện, phương pháp để đạt được các kết quả cao nhất. Để xây dựng KHBD theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HV, GV thực hiện theo quy trình dưới đây:



Quy trình xây dựng kế hoạch bài dạy

Trước khi đi vào xác định mục tiêu bài dạy và các bước tiếp theo, GV cần xác định thông tin cơ bản về bài dạy, bao gồm tên của bài dạy và số tiết

giảng dạy. Tên bài dạy có thể là tên của một nội dung được quy định trong chương trình, bài dạy có thể do GV thiết kế dựa trên mạch nội dung được quy định trong chương trình. GV có thể xác định bài dạy, số tiết dựa trên KHDH đã được TCM thống nhất từ trước. Đồng thời, xác định đối tượng dạy học, thời gian, địa điểm giảng dạy. Những điều này có ý nghĩa quan trọng đối với việc thiết kế bài dạy của GV. Bởi lẽ, quy mô lớp học, đặc điểm trình độ HV, điều kiện phòng học, thời gian giảng dạy trong nhiều trường hợp có ảnh hưởng lớn đến việc thiết kế các hoạt động học tập cho HV. Việc hình dung, xác định bối cảnh giảng dạy giúp GV có thể thiết kế bài dạy một cách phù hợp nhất với đối tượng và điều kiện tổ chức giảng dạy.

Bước 1: Xác định mục tiêu của bài dạy

Ở bước này, trên cơ sở YCCĐ của bài học; căn cứ vào phẩm chất và năng lực hiện có của HV (*có thể nâng bậc nhận thức của mục tiêu lên những mức độ cao hơn*); căn cứ vào đặc điểm nội dung kiến thức, hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học... GV xác định các mục tiêu phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù tương ứng. Mục tiêu cần được phát biểu trọn vẹn dưới dạng những tuyên bố mô tả những gì HV dự kiến sẽ đạt được sau khi học xong bài học. Đây chính là sự kì vọng về kết quả học tập mà HV sẽ đạt được, cụ thể:

- Về yêu cầu cần đạt: Nêu cụ thể YCCĐ của bài dạy tương ứng trong Chương trình GDTX môn Tiếng Anh.

- Về năng lực: Trên cơ sở YCCĐ, GV xác định các năng lực mà bài học góp phần phát triển cho HV. Nêu cụ thể đến thành tố năng lực và biểu hiện của năng lực (*căn cứ vào biểu hiện cụ thể của năng lực được mô tả trong Chương trình GDTX*).

- Về năng lực chung và phẩm chất: Chỉ nêu tên và biểu hiện nổi bật của năng lực chung và phẩm chất mà môn Tiếng Anh có lợi thế phát triển; liên quan mật thiết đến nội dung bài học (*căn cứ vào biểu hiện của năng lực chung và phẩm chất trong Chương trình GDTX*).

Khi viết mục tiêu của bài dạy, GV cần lưu ý thêm những vấn đề sau:

- Các mục tiêu phải được biểu đạt bằng động từ cụ thể, có thể lượng hoá được (từ đó giúp đo lường được) để có căn cứ đánh giá HV có đạt được mục tiêu hay không.

- Ngôn ngữ diễn đạt mục tiêu cần phù hợp với HV nhận thức của HV, không nên sử dụng các thuật ngữ khó hiểu.

- Các mục tiêu được phát triển và cụ thể hóa phải phù hợp và có sự liên kết với YCCĐ của bài học được quy định trong chương trình GDTX.

- Các phẩm chất, năng lực có thể hình thành và phát triển không chỉ dựa trên YCCĐ và các mục tiêu đã được xác định mà chúng còn phụ thuộc vào một yếu tố quan trọng khác là cách thức tổ chức hoạt động dạy học cụ thể của GV. Vì thế, việc xác định thành phần phẩm chất, năng lực ở bước này cần được liên hệ với cách thức tổ chức hoạt động của GV, điều này liên quan trực tiếp đến phương pháp, kỹ thuật, phương tiện dạy học, kể cả cách thức đánh giá mà GV sử dụng trong mỗi hoạt động của bài học.

- Một hoạt động dạy học có thể hướng đến hình thành và phát triển nhiều thành phần phẩm chất và năng lực khác nhau. Ngược lại, có thể có nhiều hoạt động trong bài dạy cùng góp phần hình thành và phát triển một thành phần phẩm chất, năng lực nào đó.

Bước 2: Xác định chuỗi các hoạt động dạy học

Trên cơ sở mục tiêu của bài dạy, GV xây dựng chuỗi các hoạt động dạy học. Với việc xác định chuỗi các hoạt động, GV có thể hình dung tổng thể phương án dạy học, các hoạt động sẽ thực hiện để đảm bảo giải quyết trọn vẹn mà không bỏ sót các mục tiêu của bài học và đảm bảo chúng được triển khai theo trình tự phù hợp. Chuỗi hoạt động dạy học bao gồm: Mở đầu/xác định vấn đề/giao nhiệm vụ học tập, hình thành kiến thức, luyện tập và vận dụng. Trong đó:

- **Hoạt động mở đầu/xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập:** Hoạt động này đóng vai trò rất quan trọng nhằm gây hứng thú ngay từ ban đầu cho HV, từ đó HV có động cơ và nhu cầu tìm tòi, khám phá các kiến thức trong chủ đề. Hoạt động này có thể bắt đầu từ một trò chơi/tình huống thực tiễn/nhắc

lại một kinh nghiệm thực tế/bài tập có mâu thuẫn ... gắn gũi với kinh nghiệm sống của HV và chỉ có thể giải quyết một phần hoặc phỏng đoán được kết quả nhưng chưa lí giải được đầy đủ bằng kiến thức và kĩ năng hiện có, từ đó đặt ra được vấn đề bài học.

- **Hoạt động hình thành kiến thức:** Thông thường trong một bài dạy thường có từ 2 hay nhiều nội dung kiến thức mới, do đó, hoạt động này có thể chia thành nhiều hoạt động nhỏ hơn (bản chất đây là nhóm các hoạt động khám phá các kiến thức). Thông qua hoạt động nhóm, cá nhân mà GV tổ chức với các tư liệu học tập bằng kênh hình/chữ/tiếng...HV lần lượt khám phá ra các kiến thức của bài dạy.

- **Hoạt động luyện tập:** Ở hoạt động này, HV được “ôn và tập lại” các kiến thức và kỹ năng vừa hình thành thông qua thực hiện các nhiệm vụ theo cá nhân hoặc nhóm để giải các bài tập đơn giản, giải quyết các tình huống quen thuộc, gắn trực tiếp với kiến thức bài học.

- **Hoạt động vận dụng:** HV sử dụng những kiến thức đã học, kĩ năng đã hình thành (năng lực của cá nhân) để giải quyết các vấn đề phức tạp hơn, đặc biệt là các vấn đề gắn thực tiễn (theo từng bài hoặc nhóm bài có nội dung phù hợp), từ đó mà các thành tố phẩm chất và năng lực có cơ hội được phát triển và bền vững.

GV cần lưu ý, không phải bài học có bao nhiêu nội dung kiến thức thì GV sẽ tiến hành xây dựng bấy nhiêu hoạt động hình thành kiến thức mới, đồng thời không nhất thiết KHBD nào cũng phải có hoạt động vận dụng, hoặc hoạt động vận dụng có thể được giao cho HV về nhà làm...

** Cách tiến hành:*

- *Xác định nội dung trọng tâm của bài học:* Trong một bài học cần đáp ứng 1 số mục tiêu về kiến thức. Tuy nhiên, GV cần xác định nội dung kiến thức trọng tâm của bài học. Để xác định được kiến thức trọng tâm, GV cần rà soát lại mục tiêu của KHBD, chọn ra đơn vị kiến thức thực sự mới đối với HV; xác định nội dung kiến thức chi phối, liên quan mật thiết đến việc hình thành các kiến thức khác trong cùng một bài học hoặc trong các bài học tiếp

theo. GV có thể đặt ra câu hỏi: *Nếu HV đã học được kiến thức trọng tâm thì sẽ thuận lợi như thế nào cho việc tìm hiểu những kiến thức khác có liên quan trong bài học?* Quá trình tổ chức hoạt động hình thành kiến thức trọng tâm sẽ được thiết kế trong hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới. Những nội dung kiến thức liên quan, có thể được hình thành từ kiến thức trọng tâm sẽ tiếp tục được tổ chức học tập ở phần luyện tập và vận dụng thông qua hệ thống các câu hỏi/bài tập/ nhiệm vụ khác nhau.

- Xác định mục tiêu của các hoạt động: Từ mục tiêu chung của KHBD, GV xác định mục tiêu cụ thể của các hoạt động tương ứng.

- Định hướng hình thức, phương pháp, kỹ thuật dạy học và phương án đánh giá đáp ứng mục tiêu cụ thể của các hoạt động và mục tiêu chung của bài dạy.

- Xác định thời lượng: Tùy thuộc vào thời lượng được phân bổ cho cả bài học, dựa trên kinh nghiệm giảng dạy, dung lượng kiến thức, độ khó của nhiệm vụ, trình độ của HV, điều kiện cơ sở vật chất...GV có thể dự kiến được thời lượng tương ứng của từng hoạt động.

Việc xác định chuỗi hoạt động học tập trong KHBD và dự kiến phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá như là bức tranh khái quát về phương án dạy học, là phần mô tả ý tưởng sư phạm của GV để hiện thực hóa các mục tiêu dạy học đã được xác định ở trên. Giữa mục tiêu dạy học, nội dung dạy học, PPDH và các phương án đánh giá có mối liên hệ mật thiết, chặt chẽ với nhau; do đó, GV cần đặt ra và trả lời các câu hỏi sau: (1) *Để đạt được những mục tiêu dạy học trên, GV cần thiết kế và tổ chức những hoạt động dạy học nào cho HV?* (2) *Để tổ chức và hướng dẫn HV triển khai các hoạt động ấy, cần sử dụng các phương pháp, kỹ thuật, phương tiện, hình thức dạy học nào?* (3) *Để đo được mức độ đạt được của HV so với mục tiêu dạy học trong từng hoạt động, cần sử dụng những công cụ đo nào?* .

Bước 3: Phát triển các hoạt động dạy học cụ thể

Dựa trên chuỗi các hoạt động dạy học đã xây dựng, GV tiến hành phát triển các hoạt động dạy học cụ thể. Với mỗi hoạt động, GV cần xác định được

mục tiêu của hoạt động, nội dung hoạt động, sản phẩm và cách thức tổ chức thực hiện (tham khảo phần mô tả cấu trúc kế hoạch bài dạy ở mục 4.3).

- *Về mục tiêu của hoạt động*: GV căn cứ vào mục tiêu chung của bài để cụ thể hóa mục tiêu của từng hoạt động tương. GV cần lưu ý đảm bảo mục tiêu các hoạt động cụ thể phải góp phần thực hiện mục tiêu chung của bài dạy.

- *Về nội dung của hoạt động*: GV cần xác định nội dung trong trường hợp này là nội dung nhiệm vụ mà GV giao cho HV trong bước “Chuyển giao nhiệm vụ” hay nội dung hoạt động học của HV. “Nội dung” có thể là câu hỏi, bài tập, xử lý tình huống, thực hiện thí nghiệm,... có tác dụng kích thích HV huy động kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm đã có để thực hiện các thao tác tư duy và các hành động học tập cụ thể, từ đó tạo ra “kết quả” thực hiện nhiệm vụ.

- *Về sản phẩm của hoạt động*: “Sản phẩm” chính là câu trả lời tương ứng với “nội dung” do GV biên soạn. “Sản phẩm” chính là căn cứ để GV định hướng cho HV thực hiện nhiệm vụ, định hướng thảo luận và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HV. Đồng thời, “sản phẩm” cũng chính là vấn đề GV cần kết luận, cần “chốt” kiến thức/ kĩ năng cho HV ghi vào vở sau mỗi hoạt động học tập. “Sản phẩm” cần tương thích và đáp ứng mục tiêu dạy học.

- *Về cách thức tổ chức thực hiện hoạt động*: Các bước để thực hiện bao gồm: (1) Chuyển giao nhiệm vụ; (2) Thực hiện nhiệm vụ; (3) Báo cáo, thảo luận; (4) Kết luận, nhận định. Trong đó, cần lưu ý các pha (2), (3), (4):

+ Trong pha thứ (2), GV cần dự kiến việc mình cần làm để hỗ trợ, định hướng cho HV thực hiện nhiệm vụ như: gợi ý, hướng dẫn cách thức thực hiện nhiệm vụ; giải quyết các mâu thuẫn nảy sinh; lưu ý những cá nhân hoặc nhóm có kết quả đúng/chưa đúng, kết quả hay/chưa hay, kết quả khác biệt... Điều này hỗ trợ rất lớn cho việc thực hiện nhiệm vụ của HV và việc tổ chức thảo luận; đồng thời là cơ sở để GV thực hiện việc đánh giá quá trình.

+ Ở pha thứ (3), GV cần dự kiến tiến trình thảo luận, bao gồm những câu hỏi phân tích, làm rõ, phát triển kết quả thực hiện nhiệm vụ. Những vấn

đề/câu hỏi thảo luận giúp GV có được “thông tin ngược” về việc HV hiểu hay không hiểu rõ vấn đề học tập, là con đường đưa đến sản phẩm và cũng là cách thức để mở rộng, nâng cao kiến thức, kỹ năng (nếu có).

+ Đối với pha thứ (4), GV “kết luận/ nhận định” về kết quả đạt được của HV, bao gồm cả kết quả cụ thể của hoạt động (câu trả lời, cách thức xử lý tình huống, bài tập được giải, kết quả thí nghiệm...) và cả kết quả về thái độ, kỹ năng, thao tác tư duy, bài học kinh nghiệm ... mà HV có được trong quá trình thực hiện và báo cáo kết quả.

Trong quá trình tổ chức hoạt động dạy học, GV cần sử dụng kỹ thuật phản hồi tích cực nhằm động viên, khuyến khích, tạo động lực cho HV trong quá trình học tập.

** Lưu ý:*

- Nếu hoạt động vận dụng được thiết kế theo hướng cho HV về nhà làm thì GV vẫn xây dựng tiến trình tổ chức hoạt động, trong đó phải thể hiện được việc theo dõi, đánh giá, rút ra bài học từ hoạt động vận dụng thông qua việc tổ chức cho HV báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của phần vận dụng như: Nộp bài qua mail/zalo của lớp; nộp bài vào giờ học kế tiếp; chọn ngẫu nhiên 1 số HV trình bày kết quả...

- Về phương án KTĐG: phải bao gồm công cụ đánh giá, hình thức (kết quả/quá trình) và cách thức đánh giá. Cần quan tâm đến đánh giá năng lực đặc thù, là đánh giá quan trọng nhất trong bài học của môn học, do đó cần có công cụ đánh giá cụ thể và đánh giá các năng lực chung và phẩm chất. Năng lực chung và phẩm chất là mục tiêu chung cho mọi môn học và các môn học đều góp phần phát triển nên cần có sự tác động, theo dõi trong một khoảng thời gian. Do đó, cần đánh giá qua quá trình, không nhất thiết bài dạy nào cũng đánh giá, trừ trường hợp ở một số môn học, các phẩm chất và năng lực chung là nội dung dạy học. Nếu biểu hiện nào đó của năng lực chung và phẩm chất được thể hiện trong YCCĐ thì cần đánh giá (đánh giá qua nhận xét để học viên tiến bộ - đánh giá vì sự học mà không nên đánh giá kết quả bằng điểm số), còn các biểu hiện khác, thành tố khác có thể đánh giá hoặc không.

Bước 4: Kiểm tra, hoàn thiện kế hoạch bài dạy

Sau khi phát triển các hoạt động dạy học, GV tiến hành xem xét lại tất cả các cấu phần để hoàn thiện kế hoạch bài dạy. Chẳng hạn, sự phù hợp giữa các mục tiêu và chuỗi các hoạt động dạy học, sự phù hợp giữa các phương pháp dạy học, phương tiện dạy học trong từng hoạt động, sự phù hợp của các phương án đánh giá, phân bổ thời gian cho các hoạt động, sự liên kết giữa các hoạt động trong kế hoạch dạy học, sự đa dạng của các hoạt động và phương án dự phòng trong những trường hợp cần thiết... Trên cơ sở đó, GV tiến hành hoàn thiện kế hoạch bài dạy.

V. Phân tích, đánh giá kế hoạch bài dạy

Quá trình dạy học mỗi chuyên đề được thiết kế thành các hoạt động học của HV dưới dạng các nhiệm vụ học tập kế tiếp nhau, có thể được thực hiện trên lớp hoặc ở nhà. HV tích cực, chủ động và sáng tạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV. Phân tích giờ dạy theo quan điểm đó là phân tích hiệu quả hoạt động học của HV, đồng thời đánh giá việc tổ chức, kiểm tra, định hướng hoạt động học cho HV của GV.

Việc phân tích bài dạy có thể được căn cứ vào các tiêu chí cụ thể như sau:

Nội dung	Tiêu chí
1. Kế hoạch và tài liệu dạy học	Mức độ phù hợp của chuỗi <i>hoạt động học</i> với mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học được sử dụng.
	Mức độ rõ ràng của mục tiêu, nội dung, kỹ thuật tổ chức và sản phẩm cần đạt được của mỗi <i>nhiệm vụ học tập</i> .
	Mức độ phù hợp của <i>thiết bị dạy học</i> và <i>học liệu</i> được sử dụng để tổ chức các hoạt động học của HV.
	Mức độ hợp lý của phương án <i>kiểm tra, đánh giá</i> trong quá trình tổ chức hoạt động học của HV.
2. Tổ chức hoạt động học cho HV	Mức độ sinh động, hấp dẫn HV của phương pháp và hình thức <i>chuyên giao nhiệm vụ học tập</i> .
	Khả năng <i>theo dõi, quan sát, phát hiện</i> kịp thời những khó khăn của HV.

	Mức độ phù hợp, hiệu quả của các <i>biện pháp hỗ trợ</i> và khuyến khích HV hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.
	Mức độ hiệu quả hoạt động của GV trong việc <i>tổng hợp, phân tích, đánh giá</i> kết quả hoạt động và quá trình thảo luận của HV.
3. Hoạt động của HV	Khả năng <i>tiếp nhận và sẵn sàng</i> thực hiện nhiệm vụ học tập của tất cả HV trong lớp.
	Mức độ <i>tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác</i> của HV trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập.
	Mức độ tham gia tích cực của HV trong <i>trình bày, trao đổi, thảo luận</i> về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.
	Mức độ <i>đúng đắn, chính xác, phù hợp</i> của các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV.

Dựa vào các tiêu chí trên có thể thấy, việc phân tích, đánh giá kế hoạch dạy học là một phần trong nhiệm vụ phân tích giờ dạy. Để phân tích, đánh giá kế hoạch dạy học, GV có thể sử dụng bảng các mức độ thể hiện các tiêu chí dưới đây. Bảng này được phát triển dựa trên các tiêu chí nội dung kế hoạch và tài liệu dạy học.

KẾ HOẠCH VÀ TÀI LIỆU DẠY HỌC		
<i>a. Mức độ phù hợp của chuỗi hoạt động học với mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học được sử dụng</i>		
Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập		
Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tình huống/câu hỏi/nhiệm vụ mở đầu nhằm huy động kiến thức/kĩ năng đã có của HV để chuẩn bị học kiến thức/kĩ năng mới nhưng chưa tạo được mâu thuẫn nhận thức để đặt ra vấn đề/câu hỏi chính của bài học.	Tình huống/câu hỏi/nhiệm vụ mở đầu chỉ có thể được giải quyết một phần hoặc phỏng đoán được kết quả nhưng chưa lí giải được đầy đủ bằng kiến thức/kĩ năng đã có của HV; tạo được mâu thuẫn nhận thức.	Tình huống/câu hỏi/nhiệm vụ mở đầu gắn gũi với kinh nghiệm sống của HV và chỉ có thể được giải quyết một phần hoặc phỏng đoán được kết quả nhưng chưa lí giải được đầy đủ bằng kiến thức/kĩ năng cũ; đặt ra được vấn đề/câu hỏi chính của bài học.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới		
Kiến thức mới được trình bày rõ ràng, tường minh bằng kênh chữ/kênh hình/kênh tiếng; có câu hỏi/lệnh cụ thể cho HV hoạt động để tiếp thu kiến thức mới.	Kiến thức mới được thể hiện trong kênh chữ/kênh hình/kênh tiếng; có câu hỏi/lệnh cụ thể cho HV hoạt động để tiếp thu kiến thức mới và giải quyết được đầy đủ tình huống/câu hỏi/nhiệm vụ mở đầu.	Kiến thức mới được thể hiện bằng kênh chữ/kênh hình/kênh tiếng gắn với vấn đề cần giải quyết; tiếp nối với vấn đề/câu hỏi chính của bài học để HV tiếp thu và giải quyết được vấn đề/câu hỏi chính của bài học.
Hoạt động 3: Hình thành kĩ năng mới/luyện tập		
Có câu hỏi/bài tập vận dụng trực tiếp những kiến thức mới học nhưng chưa nêu rõ lí do, mục đích của mỗi câu hỏi/bài tập.	Hệ thống câu hỏi/bài tập được lựa chọn thành hệ thống; mỗi câu hỏi/bài tập có mục đích cụ thể, nhằm rèn luyện các kiến thức/kĩ năng cụ thể.	Hệ thống câu hỏi/bài tập được lựa chọn thành hệ thống, gắn với tình huống thực tiễn; mỗi câu hỏi/bài tập có mục đích cụ thể, nhằm rèn luyện các kiến thức/kĩ năng cụ thể.
Hoạt động 4: Vận dụng, mở rộng kiến thức		
Có yêu cầu HV liên hệ thực tế/bổ sung thông tin liên quan nhưng chưa mô tả rõ sản phẩm vận dụng/mở rộng mà HV phải thực hiện.	Nêu rõ yêu cầu và mô tả rõ sản phẩm vận dụng/mở rộng mà HV phải thực hiện.	Hướng dẫn để HV tự xác định vấn đề, nội dung, hình thức thể hiện của sản phẩm vận dụng/mở rộng.
<i>b. Mức độ rõ ràng của mục tiêu, nội dung, kĩ thuật tổ chức và sản phẩm cần đạt được của mỗi nhiệm vụ học tập</i>		
Mục tiêu của mỗi hoạt động học và sản phẩm học tập mà HV phải hoàn thành trong mỗi hoạt động đó được mô tả rõ ràng nhưng chưa nêu rõ phương thức hoạt động của HV/nhóm HV nhằm hoàn thành sản phẩm học tập đó.	Mục tiêu và sản phẩm học tập mà HV phải hoàn thành trong mỗi hoạt động học được mô tả rõ ràng; phương thức hoạt động học được tổ chức cho HV được trình bày rõ ràng, cụ thể, thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập cần hoàn thành.	Mục tiêu, phương thức hoạt động và sản phẩm học tập mà HV phải hoàn thành trong mỗi hoạt động được mô tả rõ ràng; phương thức hoạt động học được tổ chức cho HV thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập và đối tượng HV.

c. Mức độ phù hợp của thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng để tổ chức các hoạt động học của HV

Thiết bị dạy học và học liệu thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập mà HV phải hoàn thành nhưng chưa mô tả rõ cách thức mà HV hành động với thiết bị dạy học và học liệu đó.	Thiết bị dạy học và học liệu thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập mà HV phải hoàn thành; cách thức mà HV hành động (đọc/viết/nghe/nhìn/thực hành) với thiết bị dạy học và học liệu đó được mô tả cụ thể, rõ ràng.	Thiết bị dạy học và học liệu thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập mà HV phải hoàn thành; cách thức mà HV hành động (đọc/viết/nghe/nhìn/thực hành) với thiết bị dạy học và học liệu đó được mô tả cụ thể, rõ ràng, phù hợp với kỹ thuật học tích cực được sử dụng.
---	--	--

d. Mức độ hợp lý của phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình tổ chức hoạt động học của HV

Phương thức đánh giá sản phẩm học tập mà HV phải hoàn thành trong mỗi hoạt động học được mô tả nhưng chưa có phương án kiểm tra trong quá trình hoạt động học của HV.	Phương án kiểm tra, đánh giá quá trình hoạt động học và sản phẩm học tập của HV được mô tả rõ, trong đó thể hiện rõ các tiêu chí cần đạt của các sản phẩm học tập trong các hoạt động học	Phương án kiểm tra, đánh giá quá trình hoạt động học và sản phẩm học tập của HV được mô tả rõ, trong đó thể hiện rõ các tiêu chí cần đạt của các sản phẩm học tập trung gian và sản phẩm học tập cuối cùng của các hoạt động học.
---	---	---

Tổ chức hoạt động học cho HV

a. Mức độ sinh động, hấp dẫn HV của phương pháp và hình thức chuyển giao nhiệm vụ học tập

Câu hỏi/lệnh rõ ràng về mục tiêu, sản phẩm học tập phải hoàn thành, đảm bảo cho phần lớn HV nhận thức đúng nhiệm vụ phải thực hiện.	Câu hỏi/lệnh rõ ràng về mục tiêu, sản phẩm học tập, phương thức hoạt động gắn với thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng; đảm bảo cho hầu hết HV nhận thức đúng nhiệm vụ và hăng hái thực hiện.	Câu hỏi/lệnh rõ ràng về mục tiêu, sản phẩm học tập, phương thức hoạt động gắn với thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng; đảm bảo cho 100% HV nhận thức đúng nhiệm vụ và hăng hái thực hiện.
---	--	---

b. Khả năng theo dõi, quan sát, phát hiện kịp thời những khó khăn của HV

Theo dõi, bao quát được quá trình hoạt động của	Quan sát được cụ thể quá trình hoạt động trong từng	Quan sát được một cách chi tiết quá trình thực hiện nhiệm vụ đến
---	---	--

các nhóm HV; phát hiện được những nhóm HV yêu cầu được giúp đỡ hoặc có biểu hiện đang gặp khó khăn.	nhóm HV; chủ động phát hiện được khó khăn cụ thể mà nhóm HV gặp phải trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	từng HV; chủ động phát hiện được khó khăn cụ thể và nguyên nhân mà từng HV đang gặp phải trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
<i>c. Mức độ phù hợp, hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ và khuyến khích HV hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập</i>		
Đưa ra được những gợi ý, hướng dẫn cụ thể cho HV/nhóm HV vượt qua khó khăn và hoàn thành được nhiệm vụ học tập được giao.	Chỉ ra cho HV những sai lầm có thể đã mắc phải dẫn đến khó khăn; đưa ra được những định hướng khái quát để nhóm HV tiếp tục hoạt động và hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.	Chỉ ra cho HV những sai lầm có thể đã mắc phải dẫn đến khó khăn; đưa ra được những định hướng khái quát; khuyến khích được HV hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau để hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.
<i>d. Mức độ hiệu quả hoạt động của GV trong việc tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả hoạt động và quá trình thảo luận của HV</i>		
Có câu hỏi định hướng để HV tích cực tham gia nhận xét, đánh giá, bổ sung, hoàn thiện sản phẩm học tập lẫn nhau trong nhóm hoặc toàn lớp; nhận xét, đánh giá về sản phẩm học tập được đồng đạo HV tiếp thu, ghi nhận.	Lựa chọn được một số sản phẩm học tập của HV/nhóm HV để tổ chức cho HV nhận xét, đánh giá, bổ sung, hoàn thiện lẫn nhau; câu hỏi định hướng của GV giúp hầu hết HV tích cực tham gia thảo luận; nhận xét, đánh giá về sản phẩm học tập được đồng đạo HV tiếp thu, ghi nhận.	Lựa chọn được một số sản phẩm học tập điển hình của HV/nhóm HV để tổ chức cho HV nhận xét, đánh giá, bổ sung, hoàn thiện lẫn nhau; câu hỏi định hướng của GV giúp hầu hết HV tích cực tham gia thảo luận, tự đánh giá và hoàn thiện được sản phẩm học tập của mình và của bạn.
Hoạt động của HV		
<i>a. Khả năng tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của tất cả HV trong lớp</i>		
Nhiều HV tiếp nhận đúng nhiệm vụ và sẵn sàng bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ được giao, tuy nhiên vẫn còn một số HV bộc lộ chưa hiểu rõ nhiệm vụ học tập được giao.	Hầu hết HV tiếp nhận đúng và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ, tuy nhiên còn một vài HV bộc lộ thái độ chưa tự tin trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.	Tất cả HV tiếp nhận đúng và hăng hái, tự tin trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.

<i>b. Mức độ tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác của HV trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập</i>		
Nhiều HV tỏ ra tích cực, chủ động hợp tác với nhau để thực hiện các nhiệm vụ học tập; tuy nhiên, một số HV có biểu hiện dựa dẫm, chờ đợi, ỷ lại.	Hầu hết HV tỏ ra tích cực, chủ động, hợp tác với nhau để thực hiện các nhiệm vụ học tập; còn một vài HV lúng túng hoặc chưa thực sự tham gia vào hoạt động nhóm.	Tất cả HV tích cực, chủ động, hợp tác với nhau để thực hiện nhiệm vụ học tập; nhiều HV/nhóm tỏ ra sáng tạo trong cách thức thực hiện nhiệm vụ.
<i>c. Mức độ tham gia tích cực của HV trong trình bày, trao đổi, thảo luận về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</i>		
Nhiều HV hăng hái, tự tin trình bày, trao đổi ý kiến/quan điểm của cá nhân; tuy nhiên, nhiều nhóm thảo luận chưa sôi nổi, tự nhiên, vai trò của nhóm trưởng chưa thật nổi bật; vẫn còn một số HV không trình bày được quan điểm của mình hoặc tỏ ra không hợp tác trong quá trình làm việc nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập.	Hầu hết HV hăng hái, tự tin trình bày, trao đổi ý kiến/quan điểm của cá nhân; đa số các nhóm thảo luận sôi nổi, tự nhiên; đa số nhóm trưởng đã biết cách điều hành thảo luận nhóm; nhưng vẫn còn một vài HV không tích cực trong quá trình làm việc nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập.	Tất cả HV tích cực, hăng hái, tự tin trong việc trình bày, trao đổi ý kiến, quan điểm của cá nhân; các nhóm thảo luận sôi nổi, tự nhiên; các nhóm trưởng đều tỏ ra biết cách điều hành và khái quát nội dung trao đổi, thảo luận của nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập.
<i>d. Mức độ đúng đắn, chính xác, phù hợp của các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV</i>		
Nhiều HV trả lời câu hỏi/làm bài tập đúng với yêu cầu của GV về thời gian, nội dung và cách thức trình bày; tuy nhiên, vẫn còn một số HV chưa hoặc không hoàn thành hết nhiệm vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ còn chưa chính xác, phù hợp với yêu cầu.	Đa số HV trả lời câu hỏi/làm bài tập đúng với yêu cầu của GV về thời gian, nội dung và cách thức trình bày; song vẫn còn một vài HV trình bày/diễn đạt kết quả chưa rõ ràng do chưa nắm vững yêu cầu.	Tất cả HV đều trả lời câu hỏi/làm bài tập đúng với yêu cầu của GV về thời gian, nội dung và cách thức trình bày; nhiều câu trả lời/đáp án mà HV đưa ra thể hiện sự sáng tạo trong suy nghĩ và cách thể hiện.

KẾ HOẠCH BÀI HỌC MINH HỌA

Grade 10 - Unit 8: New ways to learn

Lesson: Communication & Culture

I. OBJECTIVES

1. Knowledge, skills, attitude

- *Knowledge:*

+ Ss can discuss the advantages and disadvantages of using electronic devices.

+ Ss can list the similarities/ differences in using electronic devices between the US children and Vietnamese children

+ Students can gain some tips to reduce screen time for kids.

- *Skills:* Integrated skills

+ Practice reading “US children learning with electronic devices”:
Skimming & scanning

+ Practice speaking skill: Students can debate about the topic: Advantages and Disadvantages of using electronic devices also compare how electronics are used in Vietnam and the US.

- *Attitude:*

+ Students realize the dangers of using electronic devices too much.

+ Students know how to use electronic devices wisely.

2. Orientation for competency development

- To help students develop the competence of communication, cooperation, critical thinking and teamwork.

II. TEACHING MATERIAL(S):

English Grade 10 **textbook**

III. TEACHING AID(S):

Laptop with internet connection, Projector, chalk, board, handout.

IV. PROCEDURES

A. WARM UP ACTIVITY

ACTIVITY 1: Watch a video about Disadvantages of Using technology and choose the correct answer (5 mins)

Aims of the activity	Content, techniques for organising students' learning activities	Expected products and assessment of student work
To motivate and guide students to learn the new lesson	<p>- T asks Ss to watch the video and do the task https://en.islcollective.com/video-lessons/unit-8-grade-10</p> <p>1. Hearing music loudly more than ____ daily can increase the risk for permanent hearing loss.</p> <p>A. 5 minutes B. 7 minutes C. 9 minutes</p> <p>2. Why do people suffer from the “Digital eye strain” problem?</p> <p>A. Light from screens B. Viewing screen from close distance. C. Both A and B are the reasons</p> <p>3. Why don't people sleep well and have enough energy to work in the next day?</p> <p>A. Late night use of mobile phone or computer B. Stay up late to study or work C. Watch TV too much</p> <p>4. The people which use more social media become more lonely than people surfing less time on social media. True or False?</p>	<p>- Expected answer:</p> <p>1. A 2. C 3. A 4. <i>True</i> 5. <i>True</i> 6. <i>D</i></p>

	<p>5. Many people who have a health problem search for information on the internet instead of seeing a doctor. True or False?</p> <p>6. Use of technology in children may lead to:</p> <p>A. Low growth</p> <p>B. Poor eyesight</p> <p>C. Emotional problems</p> <p>D. All of the above</p>	
--	--	--

B. KNOWLEDGE FORMATION ACTIVITIES

ACTIVITY 2: Read the following statements and decide which are advantages/ disadvantages of using electronic devices. (10 mins)

Aims of the activity	Content, techniques for organising students' learning activities	Expected products and assessment of student work	
<p>Students practice reading and can name some Advantages and Disadvantages of using electronics</p>	<p>- T shows some Advantages and Disadvantages of using electronics on the screen.</p> <p>1. Personal electronic devices can be very distracting. You may not be able to concentrate on your studies. If your smartphone rings in class, it will be very annoying and disruptive.</p> <p>2. Electronics are bad for your eyes.</p> <p>3. Radiation from electronics could harm your body and cause permanent damage.</p> <p>4. Some students are not able to buy personal electronics. They may feel sad and bad for themselves. This might affect their performance at school.</p>	- Expected answer	
		Advantages	Disadvantages
		5, 6, 7, 8, 10	1, 2, 3, 4, 9

-	<p>5. Electronics devices help students relax by listening to music, chatting or playing games.</p> <p>6. Electronics can be used for learning. Students can look up the information, download exercises, and read e-books.</p> <p>7. Electronics make students' packbacks lighter. Students can store textbooks, notes and assignments on their personal devices.</p> <p>8. Students study better by using useful apps (dictionary, pronunciation, translation, ect.)</p> <p>9. Using electronic devices before going to sleep can affect the body's natural sleep cycle.</p> <p>10. Many students may use electronics to cheat on exams (they type questions and search for answers on the Internet).</p> <p>- T asks Ss to work in 6 groups. (each group has 7-8 students)</p> <p>+ Group 1,2,3: Find the advantages of using electronics</p> <p>+ Group 4,5,6: Find the disadvantages of using electronics</p> <p>- Encourage Ss to add more advantages/ disadvantages of using devices.</p>	
---	--	--

C. PRACTICE ACTIVITIES

ACTIVITY 3: Debate (10 mins)

Aims of the activity	Content, techniques for organising students' learning activities	Expected products and assessment of student work
<p>- This activity aims to provide Ss opportunity to practice speaking</p>	<p>- Debate topic: Advantages & Disadvantages of Using electronics + Group 1 – Group 4 + Group 2 – Group 5 + Group 3 – Group 6 - Someone from team 1 must quickly give an advantage. Then someone from team 4 must quickly give a disadvantage, beginning with “Yes, but...” - Take a class vote.</p>	<p>Ss can talk about the advantages and disadvantages of using electronic devices.</p>

ACTIVITY 4: Work in pairs. Exchange your opinions on using electronic devices in class. (5 mins)

Aims of the activity	Content, techniques for organising students' learning activities	Expected products and assessment of student work
<p>- This activity aims to provide Ss opportunity to practice speaking</p>	<p>- T asks Ss to work in pairs and share their own opinion about: “Should electronic devices be used in the classroom? Explain why.” - T calls someone to share their opinion. https://wheelofnames.com/#</p>	<p>- Students' answers may vary: + Teacher should ban electronics in class + Electronic devices should be used under teacher's guidance.</p>

ACTIVITY 5: Read the text about how electronic devices are used among children in the United States and answer the questions that follow. (5 mins)

Aims of the activity	Content, techniques for organising students' learning activities	Expected products and assessment of student work
<p>- Students practice reading for specific information</p>	<p>- T gives Ss handouts and ask them to work in pairs</p> <p>Questions:</p> <p>1. Only high school and university students in the US know how to use electronic devices. True or False?</p> <p>2. What do school children in the US use electronics for?</p> <p>A. Look up & store information B. Do assignments & projects C. Do calculation & play games D. All of the above</p> <p>3. How many US children have used mobile devices before they could speak in full sentences?</p> <p>A. 40% B. 50% C. 60%</p> <p>4. How may the devices help very young children?</p> <p>A. They may help promote listening & speaking ability B. They may help improve reading & writing skills C. They may help improve critical thinking & math skills</p>	<p>Expected answer:</p> <p>1. False. School students in all grades know how to use electronic devices</p> <p>2. D</p> <p>3. A</p> <p>4. A</p> <p>5. C</p> <p>6. They can be great educational tools, but the wrong use may cause very bad effects.</p> <p>7. Students' answers may vary.</p>

	<p>5. How may the devices help older children?</p> <p>A. They may help relax after studying.</p> <p>B. They may help cheat on matHV homework</p> <p>C. They may help improve critical thinking, reading, writing, and matHV skills</p> <p>6. What are the two sides of the children's use of electronic devices?</p> <p>7. What are the bad effects of children's wrong use of electronics? (Opened-Ended question)</p> <p>The wrong use of electronic devices may cause</p> <hr/> <p>- T calls some students to answers</p> <p>https://wheelofnames.com/#</p> <p>- T corrects the answers</p>	
--	---	--

D. APPLICATION AND EXTENSION ACTIVITIES

ACTIVITY 6: Work in groups. Talk about how children in your local area / your country use mobile electronic devices. (5 mins)

Aims of the activity	Content, techniques for organising students' learning activities	Expected products and assessment of student work								
- Ss reflect on the information they have just read. - Ss practice speaking	- T asks Ss to compare how US children and Vietnamese children use mobile electronic devices. <table border="1" data-bbox="312 596 686 833"> <thead> <tr> <th data-bbox="312 596 464 687">US children</th> <th data-bbox="464 596 686 687">Vietnamese children</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="312 687 464 733"></td> <td data-bbox="464 687 686 733"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="312 733 464 778"></td> <td data-bbox="464 733 686 778"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="312 778 464 833"></td> <td data-bbox="464 778 686 833"></td> </tr> </tbody> </table>	US children	Vietnamese children							- Students' answers may vary.
US children	Vietnamese children									

ACTIVITY 7: Watch a video and take notes some tips to reduce children's screen time (5 mins)

Aims of the activity	Content, techniques for organising students' learning activities	Expected products and assessment of student work
- Ss know some tips to reduce children's screen time	- T asks Ss to take notes while watching the video. https://www.youtube.com/watch?v=OVwuFrnZPwo	Expected answers: 4 tips to reduce children's screen time 1. Take them out 2. Learn through physical books 3. Manage screen time during meal times 4. Be role models

E. HOMEWORK

Write a short paragraph about some tips to reduce children's screen time

Handout

Activity 5:

Student name:

Class:

Read the text about how electronic devices are used among children in the United States and answer the questions that follow.

US children learning with electronic devices

Like children elsewhere, children in the United States have greatly benefited from modern technology. School students in all grades know how to use electronic devices to look up and store information, do assignments and projects, do calculations and play games.

According to a new survey, about 2 out of 5 children in the USA have used a tablet, a smartphone or a similar mobile device before they could speak in full sentences.

For very young children, the devices may help promote listening and speaking ability. The devices may also help improve older children's critical thinking, reading, writing, and maths skills.

However, children's use of electronic devices has two sides. These devices can be great learning tools, but the wrong use may also cause very bad effects.

1. Only high school and university students in the US know how to use electronic devices. **True or False?**
2. What do school children in the US use electronics for?
 - A. Look up & store information
 - B. Do assignments & projects
 - C. Do calculation & play games
 - D. All of the above
3. How many US children have used mobile devices before they could speak in full sentences?
 - A. 40%
 - B. 50%
 - C. 60%
4. How may the devices help very young children?
 - A. They may help promote listening & speaking ability
 - B. They may help improve reading & writing skills
 - C. They may help improve critical thinking & maths skills
5. How may the devices help older children?
 - A. They may help relax after studying.
 - B. They may help cheat on maths homework
 - C. They may help improve critical thinking, reading, writing, and maths skills
6. What are the two sides of the children's use of electronic devices?
|
7. What are the bad effects of children's wrong use of electronics? (Opened-Ended question)
The wrong use of electronic devices may cause _____

COMMUNICATION/AND CULTURE

Communication

Electronic devices in class – to use or not to use?

- 1 Read the following comments on personal electronic devices. Which sounds most reasonable? Why? Tell your partner.
 - a. Personal electronic devices can be very distracting, to you and to others. You may not be able to concentrate on your studies. If your smartphone rings in class, it will be very annoying and disruptive.
 - b. Electronics are bad for your eyes, and radiation from electronics could harm your body and cause permanent damage.
 - c. Not all students are able to buy personal electronics. They may feel sad and bad about themselves. This might affect their performance at school.
- 2 Work in pairs. Exchange your opinions on using electronic devices in class. Refer to the comments in 1 if necessary.

Example:

Student A: What do you think could be the disadvantage of electronic devices?

Student B: Some people think that electronics are bad for your eyes, and radiation from them could harm your body.

Student A: Oh, really? I can't believe that. I think they are harmless to users.

- 3 Work in groups. Do you have a different opinion? Tell your group members.



Culture

- 1 Read the text about how electronic devices are used among children in the United States and answer the questions that follow.

US children learning with electronic devices

Like children elsewhere, children in the United States have greatly benefited from modern technology. School students in all grades know how to use electronic devices to look up and store information, do assignments and projects, do calculations and play games.

According to a new survey, about 2 out of 5 children in the USA have used a tablet, a smartphone or a similar mobile device before they could speak in full sentences.

For very young children, the devices may help promote listening and speaking ability. The devices may also help improve older children's critical thinking, reading, writing, and maths skills.

However, children's use of electronic devices has two sides. These devices can be great learning tools, but the wrong use may also cause very bad effects.



1. What do school children in the United States use electronic devices for?
 2. How many US children have used mobile devices before they could speak in full sentences?
 3. How may the devices help very young children?
 4. How may they help older children?
 5. What are the two sides of the children's use of electronic devices?
- 2 Work in groups. Talk about how children in your local area / your country use mobile / electronic devices.

Bài 3. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC VIÊN THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC

I. Các xu hướng hiện đại về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, giáo dục nhằm phát triển phẩm chất, năng lực người học

Do yêu cầu hội nhập quốc tế và nhu cầu của thị trường lao động hiện đại, việc đánh giá giá kết quả học tập của các nước đang dần xích lại gần nhau. Rất nhiều tổ chức đánh giá quốc gia, quốc tế ra đời (PISA, TIMS, PIRLS, ...). Cần vận dụng vào nhà trường Việt Nam những thành tựu của các nghiên cứu về đánh giá kết quả học tập của HV phổ thông. Xu thế chung là:

- Hướng tới đánh giá năng lực người học, năng lực vận dụng, giải quyết những vấn đề của thực tiễn, đặc biệt chú trọng đánh giá các năng lực tư duy bậc cao như tư duy sáng tạo chứ không tập trung vào đánh giá kiến thức như ghi nhớ từ vựng, cấu trúc, sự kiện, ...

- Hướng tới đánh giá quá trình, chuyển từ chủ yếu đánh giá kết quả học tập cuối môn học, khoá học (đánh giá tổng kết) nhằm mục đích xếp hạng, phân loại sang sử dụng các loại hình thức đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì sau từng chủ đề, từng chương nhằm mục đích phản hồi điều chỉnh quá trình dạy học.

- Chuyển đánh giá từ một hoạt động gần như độc lập với quá trình dạy học sang việc tích hợp đánh giá vào quá trình dạy học, xem đánh giá như là một phương pháp dạy học.

- Tăng cường sử dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra, đánh giá: sử dụng các phần mềm thẩm định các đặc tính đo lường của công cụ (độ tin cậy, độ khó, độ phân biệt, độ giá trị) và sử dụng các mô hình thống kê vào xử lý phân tích, lí giải kết quả đánh giá.

1.1. KTĐG kết quả học tập (Assessment OF Learning)

Với mục đích KTĐG giá kết quả học tập (*assessment of learning*) là đánh giá nhằm công bố và kết quả là những nhận định định tính hay định

lượng (điểm số) về việc người học có kết quả học tập như thế nào. Thông tin này thường góp phần để đưa ra những quyết định then chốt có ảnh hưởng đến tương lai của người học. Bản chất của hoạt động này là *KTĐG tổng kết (summative assessment)*, hoạt động này được diễn ra tại thời điểm cuối hoặc gần cuối một giai đoạn học tập, và có thể được sử dụng để cung cấp thông tin cho hoạt động dạy và học tiếp theo. Tác dụng của hoạt động này được cơ sở đào tạo dựa trên những tiêu chí đã được thiết lập, để đưa ra những đánh giá thể hiện chất lượng học tập của người học và để phản hồi thông tin về thành tích học tập đến người học, phụ huynh, người sử dụng lao động và những đối tượng khác. Từ kết quả đánh giá này, chỉ ra bức tranh thực trạng về giáo dục, đảm bảo tính thông suốt trong thực hiện đạt các mục tiêu và chính sách giáo dục. Đánh giá này được tiến hành trên cơ sở của mục tiêu giáo dục, sẽ chỉ ra độ sai lệch giữa hiện trạng thực tế và mục tiêu đề ra trước đó, làm cho khoảng cách này ngày một ngắn hơn. Hay nói cách khác đánh giá kết quả học tập sẽ chỉ ra việc đạt hay chưa đạt các mục tiêu dạy học ở mức độ nào; thực hiện chức năng phân loại, xếp hạng học tập và chỉ ra mức độ tiến bộ của từng người học. Mỗi cá nhân tuân theo con đường phát triển của riêng mình với một tốc độ và nhịp độ riêng. Chính vì vậy việc giáo dục và dạy học cần mang tính cá biệt. Để thực hiện tốt vai trò cá biệt hóa trong giáo dục, cần có sự đánh giá để sàng lọc và lựa chọn các cá nhân theo mục tiêu giáo dục phù hợp. Đánh giá cần phải dựa vào những mục tiêu của nhà giáo dục và các chuẩn đánh giá phải được xác định một cách khoa học, khi đó đánh giá mới thực hiện tốt chức năng sàng lọc và lựa chọn.

Tuy nhiên nếu chỉ dừng ở đánh giá kết quả học tập mới chỉ trả lời được vấn đề thay đổi hay không thay đổi trong dạy học? Mà chưa đủ để trả lời cho vấn đề quan trọng đó là “*làm thế nào để cải tiến hoạt động dạy học?*” Hay nói cách khác đưa ra những quyết định cải tiến cụ thể và phù hợp vì chưa cung cấp được những lý giải, nguyên nhân của kết quả thu nhận được.

1.2. KTĐG vì học tập (Assessment FOR Learning)

Với mục đích KTĐG vì hoạt động học tập (Assessment FOR Learning), KTĐG là quá trình tìm kiếm và lý giải các thông tin để người học và người dạy sử dụng nhằm xác định người học đang ở đâu trên con đường học tập của mình và nhờ đó người dạy và người học cần phải điều chỉnh hoạt động dạy và hoạt động học như thế nào để người học đi đến đích một cách tốt nhất. Bản chất của hoạt động này là *đánh giá chẩn đoán (Diagnostic assessment)* và *đánh giá quá trình (Formative assessment)*. Đánh giá chẩn đoán là hoạt động diễn ra trước hoạt động giảng dạy, để xác định mức độ sẵn sàng để học những kiến thức và kỹ năng mới của người học, cũng như nắm được những thông tin về sự hứng thú, thiên hướng học tập của người học; Đánh giá quá trình là hoạt động diễn ra thường xuyên và liên tục ngay trong quá trình dạy và học môn học để đánh giá hoạt động học tập của người học đang diễn ra như thế nào. Tác dụng của hoạt động KTĐG vì hoạt động học tập là: (i) người dạy và người học sử dụng để xác định người học đã thu được những kiến thức và kỹ năng gì trong những kiến thức và kỹ năng đã được xác định trong mục tiêu mong đợi-chuẩn đầu ra của môn học, nhờ đó người dạy có thể lập kế hoạch cho hoạt động giảng dạy và tư vấn tới từng người học để đề ra hoạt động học tập phù hợp, hiệu quả, nhanh chóng đạt chuẩn đầu ra; (ii) người dạy sử dụng để theo dõi sự tiến bộ của người học trên lộ trình hướng tới đạt được mục tiêu mong đợi, nhờ đó người dạy có thể điều chỉnh hoạt động giảng dạy của mình và hoạt động học của người học sao cho đáp ứng nhu cầu của người học đạt chuẩn đầu ra của môn học. Xu thế đánh giá vì hoạt động học tập được thực hiện để kịp thời cung cấp những thông tin phản hồi về hoạt động dạy học giúp người dạy có thể tạo sự bình ổn trong lớp học, lên kế hoạch và tiến hành giảng dạy, phản hồi và khích lệ để tạo động lực cho người học. Mỗi cá nhân (người học, người dạy, nhà quản lý ...) khi thực hiện một công việc nào đó bao giờ cũng có nhu cầu được đánh giá, chính vì vậy đánh giá sẽ mang lại sự thoả mãn nhu cầu cho cá nhân, kích thích cá nhân tiếp tục tìm sự thoả mãn trong đánh giá khi hoàn thành nhiệm vụ nào đó. Sự đánh giá

có kèm theo hình thức củng cố luôn có ý nghĩa kích thích hành vi, tạo động lực cho sự phát triển tiếp theo. KTĐG trong dạy học có thể kích thích tinh thần học hỏi và vươn lên không ngừng của những đối tượng được đánh giá, từ đó tạo ra một môi trường cạnh tranh chính thức hoặc phi chính thức.

1.3. Vai trò của KTĐG trong dạy học

Ngay trong quá trình lập kế hoạch và triển khai từng đơn vị bài giảng, người dạy cũng cần liên tục thu thập thông tin về người học và hoạt động học tập để tự mình điều chỉnh quá trình dạy học nhằm mang lại hiệu quả cao nhất. Quá trình thu thập thông tin đó được thực hiện chủ yếu thông qua việc sử dụng các hình thức và công cụ đánh giá. Hoạt động đánh giá càng phù hợp, người dạy càng thu được thông tin tin cậy và có giá trị. Bảng dưới đây trình bày một số câu hỏi mà người dạy có thể cần đặt ra và cần có thông tin để trả lời trước, trong, và sau mỗi bài giảng, cùng với một số gợi ý về cách thức thu thập thông tin đánh giá phù hợp để người dạy có thể sử dụng (Nitko J. A. & Susan M. B., 2007).

TRƯỚC KHI DẠY HỌC

Câu hỏi GV cần trả lời	Phương pháp đánh giá GV có thể sử dụng để thu thập thông tin (gợi ý)
1. Nội dung tôi cần giảng dạy trong bài tới là gì?	- Nghiên cứu sách giáo khoa, phân phối chương trình, kế hoạch năm học...
2. Những đặc điểm, năng lực nào của HV tôi cần chú ý khi lập kế hoạch dạy học?	- Quan sát HV trong các tiết học trước đó; - Thảo luận với GV đã từng dạy nhóm HV này. - Nghiên cứu kết quả học tập gần nhất của HV. - Hiểu biết của bản thân về HV thông qua nghiên cứu hồ sơ cá nhân các HV.
3. Tôi cần sử dụng những học liệu nào để phù hợp với nhóm HV này?	- Quan sát quá trình học tập, tham gia thảo luận của HV trước đó để nắm bắt các thông tin về hứng thú, sự quan tâm, thái độ và trải nghiệm của HV với chủ đề sắp dạy. - Sử dụng bài trắc nghiệm nhanh. - Nghiên cứu kết quả đánh giá gần nhất của HV.

4. Tôi dự định sẽ triển khai các nội dung dạy học thành các hoạt động dạy học nào?	- Rà soát lại hiệu quả của các hoạt động dạy học mà GV đã từng triển khai với nhóm HV này, về các phương diện: tạo hứng thú học tập và tham gia của HV, giúp HV đạt mục tiêu học tập cao nhất.
5. Mục tiêu cần đạt được sau bài học là gì?	- Rà soát mục tiêu dạy học. - Rà soát hệ thống câu hỏi, bài tập, bài kiểm tra dự kiến sử dụng.
6. Những hoạt động dạy học nào sẽ phù hợp với nhóm HV này trong bài học tới?	- Quan sát HV trong các buổi học trước đó để có thông tin về nhu cầu, đặc điểm hành vi, ứng xử đặc biệt của từng HV. - Đánh giá lại hiệu quả của các hình thức tổ chức lớp học mà GV đã từng sử dụng khi dạy học cùng nội dung này.
TRONG KHI DẠY HỌC	
Câu hỏi GV cần trả lời	Phương pháp đánh giá GV có thể sử dụng để thu thập thông tin (gợi ý)
1. Bài giảng diễn ra có tốt đẹp không? HV có theo kịp không?	- Quan sát biểu hiện của HV trong quá trình triển khai các hoạt động dạy học. - Quan sát tương tác của HV trong quá trình dạy học. - Đặt câu hỏi và HV trả lời ngay trong quá trình dạy học.
2. Tôi có thể làm gì để nâng cao chất lượng bài giảng/ hoạt động dạy học?	- GV dự đoán những kiểu lỗi sai hoặc cách hiểu sai của HV. - GV quan sát để xác định trong lớp có trường hợp HV không chú ý vào bài giảng hoặc có biểu hiện/ hành động không phù hợp không.
3. Tôi cần phản hồi cho từng HV những thông tin gì về quá trình học tập của chúng?	- GV quan sát và theo dõi các câu hỏi/ thắc mắc của HV (để đưa ra đánh giá về mức độ đạt mục tiêu bài học của HV); - Bài tập về nhà và các bài trắc nghiệm nhanh; - Nói chuyện/ phỏng vấn trực tiếp HV.
4. HV của tôi đã sẵn sàng để tham gia vào hoạt động tiếp theo chưa?	- Giao bài tập/nhiệm vụ và quan sát, kiểm tra mức độ hoàn thành bài tập/nhiệm vụ.

	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu câu hỏi kiểm tra mức độ hiểu bài của HV. - Giao bài về nhà, bài trắc nghiệm nhanh, bài kiểm tra và phân tích kết quả làm bài của HV.
SAU KHI DẠY HỌC	
Câu hỏi GV cần trả lời	Phương pháp đánh giá GV có thể sử dụng để thu thập thông tin (gợi ý)
1. Mức độ đạt được các mục tiêu dạy học (ngắn hạn và dài hạn) của HV?	<ul style="list-style-type: none"> - Bài kiểm tra trên lớp. - Giao bài tập lớn/ bài tập thực hiện dự án và đánh giá mức độ hoàn thành. - Quan sát quá trình học tập của HV. - Kiểm tra vấn đáp. - Sử dụng các bài thi chuẩn hóa (nếu có).
2. Tôi cần thông báo cho HV và phụ huynh những điểm mạnh, điểm yếu nào của chúng?	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích kết quả quan sát sự tham gia của HV trong quá trình dạy học. - Phân tích đánh giá kết quả bài tập về nhà, bài kiểm tra do GV xây dựng, bài thi chuẩn hóa (nếu có). - Phân tích hoàn cảnh gia đình của mỗi HV.
3. Tôi cần cho mỗi HV mức điểm nào cho phù hợp sau bài học này?	Kết hợp các kết quả đánh giá quá trình tham gia bài học của HV, bài tập về nhà, bài trắc nghiệm nhanh, bài kiểm tra, dự án...
4. Tôi đã thực hiện bài giảng hiệu quả như thế nào?	<ul style="list-style-type: none"> - GV tự rà soát và đánh giá về việc thực hiện các mục tiêu dạy học quan trọng; - Phân tích quá trình dạy học để trả lời câu hỏi HV đã hứng thú với các hoạt động dạy học, học liệu GV cung cấp như thế nào.

Các câu hỏi mà người dạy đặt ra trước, trong và sau khi dạy học có thể nhiều hơn và khác với những câu hỏi đã đề cập trên đây, và khác nhau giữa các lớp học. Người dạy cần lựa chọn công cụ thu thập thông tin phù hợp để mang lại thông tin chính xác, tin cậy, phục vụ hiệu quả quá trình dạy học của mình.

Như vậy, đánh giá trong dạy học và giáo dục giữ một vị trí quan trọng, thiết yếu. Nó diễn ra song hành và nằm trong mọi hoạt động dạy học, giáo dục. Mỗi người GV cần nhận thức rõ vị trí, tầm quan trọng của KTĐG và tự

trang bị cho mình những kiến thức và kỹ năng cần thiết về đo lường và đánh giá nhằm đảm bảo phát huy được những tác động tích cực mà KTĐG mang lại đối với quá trình dạy học và giáo dục của GV cũng như quá trình học tập của HV.

II. Sử dụng phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập và kết quả đánh giá trong dạy học, giáo dục

Các kết quả nghiên cứu cho thấy GV thường sử dụng nhiều nhất ba nhóm phương pháp chủ yếu sau để thu thập thông tin trong KTĐG trên lớp: *phương pháp kiểm tra viết, phương pháp quan sát và phương pháp vấn đáp.*

II.1. Nhóm phương pháp kiểm tra viết

Kiểm tra viết đề cập đến phương pháp KTĐG mà trong đó HV viết câu trả lời cho các câu hỏi hoặc vấn đề vào giấy. Đây chính là nhóm phương pháp KTĐG kiểu truyền thống. Khi HV làm một bài kiểm tra trắc nghiệm đa lựa chọn, hoàn thành một bài tập về nhà dạng viết luận, viết một bản báo cáo, vẽ một bức tranh, viết một bài luận, hoặc điền vào một bảng ma trận ghi nhớ, bảng ma trận đặc trưng..., tức là các em đang cung cấp các chứng cứ bằng giấy mực cho GV. Một trong các kỹ thuật đánh giá thường xuyên bằng phương pháp viết phổ biến nhất là cho HV làm bài kiểm tra viết với hai hình thức phổ biến: trắc nghiệm đa lựa chọn và bài luận

Các câu hỏi trắc nghiệm đa lựa chọn, câu hỏi kiểm tra đúng-sai và câu hỏi kiểm tra ghép đôi được gọi là câu hỏi lựa chọn (câu hỏi đóng), bởi vì như tên của nó đã ngụ ý, HV phải trả lời cho mỗi câu hỏi bằng cách chọn một câu trả lời từ các tùy chọn cho sẵn. Câu hỏi dạng mở (supply item) đòi hỏi HV phải tự trả lời. Độ dài của câu trả lời có thể thay đổi đáng kể. Ví dụ yêu cầu viết bài luận bắt buộc HV phải trả lời dài và chi tiết, còn với bài “điền vào chỗ trống” hay một câu trả lời ngắn chỉ yêu cầu HV trả lời bằng một từ hay một cụm từ mà thôi. Chú ý các câu hỏi đóng thuộc loại lựa chọn cho phép người ra đề được quyền kiểm soát tuyệt đối vì người ra đề định ra cả câu hỏi lẫn các tùy chọn để trả lời. Câu hỏi thuộc loại mở cho phép người ra đề chỉ kiểm soát được phần câu hỏi mà thôi vì trách nhiệm trả lời thuộc về HV.

Dưới đây cung cấp thông tin cụ thể đối với 2 dạng bài kiểm tra kiến thức, kỹ năng quen thuộc được sử dụng trong nhà trường

a) Câu hỏi dạng tự luận

Tự luận là dạng kiểm tra quen thuộc, được sử dụng phổ biến trong nhà trường. Nó cho phép HV trả lời bằng cách tự lựa chọn, tổng hợp và trình bày những tri thức phù hợp nhất, với một giới hạn tương đối rộng về nội dung. Do vậy, dạng đánh giá này có thể đánh giá được khả năng phân tích, tổng hợp và sự sáng tạo trong trình bày một bài luận của HV.

Bài kiểm tra dạng tự luận thường có ít câu hỏi và câu hỏi ngắn nhưng yêu cầu HV phải trả lời dài và HV có tương đối nhiều thời gian để trả lời một câu hỏi.

Trong dạng kiểm tra tự luận lại phân chia ra làm hai loại: Bài luận dài (tiểu luận) và Bài luận ngắn/hạn chế (loại cung cấp thông tin).

Dạng tự luận dài bao gồm các loại câu hỏi có phạm vi trả lời mở rộng, khái quát. HV tự do biểu đạt tư tưởng và kiến thức. Loại câu này có thể phát huy khả năng phân tích, tổng hợp, óc sáng tạo... nhưng khó chấm điểm và độ tin cậy không cao.

Dạng tự luận hạn chế cung cấp thông tin giới hạn câu trả lời trong phạm vi nhỏ hơn, người trả lời có thể ước lượng được độ dài của câu trả lời. Với loại bài kiểm tra này việc chấm điểm dễ dàng hơn và độ tin cậy cao hơn.

+) Ưu điểm

- Dạng câu hỏi/bài kiểm tra này có khả năng đo lường kết quả học tập của HV ở mức độ *phân tích, tổng hợp và đánh giá*. Nó tạo điều kiện cho HV bộc lộ khả năng suy luận, phê phán, trình bày những ý kiến dựa trên những trải nghiệm của cá nhân.

- Để kiểm tra viết dạng tự luận thường dễ chuẩn bị, tốn ít thời gian và công sức.

+) Nhược điểm

- Bài tự luận thường có số câu hỏi ít nên khó đại diện đầy đủ cho nội dung cần đánh giá

- Việc chấm điểm thường khó khăn và tốn nhiều thời gian.

- Các tiêu chí đánh giá thường không thống nhất do vậy điểm số bị ảnh hưởng nhiều từ yếu tố chủ quan của người chấm.

+) Yêu cầu kỹ thuật

- Nghiên cứu mục đích và nội dung vấn đề cần kiểm tra. Xác định được trọng tâm của vấn đề cần kiểm tra và tìm ra một số câu hỏi xác đáng bao quát được nội dung vấn đề.

- Ra đề chính xác, dễ hiểu, sát với trình độ các em, phù hợp với thời gian làm bài, phát huy trí tuệ ở các em.

- Tổ chức cho HV làm bài thực sự nghiêm túc, tránh mọi tiêu cực trong khi làm bài, Thu bài đúng giờ

- Tạo điều kiện cho HV làm bài đầy đủ, không gây phân tán chú ý.

- Giao bài cho hai người chấm độc lập và nhóm trưởng làm trọng tài quyết định điểm số cuối cùng nếu có sự chênh lệch thái quá. Chấm bài cẩn thận, có nhận xét về nội dung, hình thức trình bày và thái độ khi làm bài...

b. Câu hỏi dạng trắc nghiệm khách quan

Loại trắc nghiệm khách quan (trắc nghiệm nhiều lựa chọn, đúng-sai, điền khuyết, ghép đôi...) được cấu trúc chặt chẽ và chỉ giới hạn cách trả lời của HV ở việc cung cấp một dòng hoặc vài từ, vài con số, kí hiệu, hay lựa chọn cách trả lời đúng trong nhiều cách trả lời.

Trắc nghiệm mang tên khách quan vì cách cho điểm mang tính khách quan, không phụ thuộc vào người chấm. Tuy nhiên độ khách quan cũng chỉ mang tính tương đối. Bởi vì câu hỏi và các lựa chọn trong trắc nghiệm khách quan vẫn do GV thiết kế ra. Nếu người GV thiết kế trắc nghiệm không tốt cũng sẽ dẫn tới đo lường sai lệch trình độ của HV. Ví dụ có những câu hỏi quá mơ hồ khiến HV không hiểu. Hoặc có câu có hơn một phương án đúng, hoặc có câu không có phương án trả lời nào nêu ra là thực sự đúng.

Bài trắc nghiệm khách quan thường bao gồm nhiều câu hỏi. Mỗi câu hỏi cung cấp một thông tin cụ thể và HV được yêu cầu trả lời rất ngắn bằng một hay một vài từ hoặc lựa chọn đáp án đúng. Vì lượng câu hỏi nhiều mà thời gian trả lời lại ngắn nên bài trắc nghiệm khách quan thường bao hàm được rất nhiều nội dung cần đánh giá.

Việc sử dụng loại trắc nghiệm nào phụ thuộc vào mục đích đánh giá, loại kiến thức cần đo lường và phụ thuộc vào những điểm mạnh, điểm yếu của từng loại trắc nghiệm.

Trong tương lai, trắc nghiệm khách quan có thể được sử dụng rộng rãi hơn trong việc kiểm tra, đánh giá trình độ của HV vì chống được lối học tủ, học lệch và khách quan hơn trong khâu chấm bài. Tuy nhiên hình thức này đòi hỏi người GV phải được trang bị kiến thức đầy đủ về kỹ năng xây dựng đề thi trắc nghiệm và biết cách phân tích đề thi trắc nghiệm để biết được độ giá trị và độ tin cậy của trắc nghiệm mà mình làm ra.

+) Ưu điểm

- Bài trắc nghiệm khách quan bao quát được phạm vi kiến thức rộng nên đại diện được cho nội dung cần đánh giá

- Việc chấm điểm dễ dàng, nhanh chóng, có thể chấm bằng máy và bảo đảm tính khách quan trong khâu chấm bài.

- Kết quả trắc nghiệm có thể dễ dàng phân tích độ tin cậy và độ giá trị bằng các phần mềm có sử dụng các mô hình phương pháp toán học

+) Hạn chế

- Việc xây dựng câu hỏi trắc nghiệm khá phức tạp, tốn thời gian; đòi hỏi người xây dựng trắc nghiệm phải được huấn luyện đầy đủ.

- Trắc nghiệm khách quan khó đo lường khả năng diễn đạt, sắp xếp, trình bày và đưa ra ý tưởng mới.

- Sử dụng trắc nghiệm khách quan cần tuân theo một số yêu cầu sau:

- Câu trắc nghiệm cần có độ tin cậy và độ giá trị đáp ứng yêu cầu đo đúng mục tiêu cần đo và kết quả ổn định không phụ thuộc vào người chấm hay thời gian địa điểm thi.

- Quá trình tiến hành trắc nghiệm cần phải được chuẩn bị chu đáo. Cần có những biện pháp chống gian lận khi làm bài, có thể bằng phương án đảo ngẫu nhiên các câu hỏi/phương án để những người ngồi cạnh nhau không có trình tự câu hỏi giống nhau.

Có nhiều loại câu trắc nghiệm khách quan, mỗi loại có ưu nhược điểm riêng:

+) Câu nhiều lựa chọn

Đây là loại hình được sử dụng nhiều nhất trong kiểm tra, đánh giá. Loại này thường có hình thức của một câu phát biểu không đầy đủ hay một câu hỏi dẫn, được nối tiếp bằng một số câu trả lời mà HV cần phải lựa chọn một phương án đúng hoặc đúng nhất (trong nhiều phương án hợp lí).

Những câu trả lời sai được gọi là phương án nhiễu. Câu dẫn có thể dưới dạng sơ đồ, đồ thị, không nhất thiết phải diễn tả bằng lời. Loại câu nhiều lựa chọn cần được xây dựng một cách thận trọng để tránh sự tối nghĩa. Câu hỏi nhiều lựa chọn có khả năng đo được những mức độ cao về nhận thức như việc áp dụng các nguyên lí, dự đoán, đánh giá, ngoại suy, xác định những sai lầm về mặt lôgic.

+) Câu điền vào chỗ trống

Loại câu này đòi hỏi HV cung cấp câu trả lời là một hay một ít từ cho một câu hỏi trực tiếp hay một câu nhận định chưa đầy đủ. Ưu điểm của loại câu này là HV khó có thể đoán mò vì HV phải nhớ lại hoặc nghĩ ra câu trả lời. Tuy nhiên loại câu hỏi này khó xây dựng cho rõ ràng. Có thể sẽ có nhiều câu trả lời có giá trị như nhau để điền vào một chỗ trống. Điều đó gây khó khăn cho khâu chấm điểm.

+) Câu ghép đôi

Loại câu này thường có hai dãy thông tin gọi là các câu dẫn và các câu đáp án. Chúng cần được ghép lại với nhau theo kiểu tương ứng một - một. Hai dãy thông tin này không nên có số câu bằng nhau để cho cặp ghép cuối cùng không chỉ đơn giản là kết quả của sự loại trừ liên tiếp.

Loại câu này dễ viết và dễ dùng. Tuy nhiên nếu soạn những câu đo mức độ kiến thức cao đòi hỏi phải mất nhiều công phu. Nếu có nhiều thông tin trong mỗi cột thì người làm test sẽ phải mất nhiều thời gian đọc và lựa chọn tìm câu ghép đôi.

+) *Câu hỏi đúng sai*

Câu hỏi đúng - sai còn được gọi là câu hỏi hai vế được dùng để đánh giá khả năng xác định tính chính xác của một vấn đề. Loại câu hỏi này thường được sử dụng để kiểm tra khả năng của HV trong các tình huống trả lời "bắt buộc": đúng-sai; có - không; chính xác - không chính xác v.v.. và chỉ có một đáp án duy nhất. Những câu hỏi được thiết kế tốt có thể đánh giá được mức độ kiến thức, khả năng hiểu và vận dụng kiến thức. Tính ứng dụng và hiệu quả của việc áp dụng câu hỏi thi loại này ở các cấp học cao vẫn còn là vấn đề gây tranh cãi.

Đây là dạng câu hỏi dễ thiết kế, chấm điểm nhanh....Tuy nhiên HV dễ “đoán mò” với câu hỏi dạng này; hiệu quả đánh giá khả năng suy luận của HV của dạng câu hỏi này là thấp nhất.

Ngoài việc sử dụng một bài kiểm tra với chỉ 1 dạng tự luận, hoặc trắc nghiệm khách quan, GV còn có thể kết hợp cả 2 dạng bài trên trong 1 bài kiểm tra. Hình thức này nâng cao năng lực tích cực, chủ động trong học tập và giải quyết các tình huống trong học tập của người học, tăng tính khách quan, cung cấp được những thông tin tin cậy, phù hợp với những đổi mới toàn diện của chương trình giáo dục mới.

II.2. Nhóm phương pháp quan sát

Quan sát là nhóm phương pháp chủ yếu thứ hai GV thường sử dụng để thu thập dữ liệu KTĐG. Như tên gọi của nó đã gợi lên, quan sát đề cập đến việc theo dõi hoặc lắng nghe HV thực hiện các hoạt động (quan sát quá trình) hoặc nhận xét một sản phẩm do HV làm ra (quan sát sản phẩm). *Quan sát quá trình* đòi hỏi trong thời gian quan sát, GV phải chú ý đến những hành vi của HV như: phát âm sai từ trong kỹ năng nói, sự tương tác (tranh luận, chia

sẽ các suy nghĩ, biểu lộ cảm xúc...) giữa các em với nhau trong nhóm, nói chuyện riêng trong lớp, bắt nạt các HV khác, mất tập trung, có vẻ mặt căng thẳng, lo lắng, lúng túng... hay hào hứng, giơ tay phát biểu trong giờ học, ngồi im thụ động hoặc không ngồi yên được quá ba phút... Đối với *Quan sát sản phẩm*: HV phải tạo ra sản phẩm cụ thể, là bằng chứng của sự vận dụng các kiến thức đã học. Những sản phẩm rất đa dạng: bài luận ngắn, bài tập nhóm, báo cáo ghi chép, videos, bài trình bày power point, ... HV phải tự trình bày sản phẩm của mình, còn GV đánh giá sự tiến bộ hoặc xem xét quá trình làm ra sản phẩm đó. GV sẽ quan sát và cho ý kiến đánh giá về sản phẩm, giúp các em hoàn thiện sản phẩm.

Trong thời gian quan sát, GV phải quan tâm đến những hành vi của HV như phát âm sai từ trong kỹ năng nói, quan hệ tương tác giữa các em với nhau trong nhóm, nói chuyện riêng trong lớp, bắt nạt các HV khác, mất tập trung, mặt có vẻ lúng túng, kiên nhẫn chờ đến lượt mình, giơ tay phát biểu trong giờ học, ăn mặc xoàng xĩnh, và không ngồi yên được quá ba phút. Khi HV trình bày một đoạn hội thoại bằng Tiếng Anh, trình chiếu video, trình bày sử dụng power point hoặc hoàn thành kế hoạch trong lớp, GV sẽ quan sát và cho ý kiến về các sản phẩm các em làm ra.

Một số quan sát được tiến hành chính thức và định trước, như trong trường hợp GV đánh giá HV khi các em trình bày sử dụng power point hoặc trình bày một đoạn kịch sử dụng Tiếng Anh trước lớp. Trong những tình huống như thế, GV có thể quan sát một tập hợp các hành vi ứng xử của HV. Ví dụ, khi HV trình bày trước lớp, GV có thể theo dõi và lắng nghe xem HV phát âm từ vựng có rõ ràng không, có lên xuống giọng để nhấn mạnh các điểm quan trọng không, có thường xuyên ngược lên nhìn trong khi trình bày hay không, có thể hiện sự tự tin, hiểu sâu bài hay không... Bởi vì những quan sát như thế đã được định sẵn nên GV có thời gian để chuẩn bị cho HV và xác định trước từng hành vi cụ thể sẽ được quan sát.

Các quan sát khác của GV lại không được định sẵn và không chính thức, như khi GV thấy hai HV nói chuyện thay vì thảo luận bài học, nhận thấy một

em HV có biểu hiện bị tổn thương khi bị bạn cùng lớp trêu chọc vì phát âm không đúng, hoặc nhìn thấy một HV do dự không dám nói ra ý kiến của mình bằng Tiếng Anh... Những quan sát tự phát như thế, dựa trên những bất gặp bất chợt khi “quan sát trẻ em”, phản ánh những chuyện xảy ra thoáng qua không định sẵn mà GV ghi nhận được và phải suy nghĩ diễn giải. Các quan sát chính thức và không chính thức của GV đều là những kỹ thuật thu thập thông tin quan trọng trong lớp học.

Thông thường trong quan sát, GV có thể sử dụng 3 loại công cụ để thu thập thông tin. Đó là: *Ghi chép các sự kiện thường nhật, thang đo và bảng kiểm.*

a. Ghi chép các sự kiện thường nhật

Hàng ngày GV làm việc với HV, quan sát HV và ghi nhận được rất nhiều thông tin về hoạt động học tập của HV. Ví dụ HV A luôn không tham gia vào hoạt động thảo luận trong nhóm. HV B luôn tích cực đặt câu hỏi giúp đỡ các bạn trong nhóm nói lên ý kiến của mình, ... Những sự kiện hàng ngày như vậy có ý nghĩa quan trọng trong đánh giá. Nó giúp cho GV dự đoán khả năng và cách ứng xử của HV trong những tình huống khác nhau hoặc giải thích cho kết quả thu được từ những bài kiểm tra viết của HV.

Tuy nhiên những ấn tượng mà GV có được thông qua quan sát thường mang tính chủ quan, vì vậy cần phải có một cách ghi chép khoa học, có hệ thống trong khi quan sát. Cách tốt nhất là sử dụng sổ ghi chép những sự kiện thường nhật.

Ghi chép những sự kiện thường nhật là việc mô tả lại những sự kiện hay những tình tiết đáng chú ý mà GV nhận thấy trong quá trình tiếp xúc với HV. Những sự kiện cần được ghi chép lại ngay sau khi nó xảy ra. Mỗi HV cần được dành cho 1 vài tờ trong trong sổ ghi chép. Cần ghi tách biệt phần mô tả sự kiện với phần nhận xét về sự kiện của GV. Sau một vài sự kiện, GV có thể ghi chú những cách giải quyết để cải thiện tình hình học tập của HV hoặc điều chỉnh những sai lầm mà HV mắc phải.

Mẫu ghi chép sự kiện thường nhật

Lớp: _____

Tên học sinh: _____

Thời gian: _____

Địa điểm: _____

Người quan sát: _____

STT	Mô tả sự kiện	Nhận xét	Ghi chú

Tuy nhiên, GV không có khả năng quan sát và ghi chép được tất cả những hành vi, sự kiện, mọi mặt của tình huống diễn ra hàng ngày của HV dù rằng chúng đều có thể là những thông tin có giá trị. Do vậy cần phải có sự chọn lựa trong quan sát. Để việc quan sát và ghi chép có tính khả thi, GV cần:

- Hướng việc quan sát vào những hành vi không thể đánh giá được bằng những phương pháp khác.
- Giới hạn việc quan sát vào một vài loại hành vi nào đó tùy theo mục đích của GV.
- Giới hạn phạm vi quan sát ở một vài đối tượng HV cần tới sự giúp đỡ đặc biệt của GV.

Lợi ích của sổ ghi chép sự kiện là nó mô tả lại những hành vi của HV trong tình huống tự nhiên. Qua hoạt động và việc làm cụ thể, HV thể hiện mình rõ nét và chân thực nhất. Nhờ vậy kết quả quan sát có thể đem đối chiếu với kết quả kiểm tra vấn đáp và kiểm tra viết để đánh giá những đặc điểm thực chất của HV, những biến đổi về hành vi của họ.

Để việc ghi chép sự kiện thường nhật của HV có hiệu quả GV cần tuân theo một số yêu cầu sau:

- Xác định trước những sự kiện cần quan sát nhưng cũng cần chú ý đến những sự kiện bất thường.

- Quan sát và ghi chép đầy đủ về sự kiện đặt trong một tình huống cụ thể để sự kiện trở nên có ý nghĩa hơn. Sự kiện xảy ra cần phải được ghi chép lại càng sớm càng tốt.

- Tách riêng phần mô tả chân thực sự kiện và phần nhận xét của cá nhân GV. Cần ghi chép cả những hành vi tích cực và hành vi tiêu cực

- Cần thu thập đầy đủ thông tin trước khi đưa ra những nhận xét, đánh giá về hành vi, thái độ của HV.

- Việc ghi chép sự kiện cần phải được luyện tập và huấn luyện cho GV một cách bài bản để việc ghi chép mang tính khoa học, hệ thống và giúp ích cho hoạt động dạy học và giáo dục.

b. Thang đo

Khác với việc ghi chép không có cấu trúc những sự kiện diễn ra hàng ngày, thì thang đo cho phép GV đưa ra những nhận định của mình theo một trình tự có cấu trúc. Thông thường, một thang đo bao gồm một hệ thống các đặc điểm, phẩm chất cần đánh giá và một thước đo để đo mức độ đạt được ở mỗi phẩm chất của HV.

Thang đo là một công cụ để thông báo kết quả đánh giá thông qua quan sát hoặc tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng. Giá trị của nó trong việc đánh giá hoạt động học tập của HV phụ thuộc vào việc nó có được xây dựng tốt hay không và có được sử dụng hợp lý hay không. Cũng giống như mọi công cụ đo lường khác, thang đo cần phải được xây dựng dựa trên những tiêu chí nhằm phục vụ những mục tiêu đánh giá cụ thể. Nó chỉ nên dùng khi người quan sát có điều kiện thu thập đầy đủ thông tin ghi trên thang đo. Nếu hai điều kiện này được đáp ứng, thang đo sẽ có rất nhiều ích lợi trong đánh giá:

- Thang đo định hướng cho việc quan sát nhằm tới những loại hành vi cụ thể

- Nó cung cấp một bảng tham chiếu chung để so sánh các HV về cùng một loại phẩm chất, đặc điểm...

- Nó cung cấp một phương pháp thuận tiện để ghi chép những đánh giá của người quan sát.

Thang đo có nhiều loại, nhưng nhìn chung có một số loại thang đo sau đây:

- **Thang đo dạng số:** Đây là một trong những loại thang đo đơn giản nhất. Người sử dụng đánh dấu hoặc khoanh vào một con số chỉ mức độ biểu hiện của một phẩm chất ở HV. Thông thường, mỗi con số chỉ mức độ được mô tả bằng lời và sự mô tả này thống nhất ở tất cả các câu trong thang đo. Đôi khi người sử dụng thang đo chỉ được chỉ dẫn rằng con số to nhất là chỉ mức độ cao nhất, con số nhỏ nhất là chỉ mức độ thấp nhất, những số ở giữa là chỉ các giá trị trung bình.

Thang đo dạng số được sử dụng khi những đặc điểm, phẩm chất đưa ra có thể được phân loại thành một số lượng nhất định các mức độ (từ 3 - 7 mức độ) và có sự thống nhất về giá trị mà mỗi con số đại diện. Tuy được sử dụng phổ biến nhưng những con số trong thang đo thường không được định nghĩa rõ ràng, vì vậy mỗi người có thể có cách giải thích riêng và do vậy sử dụng thang đo một cách khác nhau.

Ví dụ về thang đo dạng số:

Hướng dẫn: Hãy chỉ ra mức độ mà học sinh tham gia vào buổi thảo luận chung của lớp bằng cách khoanh tròn vào những con số tương ứng. Trong đó 5 – rất tích cực, 4 – tích cực, 3 – trung bình, 2 – ít tích cực, 1 – không tham gia.

1. Học sinh tham gia thảo luận ở mức độ nào?

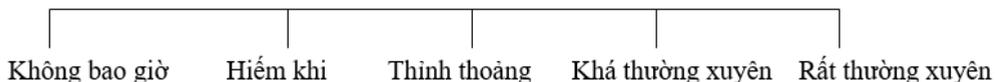
1 2 3 4 5

- **Thang đo dạng đồ thị:** Thang đo dạng đồ thị mô tả các mức độ biểu hiện của hành vi theo một trục đường thẳng. Người quan sát đánh dấu vào đoạn thẳng đó. Một hệ thống các mức độ được xác định ở những vị trí nhất định trên đoạn thẳng nhưng người đánh giá vẫn có thể đánh dấu vào điểm giữa các mức độ trên đoạn thẳng.

Ví dụ về thang đo dạng đồ thị:

Hướng dẫn: Hãy chỉ ra tần suất mà học sinh tham gia vào các hoạt động chung của lớp bằng cách đánh dấu x vào bất cứ điểm nào trên đoạn thẳng dưới mỗi câu hỏi.

1. Học sinh tham gia vào các hoạt động chung của lớp thế nào?



Cần lưu ý rằng những mô tả các mức độ trên thang đo đồ thị có thể giống nhau ở tất cả các câu hỏi nhưng cũng có thể mỗi câu hỏi có một cách mô tả mức độ khác nhau.

Mặc dù mô tả mức độ theo dạng đường thẳng có thể đánh dấu vào khoảng giữa của những mức độ đánh giá giúp cho việc đánh giá chính xác hơn. Tuy nhiên sử dụng một từ để mô tả mức độ trên thang đo cũng không rõ ràng hơn những con số. Mỗi người có cách hiểu khác nhau về “thỉnh thoảng” và “thường xuyên”.

- **Thang đo dạng đồ thị có mô tả:** Thang đo này sử dụng những cụm từ mô tả để xác định các mức độ trên đoạn thẳng. Sự mô tả này chỉ ra những khác biệt trong biểu hiện hành vi của HV ở những mức độ khác nhau. Một số thang đo chỉ mô tả điểm đầu, điểm giữa và điểm cuối. Một số thang đo khác mô tả dưới mỗi điểm của đoạn thẳng. Đôi khi có một đoạn trống ở dưới mỗi câu hỏi để người quan sát cho thêm ý kiến về cách lựa chọn mức độ của mình.

Ví dụ về thang đo dạng đồ thị có mô tả:

Hướng dẫn: Hãy chỉ ra mức độ mà học sinh tham gia vào buổi thảo luận chung của lớp bằng cách đánh dấu x vào bất cứ điểm nào trên đoạn thẳng dưới mỗi câu hỏi. ở phần nhận xét hãy ghi thêm những gì giải thích cho cách đánh giá của anh (chị).

1. Học sinh tham gia thảo luận ở mức độ nào?

Không bao giờ
tham gia, yên lặng
thụ động

Tham gia bằng với
những thành viên
khác trong nhóm

Tham gia nhiều
hơn bất cứ thành
viên nào trong nhóm

2. Những ý kiến đưa ra liên quan đến chủ đề thảo luận ở mức độ nào?

ý kiến đi xa
khỏi chủ đề
đang được thảo luận

ý kiến thường phù hợp
đôi khi hơi xa chủ đề

ý kiến luôn luôn
phù hợp với chủ đề

Nhìn chung đây là dạng thang đo tốt nhất được sử dụng trong nhà trường. Nó giải thích rõ cho GV và HV những hành vi cụ thể tương ứng với những mức độ được đánh giá và hướng tới hành vi tốt nhất cần phải đạt tới. Việc mô tả càng chi tiết thì việc đánh giá càng chính xác. Để việc chấm điểm thuận lợi, chúng ta có thể đánh số vào mỗi vị trí của thang đo này.

Thang đo có thể được ứng dụng vào rất nhiều lĩnh vực trong đánh giá như đánh giá thực hành, đánh giá sản phẩm và đánh giá sự phát triển những kỹ năng xã hội của cá nhân.

- Đánh giá thực hành: Trong nhiều lĩnh vực học tập, kết quả học tập không được thể hiện qua bài kiểm tra viết hay vấn đáp mà bằng hoạt động thực hành, ví dụ đóng vai, diễn thuyết, hát bằng Tiếng Anh... Cách tốt nhất để đánh giá những hoạt động này là quan sát. Việc sử dụng thang đo khi quan sát những hoạt động thực hành của HV giúp cho quá trình quan sát tất cả HV cùng tập trung vào một số biểu hiện nhất định và có cùng một cách ghi chép những nhận định của GV. Nếu nội dung thang đo được xây dựng trên những mục tiêu học tập nó sẽ định hướng cho hoạt động giảng dạy của GV và các tiêu chí trên thang đo giúp HV nhận thức được những yêu cầu cần đạt tới trong hoạt động thực hành.

- **Đánh giá sản phẩm:** Khi kết quả học tập của HV được thể hiện bằng sản phẩm ví dụ: 1 cuốn sách tập hợp hình ảnh của các bạn trong lớp kèm theo miêu tả về các bạn đó (A Class Year Book), 1 video giới thiệu các lễ hội, ... thì cần có sự đánh giá sản phẩm. Để việc đánh giá sản phẩm được thống nhất về tiêu chí và các mức độ đánh giá GV có thể thiết kế thang đo. Thang đo sản phẩm là một loạt mẫu sản phẩm có mức độ chất lượng từ thấp đến cao. Người đánh giá so sánh sản phẩm của HV với những sản phẩm mẫu chỉ mức độ trên thang đo để tính điểm. Tuy nhiên thang đo này khá phức tạp nên khó khăn cho GV khi xây dựng.

Đánh giá bằng thang đo cần tuân theo những nguyên tắc sau:

- Những tiêu chí của thang đo cần phải là những nội dung giảng dạy và giáo dục quan trọng

- Những mô tả trong thang đo phải là những bằng chứng có thể trực tiếp quan sát được

- Các mức độ và mô tả mức độ của thang đo phải được định nghĩa rõ ràng.

- Nên đưa ra từ 3 đến 7 mức độ trong thang đo và cho phép người sử dụng thang đo đánh dấu vào khoảng giữa các mức độ.

- Nên cho phép người sử dụng thang đo bỏ qua những câu mà họ cảm thấy không có đủ bằng chứng để đánh giá.

- Nếu có thể, nên kết hợp kết quả đánh giá của nhiều người quan sát trên cùng một đối tượng.

c. Bảng kiểm:

Bảng kiểm có hình thức và sử dụng gần giống như thang đo. Tuy nhiên thang đo đòi hỏi người đánh giá chỉ ra mức độ biểu hiện của một phẩm chất hoặc mức độ thường xuyên của một hành vi còn bảng kiểm tra chỉ yêu cầu người đánh giá trả lời câu hỏi đơn giản Có – Không. Đó là phương pháp ghi lại xem một phẩm chất có biểu hiện hay không hoặc một hành vi có được thực hiện hay không.

Bảng kiểm tra thường được sử dụng khi quá trình đánh giá dựa trên quan sát nhiều hơn là các hình thức kiểm tra viết và kiểm tra miệng. Bảng kiểm tra cũng có ích trong việc đánh giá những kỹ năng thực hành, nếu nó được chia ra thành những hành động cụ thể.

Trong đánh giá thực hành, bảng kiểm tra có thể được thiết kế theo các bước sau:

- Xác định từng hành vi cụ thể trong hoạt động thực hành
- Có thể thêm vào những hành vi làm sai nếu nó có ích cho việc đánh giá
- Sắp xếp các hành vi theo đúng thứ tự diễn ra
- Hướng dẫn cách đánh dấu những hành vi khi hành vi đó xuất hiện (hoặc đánh số thứ tự các hành vi theo trình tự thực hiện).

Ngoài việc đánh giá những kỹ năng thực hành, bảng kiểm tra còn được sử dụng để đánh giá sản phẩm. Trong trường hợp đánh giá sản phẩm, bảng kiểm tra thường bao gồm một dãy những đặc điểm mà một sản phẩm hoàn thiện cần có. GV đánh giá bằng cách kiểm tra xem từng đặc điểm phát biểu trong thang đo có ở sản phẩm của HV hay không.

Ví dụ. Bảng KTĐG dự án sau:

Students will work in groups to choose a pen friend. They will exchange information about their countries regarding the following areas: location and famous touristical places. Their work will be sent to each other using: Word doc., PPT. or movie maker.

Hướng dẫn: Trong khoảng trống phía trước mỗi câu, hãy đánh dấu Tick (V) nếu hành động đạt yêu cầu hoặc đánh dấu Cross (X) nếu hành động không đạt yêu cầu.

- _____ 1. Group members' participation
- _____ 2. Project content; information
- _____ 3. Photos, videos
- _____ 4. Technology skills integration

...

Bảng kiểm mang tính chẩn đoán, có thể sử dụng lại và có thể giúp người dạy theo dõi sự tiến bộ của người học. Bảng kiểm cho chúng ta bản ghi chi tiết về sự thể hiện của người học, nên được đưa cho người học để chúng biết chúng cần cố gắng thêm ở những điểm nào. Có thể sử dụng cùng một bảng kiểm với nhiều người học khác nhau, hoặc trên cùng một người học tại các thời điểm khác nhau. Sử dụng một bảng kiểm nhiều lần là một cách dễ dàng để thu thập thông tin về sự tiến bộ của người học.

Tuy nhiên, bảng kiểm cũng có những nhược điểm của nó. Một nhược điểm quan trọng là bảng kiểm chỉ cho người dạy hai lựa chọn trên mỗi tiêu chí: thể hiện hay không thể hiện. Với bảng kiểm, người dạy không có cơ hội để đánh giá xem người học này thể hiện được bao nhiêu phần trên một tiêu chí nhất định. Giả sử học sinh A đứng thẳng và nhìn về phía khán giả phần lớn thời gian thuyết trình, hoặc ngữ điệu vừa phải trừ một đoạn ngắn em nói quá nhanh và riu các từ lại với nhau. Người dạy nên cho điểm em như thế nào với những tiêu chí này? Đôi khi, đây không phải là một lựa chọn dễ dàng. Bảng kiểm buộc người dạy phải ra quyết định mang tính tuyệt đối về sự thể hiện của người học, tham chiếu mỗi tiêu chí, cho dù người học thể hiện đâu đó giữa hai thái cực.

Nhược điểm thứ hai của bảng kiểm là khó tổng hợp thông tin đánh giá thành một điểm số. Chúng ta đã thấy bảng kiểm hữu dụng như thế nào khi sử dụng để phân tích chẩn đoán điểm mạnh, điểm tồn tại của người học. Tuy nhiên, nếu người dạy muốn tổng hợp hoạt động của người học thể hiện ở một số tiêu chí để đưa ra một điểm số, phục vụ mục đích chấm điểm thì người dạy phải làm thế nào?

II.3. Nhóm phương pháp vấn đáp

Vấn đáp là nhóm phương pháp chủ yếu thứ ba GV thường sử dụng để thu thập dữ liệu trong KTĐG trên lớp. Vấn đáp là phương pháp GV đặt câu hỏi và HV trả lời câu hỏi (hoặc ngược lại), nhằm rút ra những kết luận, những tri thức mới mà HV cần nắm, hoặc nhằm tổng kết, củng cố, kiểm tra mở rộng, đào sâu những tri thức mà HV đã học. Phương pháp đặt câu hỏi vấn đáp cung

cấp rất nhiều thông tin chính thức và không chính thức về HV. Việc làm chủ, thành thạo các kỹ thuật đặt câu hỏi đặc biệt có ích trong khi dạy học.

Việc hỏi HV rất có ích trong khi dạy học, nhất là khi cần ôn lại một chủ đề trước đó, suy nghĩ về một chủ đề mới, xem HV có hiểu bài hay không và thu hút sự chú ý của một HV nào đó đang mất tập trung. GV có thể thu thập được thông tin mình muốn mà không cần đến bất kỳ một loại đánh giá viết nào. Vấn đáp là một đặc trưng rất phổ biến của mọi lớp học và sau mỗi bài giảng, đây là hoạt động dạy học thường dùng nhất. Thi vấn đáp cũng được áp dụng trong các lĩnh vực như ngoại ngữ, diễn thuyết và âm nhạc...

Tùy theo vị trí của phương pháp vấn đáp trong quá trình dạy học, cũng như tùy theo mục đích, nội dung của bài, người ta phân biệt những dạng vấn đáp cơ bản sau:

+ *Vấn đáp gợi mở*: là hình thức GV khéo léo đặt những câu hỏi gợi mở dẫn dắt HV rút ra những nhận xét, những kết luận cần thiết từ những sự kiện đã quan sát được hoặc những tài liệu đã học được, được sử dụng khi cung cấp tri thức mới.

+ *Vấn đáp củng cố*: Được sử dụng sau khi giảng tri thức mới, giúp HV củng cố được những tri thức cơ bản nhất và hệ thống hoá chúng: mở rộng và đào sâu những tri thức đã thu lượm được, khắc phục tính thiếu chính xác của việc nắm tri thức.

+ *Vấn đáp tổng kết*: được sử dụng khi cần dẫn dắt HV khái quát hoá, hệ thống hoá những tri thức đã học sau một vấn đề, một phần, một chương hay một môn học nhất định. Phương pháp này giúp HV phát triển năng lực khái quát hoá, hệ thống hoá, tránh nắm bắt những đơn vị tri thức rời rạc - giúp cho các em phát huy tính mềm dẻo của tư duy.

+ *Vấn đáp kiểm tra*: được sử dụng trước, trong và sau giờ giảng hoặc sau một vài bài học giúp GV kiểm tra tri thức HV một cách nhanh gọn kịp thời để có thể bổ sung củng cố tri thức ngay nếu cần thiết. Nó cũng giúp HV tự kiểm tra tri thức của mình.

Như vậy, tùy vào mục đích và nội dung bài học, GV có thể sử dụng 1 trong 4 hoặc cả 4 dạng phương pháp vấn đáp nêu trên. Ví dụ khi dạy bài mới GV dùng dạng vấn đáp gợi mở, sau khi đã cung cấp tri thức mới dùng vấn đáp củng cố để đảm bảo HV nắm chắc và đầy đủ tri thức. Cuối giờ dùng vấn đáp kiểm tra để có thông tin ngược kịp thời từ phía HV.

- Ưu nhược điểm của phương pháp vấn đáp:

Ưu điểm:

- Kích thích tính cực độc lập tư duy ở HV để tìm ra câu trả lời tối ưu trong thời gian nhanh nhất

- Bồi dưỡng HV năng lực diễn đạt bằng lời nói; bồi dưỡng hứng thú học tập qua kết quả trả lời

- Giúp GV thu tín hiệu ngược từ HV một cách nhanh gọn kể kịp thời điều chỉnh hoạt động của mình, mặt khác có điều kiện quan tâm đến từng HV, nhất là những HV giỏi và kém.

- Tạo không khí làm việc sôi nổi, sinh động trong giờ học.

Nhược điểm:

- Dễ làm mất thời gian ảnh hưởng không tốt đến kế hoạch lên lớp cũng như mất nhiều thời gian để soạn hệ thống câu hỏi.

- Nếu không khéo léo sẽ không thu hút được toàn lớp mà chỉ là đối thoại giữa GV và một HV.

- Một số kỹ thuật vấn đáp

a) Đặt câu hỏi: Kỹ thuật then chốt của phương pháp vấn đáp là kỹ thuật đặt câu hỏi – đây vừa là một vấn đề khoa học, vừa là một nghệ thuật. Để HV phát huy được tính tích cực và trả lời đúng vào vấn đề thì GV phải:

+ Chuẩn bị trước những câu hỏi sẽ đặt ra cho HV: xác định rõ mục đích, yêu cầu của vấn đáp, các câu hỏi cần tập trung vào những nội dung/những vấn đề quan trọng của bài học, làm đối tượng sẽ hỏi.

+ Khuyến khích HV tham gia đặt câu hỏi: đặt câu hỏi tự vấn mình và câu hỏi cho các bạn học.

+ Đặt câu hỏi tốt: câu hỏi phải chính xác, sát trình độ HV, sát với mục tiêu, nội dung bài học, hình thức phải ngắn gọn dễ hiểu.

+ Sử dụng đa dạng các loại câu hỏi để thu thập thông tin.

+ Hướng dẫn HV trả lời tốt: bình tĩnh lắng nghe và theo dõi câu trả lời của HV, hướng dẫn tập thể nhận xét bổ sung rồi GV mới tổng kết, chú ý động viên những em trả lời tốt và có cố gắng phát biểu, dù chưa đúng.

Việc làm chủ, thành thạo các kỹ thuật đặt câu hỏi đặc biệt có ích trong khi dạy học:

Em hãy giải thích cho cô từ có một âm tiết là gì?

Em nào có thể nói cho cô nghe câu trả lời này chưa phù hợp ở chỗ nào?

Ai có thể tóm tắt bài trình bày hôm qua về các lễ hội và kỳ nghỉ?...

Đây là những loại câu hỏi thường được dùng để đánh giá hỗ trợ học tập của HV trong lớp học. Việc hỏi HV rất có ích trong khi dạy học, nhất là khi cần ôn lại một chủ đề trước đó, suy nghĩ về một chủ đề mới, xem HV có hiểu bài hay không và thu hút sự chú ý của một HV nào đó đang mất tập trung. GV có thể thu thập được thông tin mình muốn mà không cần đến bất kì một loại đánh giá viết nào. Vấn đáp là một đặc trưng rất phổ biến của mọi lớp học và sau mỗi bài giảng, đây là hoạt động dạy học thường dùng nhất.

b) Nhận xét bằng lời

- Nhận xét tích cực bằng lời nói có tác dụng điều chỉnh hành vi.

Các kết quả nghiên cứu cho thấy những đánh giá dưới dạng nhận xét tích cực bằng lời của GV, của bạn cùng lớp về một sản phẩm học tập nào đó... có tác dụng nuôi dưỡng những suy nghĩ tích cực, hình thành sự tự tin ở HV. Điều này có ý nghĩa vô cùng quan trọng vì nó giúp HV tự “cài đặt” lại suy nghĩ/niềm tin tích cực cho chính mình.

Ví dụ: để đánh giá một sản phẩm học tập (một bài trình bày sử dụng power point, một đoạn kịch thể hiện bằng Tiếng Anh, một video giới thiệu các lễ hội, ...), GV yêu cầu một HV hãy nói những lời nhận xét của cá nhân...

GV gợi ý, định hướng để HV nói ra những nhận xét bằng lời mang tính xây dựng, tập trung vào những điểm tích cực hơn là những điểm chưa tích cực.

- HV có xu hướng tự điều chỉnh hành vi theo sự kì vọng của GV.

Những HV không được tôn trọng, kì vọng cao thường có xu hướng suy nghĩ bi quan, tiêu cực và dẫn đến buông xuôi; ngược lại những HV được tôn trọng, kì vọng cao... có xu hướng suy nghĩ lạc quan, tích cực sẽ đạt được những thành công. Điều này phụ thuộc vào những lời nhận xét mang tính xây dựng, thể hiện sự tin tưởng, kì vọng của GV để giúp HV tạo dựng niềm tin, đồng thời giúp các em tự điều chỉnh hành vi theo sự kì vọng của GV. Ví dụ nhận xét về khả năng làm việc hợp tác trong nhóm của một HV như sau: Em đã thực hiện tốt phần việc của cá nhân. Em nên tham gia thêm những việc chung của nhóm như: viết báo cáo kết quả, hoặc thay mặt nhóm trình bày kết quả.

c) Trình bày miệng/ kể chuyện: HV được yêu cầu nói ra những suy nghĩ, quan điểm cá nhân... chia sẻ những trải nghiệm, những câu chuyện, những bài học kinh nghiệm... qua trao đổi thảo luận theo chủ đề (VD: chủ đề học tiếng Anh hiệu quả. Mỗi HV được yêu cầu trình bày kinh nghiệm học tiếng anh của cá nhân... kể các câu chuyện bằng tiếng Anh... thực hiện các trò chơi để phát triển kĩ năng nghe nói tiếng Anh).

d) Tôn vinh học tập/ Giao lưu chia sẻ kinh nghiệm: Một sự kiện (giao lưu, gặp gỡ, phỏng vấn những cá nhân có thành tích xuất sắc về học tập, thể thao... VD: Người kể chuyện hay nhất, người viết thư hay nhất/ báo cáo khoa học hay nhất...), mà ở đó HV có cơ hội báo cáo, chia sẻ kiến thức, hiểu biết của các em về một số lĩnh vực môn học... với bạn học, với GV và phụ huynh.

Các phương pháp kiểm tra viết trên giấy, quan sát và vấn đáp bổ sung cho nhau trong lớp học. Hãy tưởng tượng khi phải ra quyết định trong lớp học mà không thể quan sát về mặt, phản ứng, sự thể hiện kỹ năng trả lời câu hỏi và giao tiếp của HV. Còn bây giờ hãy tưởng tượng nếu không thu thập được các thông tin từ các bài kiểm tra viết của HV trong lớp học thì sẽ như thế nào. Và nếu GV không thể hỏi học trò của mình thì sẽ như thế nào. Mỗi

loại thông tin đều cần thiết để thực hiện đánh giá đầy đủ và ý nghĩa trong lớp học. Vì thế, việc GV nắm vững tất cả các phương pháp thu thập thông tin là rất quan trọng.

III. Xây dựng công cụ kiểm tra đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của học viên môn Tiếng Anh THPT

Các nghiên cứu cho thấy có rất nhiều loại công cụ đã và đang được sử dụng để đánh giá chất lượng HV. Tùy thuộc vào mục đích/mục tiêu, đối tượng và đặc trưng của của các hoạt động giáo dục/dạy học mà GV/HV có thể lựa chọn những loại công cụ đánh giá khác nhau cho phù hợp. Dưới đây là các công cụ đánh giá thường được đề cập nhiều nhất trong các tài liệu viết về đánh giá giáo dục:

Ghi chép ngắn – Một hình thức đánh giá thường xuyên thông qua việc quan sát người học trong lớp học. Những ghi chép không chính thức này cung cấp cho GV thông tin về mức độ người học xử lý thông tin, phối hợp với người học cũng như những quan sát tổng hợp về cách học, thái độ và hành vi học tập.

Tôn vinh học tập – Một sự kiện mà ở đó người học có cơ hội chia sẻ kiến thức, hiểu biết của các em về một số lĩnh vực môn học với bạn học, với GV và phụ huynh.

Cùng đánh giá – Sự kết hợp giữa tự đánh giá và đánh giá của người khác (GV, bạn học...). Đây là sự đối thoại giữa người học và GV nhưng sự đánh giá cuối cùng lại là của GV.

Thẻ kiểm tra – Một hoạt động tương đối dễ kéo dài trong 5 phút nhằm kiểm tra kiến thức của người học trước, trong và sau một bài học hoặc một đơn vị học trình. Người học trả lời 3 câu hỏi do GV đưa ra. GV có thể đọc nhanh câu trả lời và lập kế hoạch cho việc giảng dạy cần thiết.

Bản đồ tư duy – Công cụ tổ chức theo hướng đồ họa, giúp HV động não và thể hiện các ý tưởng và khái niệm.

Tập san – Có thể được sử dụng để đánh giá quy trình học tập và phát triển của người học. Chúng có thể ở dạng mở hoặc GV có thể cung cấp các câu hỏi hướng dẫn, thu hoạch để người học trả lời, điều này thường cung cấp những thông tin về mức độ người học tổng hợp việc học tập của các em.

Trình bày miệng – Người học được phép chia sẻ kiến thức qua trao đổi thảo luận. Một số người học có thể chọn cách trình bày miệng bằng việc sử dụng truyền thông đa phương tiện.

Đánh giá đồng đẳng – việc đánh giá trong đó một người học, một nhóm người học hoặc cả lớp cung cấp thông tin phản hồi bằng cách viết ra hoặc nói lại cho một người học khác. HV có thể sử dụng các bảng kiểm, phiếu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chí hoặc trả lời bằng văn bản đối với sản phẩm của một bạn khác.

SUGGESTED PEER REVIEW

(BẢN GÓP Ý BÀI VIẾT CỦA BẠN)

Student's name:

Peer's name :

Writing task :

1. Write down the topic sentence:

(Hãy viết câu chủ đề của bài viết:)

.....
.....

Is it clear enough?

(Câu chủ đề đã rõ ràng chưa?)

.....
.....

Is it interesting to you?

(Câu chủ đề có thú vị đối với bạn không?)

.....
.....

Write down the conclusion (if has)

(Hãy viết câu kết luận (nếu có))

.....
.....

Does it repeat or paraphrase or add new idea to the topic sentence?

(Câu kết luận lặp lại y nguyên câu chủ đề hay diễn đạt ý của câu chủ đề theo một cách khác?)

.....
.....

2. Which sentence do you like best in your peer’s writing?

(Bạn thích nhất câu nào trong bài viết này?)

.....
.....

Underline any sentences you find confusing or irrelevant or redundant (suggest solutions to your peer if possible)

(Gạch chân câu mà bạn thấy khó hiểu hoặc không phù hợp với câu chủ đề. Nếu có thể hãy đưa ra một số gợi ý)

.....
.....

3. Are there any problems with sentence structures (verb tenses, active-passive voice, punctuation...)

(Bạn thấy các cấu trúc câu có vấn đề gì không? Ví dụ: thì của câu, thể chủ động-bị động, dấu câu.vv..)

.....
.....

4. Are linking words used appropriately and flexibly?

(Các từ nối đã được sử dụng phù hợp và linh hoạt chưa?

Give some suggestions if possible (Hãy đưa ra một số gợi ý)

.....
.....

5. Are there any problems with vocabulary? (spelling, word choice)

(Từ vựng có vấn đề gì không?(Về chính tả, cách dùng từ)

.....
.....

6. Write down below any other comments or suggestions

(Bạn còn lời nhận xét, góp ý nào khác không?)

.....

.....

Hồ sơ học tập – Một tập hợp đại diện sản phẩm học tập của một người học, thường bao gồm những sản phẩm tốt nhất cho tới nay và một số sản phẩm đang được hoàn thành để thể hiện quá trình nỗ lực học tập của người học.

RUBRIC FOR PORTFOLIO**Tên HV:**.....**Điểm tổng:**.....

Tiêu chí		Chi tiết	Điểm
Về hình thức của Portfolio (Portfolio's physical appearance (2đ))		<ul style="list-style-type: none"> - Trang bìa có đầy đủ tên HV, tên GV hướng dẫn, lớp, tiêu đề(0.5) - Trang bìa được trang trí hấp dẫn với tranh hoặc hình vẽ thú vị, phù hợp (0.5) - Có đầy đủ các bài viết theo yêu cầu (gồm:3 peer's review sheets, drafts, 3 teacher's evaluation sheets, 3 final versions, 3 self-reflection, 1 portfolio reflection) (0.5) - Các bài trong portfolio được sắp xếp theo một trật tự phù hợp, gọn gàng (0.5) 	
Nội dung của Portfolio (Portfolio's content (6đ)) (Lưu ý: dựa trên bản đánh giá của GV)	Organization (1)	Các bài viết có cấu trúc hợp lý, logic	
	Ideas (2)	Các ý của các bài viết phù hợp, triển khai cho ý chính	
	Transition signals (1)	Sử dụng đa dạng và thích hợp các phương tiện liên kết	
	Vocabulary (1)	Sử dụng chính xác, nhuần nhuyễn và linh hoạt từ vựng	

	Grammar (1)	Sử dụng các cấu trúc ngữ pháp chính xác, linh hoạt, đa dạng	
Bản tự đánh giá của HV (Student self- reflections (2 marks))		- Hoàn thành đầy đủ nội dung của các bản tự đánh giá (0.5) - Có các bản đánh giá sâu sắc (1.5)	
Điểm tổng (10 đ)			

Học tập theo dự án – Là chiến lược giảng dạy trong đó thử thách người học khám phá các câu trả lời cho câu hỏi của mình thông qua việc khám phá thực tế. Đây là những cơ hội học tập sâu nhằm thúc đẩy người học và tích hợp nhiều mục tiêu chương trình giáo dục.

Hồ sơ đọc – Yêu cầu người học lưu trữ một hồ sơ tất cả tài liệu đọc độc lập của các em ở trường và ở nhà. Hồ sơ này cần chứa đựng các tác phẩm đã hoàn thành và những tác phẩm mới bắt đầu nhưng chưa hoàn thành. Ngoài tên của cuốn sách (bài báo,...) và tác giả, hồ sơ cần chứa đựng những nhận xét, bình luận, mang tính phản hồi cá nhân đối với các tác phẩm mà các em đã đọc. Việc thảo luận định kỳ nội dung hồ sơ này sẽ giúp GV biết được mức độ phát triển của người học với tư cách là người đọc độc lập và gợi ý các cách thức để GV có thể khích lệ bổ sung. Hồ sơ đọc có thể đưa vào hồ sơ học tập của người học.

Kể lại chuyện – Sau khi người học đọc một câu chuyện hoặc nghe ai đó đọc, yêu cầu các em kể lại câu chuyện giống như các em đang kể lại cho một người bạn chưa từng nghe về nó. Cần cho người học biết trước rằng các em sẽ được yêu cầu thực hiện điều này. Để phân tích việc kể lại chuyện theo cách định lượng, sử dụng một danh sách các nội dung quan trọng trong câu chuyện (bối cảnh, cốt truyện, giải pháp...) và gán một điểm số cho từng nội dung.

Phiếu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chí – Một tập hợp các mong đợi của GV để đánh giá mức độ hiểu biết của người học và tạo điều kiện cho người học biết được những mong đợi và những việc các em cần thực hiện để học tập đạt kết quả cao.

SUGGESTED TEACHER'S EVALUATION SHEET

Tên HV:

Bài viết số :

Tiêu chí	Chi tiết	Xuất sắc (2/2) (4/4)	Tốt (1,5/2) (3/4)	Khá (1/2) (2/4)	Yếu (0,5/2) (1/4)
1. Kết cấu	Có kết cấu rành mạch, rõ ràng: - Có mở đầu rõ ràng - Phần thân có câu chủ đề, các ý triển khai và ví dụ phù hợp - Có câu kết luận rõ ràng				
2. Các ý và liên kết các ý	- Có các ý triển khai phù hợp - Các ý liên kết với nhau theo một trật tự logic - Sử dụng đa dạng các phương tiện liên kết				
3. Từ vựng	- Sử dụng từ vựng một cách nhuần nhuyễn, truyền tải đúng ý - Dùng từ: + đúng chính tả + chọn từ phù hợp + dùng đa dạng các hình thức của từ				
4. Ngữ pháp	- Sử dụng cấu trúc chính xác - Sử dụng đa dạng các loại câu: + câu đơn + câu phức + câu ghép - Nắm vững cấu trúc ngữ pháp về: + Thì của câu + Sự đồng nhất giữa chủ ngữ và động từ				

	<ul style="list-style-type: none"> + Mệnh đề quan hệ + Câu chủ động, bị động + Các cụm danh từ + Giới từ + Mạo từ + Dấu câu 				
5. Tổng điểm: 10					

Tự đánh giá – Là điều cơ bản đối với tất cả các lĩnh vực học tập, bởi vì người học thực hiện các quyết định đối với việc học của bản thân các em. Nó khuyến khích việc học ở cấp độ sâu, đồng thời khích lệ người học trở nên độc lập và có thể nâng cao hứng thú động lực học tập của mình.

SUGGESTED STUDENT SELF-REFLECTION A

Được sử dụng từ bài viết số 1

Student's name:.....

Class:.....

Writing task: 1

1. My areas of weakness are.....

(Điểm yếu của tôi trong bài viết này là...)

.....
.....

2. My areas of strength are...

(Điểm mạnh của tôi trong bài viết này là...)

.....
.....

3. What I need to improve more is...

(Điều tôi muốn cải thiện trong bài viết này là...)

.....
.....

4. To get improvement in the next writing task, I must...

(Để tiến bộ trong bài viết tiếp theo, tôi phải làm những việc sau...)

.....
.....

SUGGESTED STUDENT SELF-REFLECTION B

Được sử dụng từ bài viết số 2 trở đi

Student's name:.....

Class:.....

Writing task number:

1. My areas of weakness are...

(Điểm yếu của tôi trong bài viết này là...)

.....
.....

2. My areas of strength are...

(Điểm mạnh của tôi trong bài viết này là...)

.....
.....

3. Compared with previous writing task, I have made progress in.....

(So với bài viết trước, tôi đã có những tiến bộ sau: ...)

.....
.....

4. What I need to improve more is...

(Điều tôi cần cải thiện trong bài viết của tôi là...)

.....
.....

5. To get improvement in next writing task, I must...

(Để cải thiện trong bài viết tiếp theo, tôi cần làm những việc sau: ...)

.....
.....

Đánh giá xác thực/đánh giá thực tiễn - Là tập hợp những thách thức thực tế và thường dựa trên cơ sở năng lực thực hiện: Người học cũng được yêu cầu áp dụng/chứng minh kiến thức, kỹ năng, hoặc năng lực theo bất kỳ cách nào mà các em thấy phù hợp.

Tóm lại GV biết cách lựa chọn hay tự xây dựng được bộ công cụ đánh giá phù hợp sẽ góp phần nâng cao giá trị khoa học của kết quả đánh giá.

IV. Ma trận đề kiểm tra minh họa (Lớp 10)

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KỲ MÔN TIẾNG ANH, LỚP 10 THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 - 90 PHÚT

TT	Kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng	
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao			
		Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)
1	Listening	10	4 - 6	10	6 - 8	5	3 - 6			25	13 - 20
2	Language	10	3 - 6	10	5 - 6	5	3 - 6			25	11 - 18
3	Reading	15	8 - 12	5	5 - 6	5	5 - 7			25	18 - 25
4	Writing	5	5 - 6	5	4 - 5	5	4 - 6	10	5 - 10	25	18 - 27
Tổng		40	20 - 30	30	20 - 25	20	15 - 25	10	5 - 10	100	60 - 90
Tỉ lệ (%)		40		30		20		10			
Tỉ lệ chung (%)		70				30					

Lưu ý:

- Thời gian mang tính đề xuất, giáo viên ra đề tham khảo để lựa chọn số câu hỏi cho phù hợp với thời gian ấn định của bài kiểm tra.
- Tỉ lệ mức độ nhận thức mang tính đề xuất.
- Tỉ lệ giữa các kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ có thể điều chỉnh trong khoảng 5%.
- Tỉ lệ được tính dựa trên điểm số, không tính trên số lượng câu hỏi.
- Tỉ lệ giữa câu trắc nghiệm khách quan và câu tự luận là tương đối, có thể điều chỉnh theo điều kiện thực tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), Tài liệu tập huấn đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực học sinh các môn học, Vụ Giáo dục Trung học.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*. (Ban hành kèm theo *Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT* ngày 24 tháng 01 năm 2014).
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông – Chương trình môn Tiếng Anh* (Ban hành kèm theo *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT* ngày 26 tháng 12 năm 2018).
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH* ngày 18 tháng 12 năm 2020, V/v xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Thông tư số 43/2021/TT-BGDĐT*, ngày 30 tháng 12 năm 2021, Quy định về đánh giá học viên theo học chương trình GDTX cấp THCS và cấp THPT.

Tiếng Anh

1. Airasian, P. W. (2005). *Classroom assessment: concepts and applications* (5th Ed.). Boston: McGraw-Hill.
2. Bachman, L.F. (1990). *Fundamental considerations in language testing*. Oxford University Press.
3. Brown, J. D., & Hudson, T. (1998). The alternatives in language assessment. *TESOL Quarterly*, 32(4), 653- 675.
4. Harmer, J. (2001). *The practice of English language teaching* (3rd ed). Pearson Education Limited: Longman.

5. Herman, J., Aschbacher, P. R., & Winters, L. (1992). *A practical guide to alternative assessment*. Alexandria, VA: Association for Supervision and Curriculum Development.
6. Mabry, L. (1999). *Portfolios plus : a critical guide to alternative assessment*. Thousand Oaks, California: Corwin Press.
7. Ur, P, (1996) *A Course in Language Teaching*. Cambridge: CUP.